



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỠ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: **NGUYỄN-VỸ**

Quản-lý: **TRẦN-VĂN-LANG**

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — E. T. Sài Gòn 307



BỘ MỜI SỐ 29 * 1.3.1960

1.— Tao đàn Phổ-thông P. T.	7 — 9
2.— Đèn vàng điện ngọc Mai-hương-Vân	10 — 18
3.— Bài thơ Châu-Châu đá voi Nguyễn-đình-Diệm	19 — 20
4.— Một đời người (hồi ký) : Thiệu Sơn	21 — 25
5.— Danh nhân : Saint-Exupéry Nguyễn-khắc-Thiệu	26 — 33
6.— Pho tượng của Bà Chúa Nguyễn-ang-Ca	34 — 37
7.— Khổng-Minh Nguyễn-quang-Lục	38 — 40
8.— Dưới chân Thượng-Đế (thơ) Như-Lan	41
9.— Những áng thơ hay Thâm-thệ-Hà	42 — 45
10.— Vương-Thúy-Kiều Bạch-Thủy	46 — 55
11.— Trái bom nổ trong buổi bình minh Mặc-Thu	56 — 58
12.— Nàng chinh phụ trong Chinh-phụ ngâm. Vũ-đức-Trinh		59 — 64
13.— Cỗ viện Châm (thơ) Hoài-Nhân	65
14.— Chém cha cái số... « Hoa Đào » . .	. Lưu-trùng-Hung	66 — 68

15.— <i>Bạn tôi lấy vợ (truyện ngắn)</i>	Hoàng-Thắng	69 — 76
16.— <i>Một giờ nói chuyện với Sajono</i>	Nguyễn-thu-Minh	77 — 80
17.— <i>Những đêm cầu cơ tại nhà Victor Hugo</i>	Tân-Phong	81 — 84
18.— <i>Cha tôi : Ông Phan-Khôi</i>	Phan-thị-Mỹ-Khanh	85 — 91
19.— <i>Văn sĩ thi sĩ tiên-chiến</i>	Nguyễn Vỹ	92 — 96
20.— <i>Vài nhận xét về Văn-hóa</i>	Sugiyama	97 — 101
21.— <i>Buồn đêm mưa (thơ)</i>	Hoài-Hương	— 102
22.— <i>Cô gái điên</i>	Vi-huyền-Đắc	103 — 106
23.— <i>Đời mới dưới mắt họa sĩ</i>	Gyao	107
24.— <i>Mình ơi!</i>	Diệu-Huyền	108 — 116
25.— <i>Giới thiệu sách báo mới</i>	P. T.	117 — 118
26.— <i>Thơ lên Ruột</i>	Diệu-Huyền	119 — 120
27.— <i>Kiên trinh</i>	Cô Văn-Nga	121 — 122
28.— <i>Đáp bạn bốn phương</i>	Cô Bạch-Yến và D. Huyền	123 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền

- ★ Bản kẽm Nguyễn-Văn-Dầu
- ★ Bìa Offset Vạn-Quốc

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam



Khai-Bút Xuân Canh-Tý

Đầu năm nay, chúng tôi có nhận được 2 bài thơ «khai bút» của hai nhà Thi-sĩ Cổ lão có thịnh tình gửi thăm trong dịp Tân Xuân :

— Cụ ƯNG-BÌNH THỨC-GIÀ-THỊ,
84 tuổi, (Hương-Bình Thi-Xã, Huế).

— Cụ THƯỜNG-TIÊN LÊ-QUANG-NHƠN,
78 tuổi, (Nam-Phong Thi-Xã Saigon).

Xin dâng nguyên văn hai bài sau đây, mời các bạn *Tao-Đàn Phở-Thông* tùy sở thích họa chơi với hai Cụ cho vui.

Tao-Đàn cũng rất hoan nghênh những bài *khai bút* khác của các Thi hữu bốn phương.

Chúng tôi sẽ chọn đăng lần lượt những bài hay nhất nơi mục *Tao-Đàn Phổ-Thông* khởi từ số sau.

KHAI BÚT XUÂN CANH TÝ 1960

Của Ung-Bình Thúc-giạ-Thị

Nửa đêm trừ-tịch đốt lò hương,
Giở sách xưa xem chuyện Tống, Đường.
Nghe tiếng chuột reo khi xôn gió,
Nhìn con bướm liệng buổi tan sương.
Liều giảng trước cửa khoe màu lục.
Mai nở quanh sân đượm sắc vàng.
Đề vịnh có đôi câu chuyết thảo,
Gửi thăm thi-sĩ bạn từ-chương.

Bác-thập-tứ tuế lão-phụ
UNG-BÌNH THÚC-GIẠ-THỊ

KHAI BÚT XUÂN CANH TÝ

của Thường Tiên LÊ-QUANG-NHƠN

Còn sống đôi năm thế cũng vừa,
Một đời ngàn ấy phí cho chưa?
Công danh dầu chẳng nên ông lớn,
Sự nghiệp may ra có của thừa.
Kết bạn năm châu tràn mạch hứng,
Gieo tình bốn bể lắm duyên wa,
Bảy mươi tám tuổi trời không phụ,
Tình dưỡng hồn thờ mãi lộc-lừa.

THƯỜNG - TIÊN.

XUÂN TỰ TÌNH

Kinh họa nguyên-vận Cự Thúc-giạ-Thị

Đêm Xuân ấm áp khói, trầm, hương.
Riêng bóng bơ-vơ mấy nẻo đường.
Mù-mịt Nước Non, hồn gọi gió,
Ngậm ngùi thân thể, nhận kêu sương.
Câu thơ vướng lệ vàng sao bạc,
Tiếng để cầu kinh hận tuổi vàng.
Lê kiếp âm thầm, vai trĩu nặng :
Nợ tình, nợ nghĩa, nợ văn chương !

N. V.

KÍNH HỌA THƯỜNG TIÊN TÔN HUYNH

Đời sống bao năm cũng chẳng vừa.
Bảy-mươi-tám tuổi thật già chưa?
Thân tâm nhả kén, e không đủ,
Giống mộng wong hoa vẫn có thừa.
Ngọn bút phở màu, hương sắc thắm,
Nụ cười tươi nhụy, bướm ong wa.
Túi thơ bầu rượu, trăng, mây, gió,
Vững bước thiên-thu, lọ kén lừa !

N.V.

Đèn vàng điện ngọc

hay

*Những thiên tình
sử ly kỳ của chôn*

1.001 ĐÊM

* MAI-HƯƠNG-VÂN

I. — MỘT CUỘC ĐÒI CHÁT ĐẦY MÁNH KHOÉ

OA Nghi chằm chệ trên chiếc ngai vàng nạm ngọc, quốc vương En-Nát-Sơ rảo mắt nhìn một lượt bọn cung tần mỹ nữ đang ngồi thành hình cung nguyệt trên sàn điện lát bằng đá cẩm thạch lấp lánh. Rồi nhà vua vỗ tay đôm đốp ba cái, đồng dục truyền lệnh :

Nào, mỹ nương của Trẫm đâu hãy lên gần trẫm.

Vừa nghe tiếng gọi, một cung phi khoan thai đứng dậy rời chỗ ngồi tiến về phía long sàng rồi ngoan ngoãn phủ phục dưới chơn nhà vua. Quốc Vương En-Nát-Sơ đưa tay vuốt râu khoái chí, rồi ra dấu :

— Đẹp lắm ! đẹp lắm ! Trẫm cho phép ái khanh bình thân ! Lệ Uyên của ta ơi !

Người đẹp từ từ ngẩng lên ngược nhìn mặt rồng rồi tung hô :

— Tiệp thiếp Lệ Uyên cúi cung kính chúc thiên nhan tuế tăng vạn tuế.

Quốc Vương En-Nát-Sơ rộ lên vì lời nói dịu dàng của người ngọc, ngài vội khoát tay :

— Không; không trẫm miễn lễ

cho ái khanh mà. Lệ Uyên liếc cặp mắt sắc như dao về phía nhà vua rồi nói :

— Tiệp thiếp xin cảm tạ ơn rồng.

Nhà vua lúc ấy đê mê cả tâm thần hồn phách như phiêu diêu vào chín tầng mây. Ngài không ngại ngừng gì ra lệnh :

— Lệ-Uyên ơi, nàng biết nàng đẹp lắm không, ta cho phép nàng cởi tất cả vải che phủ bên ngoài... lột tất cả.

Lệ-Uyên hơi giật mình khi nghe vua truyền : Lột tất cả ! để phô bày tấm thân kiều diễm của nàng ra trước trào đình à ? không ! Lệ Uyên không thể nào làm việc đê tiện như vậy được... nhưng bây giờ chống lại ư ? Chỉ chước lấy cái chết. À ! Lệ Uyên chỉ còn cách là dùng sắc đẹp để bỏ ý định của nhà vua. Nàng nhả mây cúi rạp đầu tâu :

— Tấu thiên nhan ! Tiệp Thiếp cúi rạp mình dưới chơn rồng mong ơn trời biển cả tha cho tiệp điều ấy... vì tiệp thiếp khó mà phơi bày ra trước trào đình đồng đủ bá quan văn võ như vậy... dù sao tiệp thiếp cũng là của... riêng thiên nhan kia mà.

Nhưng Quốc-Vương En-Nát-Sơ muốn tức là đã trời muốn

không ai dám cãi lại ngài điều gì cả ! Từ trước đến nay mới chỉ mình Lệ Uyên là dám cãi lại. Nhà vua vỗ long án thét :

— Không thể được, không thể được. Nàng là cung phi. Ta là Thiên Tử. Nàng chỉ có một quyền duy nhất là phải tuân lệnh ta ban truyền ! Biết chưa ? biết chưa ?

Lệ Uyên đứng lặng người, sắc đẹp của nàng đã không cứng lại ý muốn đầy nhục dục của Quốc-Vương, nhưng nếu bây giờ tuân lệnh thì trời ơi ! còn gì là danh giá còn gì là thể diện. Nhuốc nhơ đê tiện quá. Nàng đau khổ muốn khóc thét lên nhưng nàng lại nghe như tử thần lảng vãng bên mình thôi thì Lệ Uyên đành nhắm mắt làm liều chứ biết sao giờ ! Hôm qua nàng chỉ là con nô-lệ như muôn ngàn thiếu nữ khác, may nhờ sắc đẹp hôm nay nàng được làm cung phi — nhưng ngày mai sắc đã tàn, hương đã nhạt, liệu nàng ra sao ? Đứng trước uy lực quyền cao của một vị quốc vương, nàng biết làm gì hơn là cúi đầu tuân lệnh... cúi đầu luôn cả manh lụa mỏng dính phủ thân nàng, một tấm thân lộ liễu như tượng khỏa

thân phơi bày ra trước mắt Quốc Vương En-Nát-Sơ và vị quý khách của Quốc Vương là En-Sa-La vua xứ Ai-cập.

Quốc Vương En-Nát-Sơ vừa khoái chí vừa hãnh diện quay sang vị tân khách của mình đang thả hồn vào cõi mộng.

— Này vương huynh, chắc chưa bao giờ vương huynh được thưởng thức một sắc đẹp, một thân hình kiều diễm như vậy chứ ? Này... này vương huynh hãy nhìn kỹ những đường cong tuyệt mỹ kêu gọi nhất trần đời — nàng quả là một nữ thần của thế gian...

Quốc Vương En-Nát-Sơ vừa kể với giọng khiêu khích dục tình Quốc Vương En-Sa-La, vừa nhìn theo trạng thái biến chuyển của vị vua giàu tiền háo sắc kia... Ông ta cứng đờ người và mãi chố mắt vào Lệ Uyên—Quốc Vương En-Nát-Sơ thích chí cười híp mắt và kể tiếp :

— Làn da trinh bạch của Lệ-Uyên còn dịu dàng hơn cả hoa hồng trong vườn Thượng uyển — và nhất là đôi mắt đen láy bồ câu của nàng đẹp hơn cả vạn bài thơ đẹp của thế nhân... lấp lánh hơn cả muôn vì tinh tú trên trời,

và sáng hơn cả ánh sáng của vàng thỏi dương lúc ban mai trên biển cả. Nào, vương huynh thử sờ những sợi tơ óng ả, mịn màng mà trời đã ban cho nàng chứ không phải là tóc nữa...

Đôi mắt cú vọ của quốc vương En-sa-la vẫn hau háu dính liền thân hình ngà ngọc của Lệ-Uyên. Cái nhìn của ông ta bộc lộ tất cả sự thèm muốn đang bốc cháy trong lòng ông ta. Và như không kềm hãm được sự dồn ép, khao-khát rạo-rực trước những lời diễn tả của En-nát-sơ, quốc vương, đại quốc Ai-Cập chợt nói :

— Vương huynh muốn bao nhiêu đệ trả cho ! Mười vạn tiền vàng được không ?

Nhưng thay vì chiều lòng vị quốc vương háo sắc kia để gây cảm tình thì trái lại quốc vương En-nát-sơ cười to bảo :

— Hà, hà ! dù cho vương huynh trả một triệu đồng tiền vàng tôi cũng không bằng lòng lựa là mười vạn ! Vì nàng là ái phi tôi sung-ái nhất ; vì nàng là viên ngọc quý nhất đời ; vì nàng là cái gì vô giá trên cõi này, vì nàng là... v... v...

Sự thèm muốn càng tăng khi bị từ chối, quốc vương Ai-Cập càng

nài nỉ :

— Hay vương huynh cho đệ đòi tất cả kho tàng của đệ trong các Kim-tự-Tháp...

Càng cười to hơn, quốc vương En-nát-sơ nói :

— Càng không được nữa vì vàng đâu có ôm-áp được. Vàng đâu có thể đem lại cái sang-khoái ha, ha, vương huynh đừng đòi vô ích.

Quốc vương Ai-Cập giận tím mặt, vỗ án thư quát :

— Thế tại sao vương huynh lại đem cái lửa thề, cái kêu gọi của nàng ra để tán tụng trước mặt đệ. Y hết những tên chuyên bán nô-lệ ở ngoài chợ vậy.

Quốc vương En-nát-sơ đưa tay thông thả vuốt chòm râu cằm, cười nham hiểm :

—Ồ ! Như vậy là vương huynh hiểu lầm thiện chí của đệ rồi ! Vì đệ tỏ lòng kính trọng tôn sùng vương huynh, đệ mới mang cái kho tàng vô giá, cái công trình tuyệt mỹ của tạo hóa kia ra để vương huynh mục kích thế thôi.

Nàng cũng như một bức tượng pha-lê trong suốt nhưng vô tri, đệ cho vương huynh xem như thế,

nào đệ có ý bán pho tượng ấy đâu mà vì muốn khoe với vương huynh là đệ có pho tượng đẹp vậy mà.

Mặc cho những lời lý luận thừa của Quốc Vương En-Nát-Sơ, vị vua của đại quốc Ai-cập vẫn van nài :

— Vương huynh quá quắc đến thế là cùng, đây là lần chót đệ van huynh nhường Lê-Uyên lại cho đệ, đệ sẽ tặng huynh một triệu đồng tiền vàng, ngoài ra đệ sẽ liên minh với huynh trên hai mặt kinh tế — quân sự để ngăn giữ quân Mông cổ — và Gia Tô huynh có bằng lòng không ?

Thấy con mồi của mình đã sa bẫy, Quốc Vương xứ Si-ry cười híp mắt nói :

— Lê ra đệ không bao giờ để ái phi của đệ lìa xa đệ tác nào — nhưng nề tình huynh là bạn lân bang — đệ sẽ nhận điều kiện của huynh là trao đổi nàng Lê-Uyên để nhận một triệu đồng tiền vàng và ký kết tờ hiệp ước liên minh quân sự — kinh tế.

Thật ra ý định của Quốc Vương En-Nát-Sơ là cố gài bẫy để nhận số tiền vàng của Quốc Vương Ai - cập. Quốc Vương



Si - ry lại không ngờ đ ư ợ c số tiền to như vậy. Với số tiền đó. Q u ố c - Vương sẽ cải tổ lại quân đội — phát triển k i n h tế — lại còn hiệp ước nữa. Như vậy từ đây quốc gia Si- Ry không còn sợ bị

mất đất vì bọn Mông-Cô và Gia Tô. Chiến thuật của Quốc Vương En-Nát-Sơ quả cao cường thật, vờ từ chối để đưa cái thêm khát của Quốc Vương Ai-cập đi đến cực độ. Khi ấy Quốc Vương quên cả sự bẫy rập mà chỉ còn nghĩ đến việc chiếm đoạt cho được người đẹp là đủ rồi, dù khi chiếm được phải trả một giá rất đắt.

Thế rồi hai hôm sau Quốc Vương Ai-Cập lên đường về nước bên cạnh có nàng Lê-Uyên đẹp mê hồn ! Trong lúc ấy tại Si-

ry nhà vua ra lệnh toàn dân ăn mừng một thành công bất ngờ... Mà cũng vì cuộc thay đổi ấy mà cuộc đời của nàng Lê-Uyên lại đi thêm một khúc quanh mới.

II. CUỘC ĐỜI CỦA NÀNG LÊ-UYÊN

Lê-Uyên vốn là người Mông-cô, mẹ nàng gốc ở ' Cô-Ca '. Với vẻ đẹp mặn mà hiếm có lúc còn niên thiếu, mẹ Lê-Uyên bị bắt bởi bọn xâm lăng Mông-Cô khi khi chúng tràn đến lãnh thổ Cô-Ca dưới quyền chỉ huy của Tướng-lãnh ' Gen-gi-Khan '. Đầu tiên mẹ Lê-Uyên bị giam chung với hơn một ngàn người đẹp khác trong doanh trại riêng của quân Mông-Cô. Nhưng rồi vì sắc đẹp của bà đã lọt vào mắt của ' Gen-gi-Khan '. Thế rồi từ một nàng nô lệ mẹ Lê-Uyên được đem lên hàng áp trại phu nhân ' Gen-gi-Khan tướng quân '. Và chính thế mà nàng Lê-Uyên ra đời tại doanh trại quân Mông-cô với hai dòng máu Mông-Cô (cha) và Cô-Ca (mẹ). Nàng và mẹ được trú ngụ tại một lều bằng ni phủ lông cừu, dù tuyết đổ hay mưa rơi vẫn ấm áp như thường. Nhưng một ngày kia,

ngày buồn nhất của Lê-Uyên và mẹ nàng : Đại Tướng quân ' Gen-gi-Khan ' thỉnh linh bạo bệnh qua đời...

Cái tang Cha và Chồng chưa mãn thì bọn tướng lãnh dưới trướng của ' Gen-gi-Khan ' lại tranh nhau giành cho được mẹ Lê-Uyên vì dù sao bà vẫn còn trẻ đẹp. Thế rồi gót chân xâm lăng của quân Mông-Cô lần lượt dẫm lên Trung-Hoa — Ba-Tur — Si-Ry — Ai-Cập v.v... và trong ấy có cả mẹ con nàng Lê-Uyên !.. Và khi đoàn quân đến Thổ-Á đóng trại chưa kịp chỉnh đốn hàng ngũ thì bị ngay quân binh Thổ tràn tới đánh úp và bắt theo cả đàn bà con gái ! Trong số ấy có cả Lê-Uyên còn mẹ nàng thì vô phúc bị tử thương trong lúc tên bay đạn rêu. Thế là từ đây Lê-Uyên đành xa hẳn người mẹ thân yêu đã xuống tuyền đài hội ngộ với cha nàng. Năm nay Lê Uyên vừa được 13 tuổi.

Tuy còn trẻ tuổi nhưng Lê-Uyên có một vẻ đẹp khác thường hơn hẳn người, một vẻ đẹp sớm phát triển hơn cả các đám trẻ cùng lứa tuổi với nàng. Vì thế rất nhiều kẻ toan rắp sanh bần sê ; có lẽ vì sắc đẹp mê hồn ấy nên không ai

còn coi nàng là trẻ con nữa. Trái lại nàng là một thiếu nữ yêu kiều, diễm lệ hoàn toàn nảy nở với tuổi dậy thì. Thế là Lệ Uyên trở nên một nàng nô lệ đắt tiền nhất.

Rồi tình cờ một hôm quốc vương sú Si-Ry En-nát-Sơ gặp được nàng, mê mẩn tâm thần vội bỏ tiền ra mua ngay Lệ Uyên về để ấp ủ, để diễm tô cung vàng điện ngọc của nhà vua thêm lộng lẫy.

Tuy thế, nào ai biết đâu theo sát bên mình Lệ Uyên vẫn có một người âm thầm yêu nàng và bảo vệ nàng, người ấy là một thanh niên Thồ-nhĩ-kỳ bị bắt trong lúc cha mẹ Lệ Uyên còn oai quyền. Chàng đã yêu nàng tha thiết đậm đà nhưng chỉ yêu trong thầm lặng. Thanh niên ấy tên là : " Dã Bình ". Chàng rất khỏe người, đẹp trai và cũng chính chàng đã bao lần cứu Lệ Uyên thoát khỏi cảnh ô-nhục. Lệ Uyên biết chàng lắm nhưng nào rõ lòng chàng. Khi quân Thồ cướp trại quân Mông-Cồ. Dã Bình được giải thoát. Nhưng vì đã yêu Lệ Uyên nên chàng vẫn theo sát bên nàng. Và trong lúc Lệ Uyên ở trong cung thì Dã Bình được nàng đem vào làm vệ-sỹ với chức « điều

chỉnh », nghĩa là cầm đầu toán vệ-sỹ. Toán vệ-sỹ này có việc duy nhất là bảo vệ nàng Lệ Uyên. Cũng vì thế mà Dã Bình và Lệ Uyên luôn luôn gần nhau.

Khi Lệ Uyên được bán cho quốc vương Ai-Cập En-sa-la thì toán vệ-sỹ cũng được mua luôn để giữ nàng. Dã Bình rất mừng rỡ vì được gần người yêu nhưng chàng có biết đâu Lệ Uyên chỉ coi chàng như người anh thôi ! Vì trình tiết đã bị ô-nhục rồi ! Nàng không còn thiết gì đến một tình yêu chân thật cả.

III. ĐỜI SỐNG MỚI CỦA LỆ - UYÊN TẠI AI-CẬP

Về tới Ai-Cập, Lệ Uyên được quốc vương En-sa-la sủng ái ghé gớm. Ngày cũng như đêm nhà vua đều buộc nàng phải ở luôn bên cạnh. Tất cả việc trào nội vua giao cả cho quan nhiếp chính « Lã-Bằng ». Còn nói gì hoàng hậu và bọn cung phi của vua đều vô nghĩa cả ! (Chỉ tội nghiệp Hoàng-Hậu Ai-Cập : Ý-Thế-Liên cũng là một bông hoa đẹp ngày nào bị vua cưỡng ép thế mà bây giờ đành lùi vào ký-ức của vua). Nhà vua thường nhủ với Lệ Uyên :

— Lệ Uyên của lòng trăm l về đẹp của nàng đã vượt hẳn Cơ-Lê-Bích (Cléopâtre) và Liên - Ca-Bạch-Nga (Lucrece Borgia) nữa cơ...

Thế rồi vì quá mê Lệ Uyên nên quốc vương En-sa-la đã không ngần ngại phế hoàng hậu để đem nàng lên chức cao cả của bực mẫu nghi. Lệ Uyên bây giờ là chánh-hậu. Còn nàng Ý-Thế-Liên bây giờ phải giam lãnh cung, (kiếp hồng nhan đa truân có khác) Lệ Uyên được nhà vua yêu vì bao nhiêu thì Dã Bình càng đau khổ bấy nhiêu. Cũng như Lệ Uyên nàng chỉ phó mặc cuộc đời cho định mệnh vì dù sao đời nàng cũng như là cánh hoa tàn rồi. Nàng sống cuộc đời giữa chốn lầu vàng điện ngọc nhưng hoàn toàn tê lạnh và ê-chề...



Cái tin đạo quân Gia-Tô sắp sửa tiến binh vào Ai-Cập để giải phóng Thánh-Đija (Giê-ru Sa-lem nơi chứa Cứu thế đã ra đời và chết tại đây để ba ngày sau sống lại thêm bốn mươi ngày nữa rồi thăng thiên) lan ra rất nhanh khiến dân chúng hoảng hốt tấp nập tản cư. Vua En-sa-la được cấp báo hung tin giật mình thức tỉnh !

Và vì đã có ký hiệp ước liên minh chống quân Gia-Tô nên quốc vương liền huy động quân lực chống lại giặc của Vương quốc Pháp ở bên kia trời Âu do chính hoàng đế Louis đệ cửu điều khiển.

Quân Gia tô nhờ có lối trang phục giáp sắt kỳ lạ nên tiến đến đâu quân Ai Cập sợ bỏ chạy đến đấy ; và đoàn thập tự quân của Pháp chiếm thành không tốn giọt máu. Chẳng mấy chốc đoàn quân Gia tô đã chiếm đến kinh thành Đạt-Mích (Damiette) tại bờ sông Nil. Trong khi ấy tại Da-Mách (Damas) cách Đạt-Mích hai trăm dặm (335 km) Quốc-Vương En Sa La vì quá say mê dục tình nên khi nghe tin thành Đạt-Bích thất thủ mất tinh thần phun huyết cả vũng và thọ bệnh luôn. Nhưng vì tinh thần và ý chí đấu tranh nhà vua ra lệnh cho hai mươi vạn quân tinh nhuệ lên đường trực chỉ Đạt-Bích để một phen rống mái với quân gia-Tô. (có điều nhà vua vẫn mang theo Lệ-Uyên bên mình) Đoàn quân chưa đến Đạt-Bích thì quốc vương En Sa La vì yếu quá nên ngã hà trên kiệu... cũng vì nhà vua quá yếu lại ở tài sức của mình... cũng vừa lúc ấy đoàn Gia tô qua

được sông Nil và tiến lần về Phả - rơ - Kua (Farreskour). Đi đến đâu quân Ai cập tan nát đến đấy... còn nàng Lệ-Uyên vì quá đau khổ nên tự ả bên mình quốc vương En-sa-la. (Thế là một kiếp hoa tàn theo chinh chiến)!

Đúng lúc ấy Dã-Bình nhảy ra cầm đầu đoàn quân quyết cảm tử chống bọn Gia Tô nhưng than ơi ! Tài trai có thừa mà cô độc thì có ích gì... Chàng đã ngã gục dưới lưới giáo oan nghiệt của bọn Thập Tự quân và khi tắt hơi thờ

cưỡi cùng đã thét lên :

— Lệ-Uyên ! Lệ-Uyên chờ anh theo với...

Đoàn quân Ai-Cập mất chủ tướng như rắn không đầu chạy tán loạn...

Trận ấy quân Gia-Tô toàn thắng và kéo luôn về Đa-Mách chiếm quốc gia Ai-Cập, chấm dứt luôn một triều đại En-sa-la từng oanh liệt một thời. Mà cũng chấm dứt luôn một thiên tình éo le của nàng Lệ-Uyên.



★ CHUYỆN CON CHUỘT BÊN MỸ

Theo tin báo Mỹ, hôm tết vừa rồi một con chuột làm náo động cả đường phố Chicago. Nguyên-do vì một con chuột ở trong một căn nhà bỏ ra, bị một con mèo rượt bãng qua đường. Một con chó đuổi theo con mèo. Chuột, Mèo, Chó, chạy loanh-quanh trên đại-lộ, khiến cho xe cộ phải ngưng lại. Thế rồi từng đoàn xe bị kẹt trên quãng đường dài, sự lưu thông bị đình-trệ mất 20 phút sau mới giải toả được. Kết cuộc : con chó bị xe cán chết, con mèo bị thương nơi chân, con chuột chạy trốn thoát.

★ CHỈ CÓ MỘT... THÔI

Giờ Luận, cô giáo ra đầu đề : «tả con mèo nhà em nuôi».

Lúc chấm bài, cô giáo thấy bài của hai chị em trò Thoa giống hệt nhau. Khi trả bài, cô mắng cả hai :

— Các em có biết chép bài của nhau là xấu lắm không?

Hai chị em trò Thoa thản nhiên :

— Cô mắng oan chúng con quá. Vì ở nhà chúng con chỉ có một con mèo thôi ạ.

T. P.

Bài Thơ

« Châu-chấu đá voi »

CỦA « ÔNG TƯ'ÔNG CHÂU - CHẤU »

★ NGUYỄN-ĐÌNH-ĐIỆM

CHÂU CHẤU đá voi, thoát nghe cứ tưởng nó là câu vi thông thường, nhưng mà biết đâu nó lại bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Thi gia thường hay mượn nó đặt làm đề tài viết những vần thơ châm biếm' chả thế mà cách đây mấy tháng, Vũ-hoàng-Chương thi sĩ, trong một bữa tiệc nào đó, tức cảnh ngâm lại hai câu, rồi bị Nùng-Sơn Tiên-Sinh nhận quyền sáng-tác, nhưng sau cũng đặng đi đến dĩ-hòa.

Cũng trong thời gian ấy, Vương-hồng-Sên tiên sinh lại nhắc cho độc giả biết : Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ ngày trước cũng có một bài châu chấu đá voi, đã từng in trong thi tập.

Chẳng những thế, ngay chính tôi đây trước kia cũng đã được nghe một bài, bài ấy sáng tác lại

có nguyên-ủy, nhân tiện cũng xin thuật lại như sau :

Nguyên do mười mấy năm trước, khi ở Hà-thành tản cư về huyện Kim-Động thuộc tỉnh Hưng Yên, nhân có một hôm đến thăm ông bạn nhà nho, Ông vốn là người biết nhiều nhớ kỹ, sau mấy câu chuyện hàn huyên, Ông bèn giới thiệu cho biết :

Vùng đây trước kia là vùng bãi sậy, câu chuyện kháng chiến của các vị văn thân Ông kể lại rất tường tận, lạ nhất là câu chuyện của một Ông tướng nhà nho mà thời đó ai cũng kêu là Ông tướng Châu - Chấu ! Châu chấu đá voi thế mà voi cũng nhiều phen thất điên bát đảo !

Nghe tuấy cái tên lạ-lạ chúng tôi vội hỏi : Ô này Bác, chuyện bãi sậy chính tôi đã đọc nhiều lần nhưng chưa từng thấy vị

anh hùng nào lại có cái tên như vậy ? Vậy Tướng Châu-chấu là ai ?

Ông đáp: Ồi chao ! Trong đám bãi Sậy ngày xưa, biết bao anh hùng hảo hán, sở dĩ không ai được biết tên tuổi, chỉ vì sau ngày tan vỡ, các vị đều phải thay ngày đổi tên lánh đi nơi khác, rồi sau quân Pháp kéo đến thì ai còn dám nhắc nhớ đến tên, Ông tướng châu chấu cũng vậy, lúc ấy ông cũng vượt tuyến sang Tàu, rồi sau tuyệt vô âm tin, nhưng ông là người cùng xã, nhờ có các Cụ ngày xưa thuật lại, nên tôi mới biết đó thôi, vậy tôi cũng xin kể lại để Bác được rõ.

Nguyên ông tên tự là Châu, thi đỗ Tú Tài, chẳng những văn hay chữ tốt, võ nghệ lại rất cao cường, người bé lách tách thể mà can đảm lạ thường, lúc bãi Sậy nổi lên thì Ông ở trong hàng ngũ cầm tử, vẫn thường cầm đầu những toán nhỏ nhỏ để đi đánh úp các nơi, đương đêm xông vào trại địch chém giết một hồi sau lại thoát ra như bôn, làm cho quân Pháp lăm lăm phen hoảng hồn ! Nhất là bọn lính khổ đỏ khổ xanh, mỗi lần nghe thấy tiếng thét của ông, thì chúng run lên cầm cập ! Vì thế chúng mới tặng ông một cái mỹ danh, gọi là ông Tướng Châu Chấu !

Thế rồi vào khoảng cuối năm

Bính Tuất hay là Đinh Hợi (1886-87) gì đó, các vị văn thân xa gần, kéo về bãi Sậy, dự tiệc tất niên. Trước là cùng nhau, chúc chén rượu Xuân, sau là kiểm điểm công việc năm qua để tìm kế hoạch chiến đấu năm tới, lúc gần mãn tiệc, ông được Đốc-Cóp đứng lên tuyên dương công trạng, cử tọa vỗ tay liên tiếp ! Ba tiếng Tướng Châu chấu vang động cả mấy gian phòng, ai cũng khen ngợi, chủ soái thấy vậy, gọi ông lại gần ban cho một chén rượu lớn và bảo :

Này ông Tú Châu hay là Ông Tướng Chấu chấu, ông hãy nhận lấy phần thưởng, uống cạn chén rượu này đi, chén rượu có đầy hương vị thắng lợi ngày Xuân, rồi ông lấy ngay bốn chữ Châu chấu đá voi làm đầu đề ngâm một bài thơ, để cho các vị cùng tôi thưởng thức.

Ông cúi đầu phụng mạng, giơ tay đỡ lấy chén rượu uống cạn một hơi rồi ông cất giọng ngâm, luôn một bài bát cú.

Thơ rằng:

*Sinh chấu sao giờ lại để voi ?
Sợ gì chấu chẳng đá voi chơi..
Đôi chân xá nản khi chà đạp
Một đạn khôn yên lúc đứng ngồi
Ta dẫu ngáng xe nhưng mạnh
cánh*

*Người sao thấy kiến lại co vòi ?
Ai ơi chớ vội cười chấu chấu.
Hãy tạm dừng chân thử ngắm
coi.*

HỒI KÝ

Một Đời Người

THIỆU-SƠN

PHẦN THỨ HAI

XII

HỘI PHÁP VIỆT VÀ HỘI NHÂN QUYỀN

(Tiếp theo P. T. số 28)

ĐẢNG XÃ-HỘI có quyền hoạt - động công - khai ở Đông-Dương. Đảng Cộng - Sản Pháp không có quyền đó, chỉ được phép tổ-chức thành một nhóm nghiên-cứu chủ - nghĩa Mác-Xít gọi là Groupe culturel marxiste.

Nhóm này cố - nhiên là có những liên-lạc bí-mật mật-thiết hơn đối với những đồng-chí của họ ở trong khu. Họ không tin nhóm XÃ-HỘI và nhóm XÃ-HỘI cũng không tin họ. Nhiều khi cũng có những hành động thống nhất nhưng hai bên vẫn sanh-hoạt riêng và có những đường lối chủ trương riêng.

Nhóm Mác-Xít ủng hộ kháng-

chiến có đồn-g-chí của họ ngầm ngầm lãnh-đạo. Nhóm XÃ-HỘI ủng hộ kháng chiến vì là một cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc, nhưng không muốn cho đảng nào lấn đảng nào và lại càng không muốn để đảng Cộng-Sản nắm quyền lãnh đạo. Tôi có tiếp xúc với mấy anh Canac, Saulnier, Petelot. Các anh cũng tuyên bố đồng quan điểm với chúng tôi nhưng các đồng chí XÃ-HỘI bảo tôi phải dè-dặt và đề cao cảnh giác, miễn đừng làm sức mẻ đoàn kết khi còn cần phải hợp sức lại để đương đầu với thực-dân.

Nhóm Văn-Hóa Mác-Xít cũng xin ra được tờ báo chữ Pháp, tờ Lendemains (Những ngày

mai) nhưng tờ này được ít lâu bị đóng cửa.

★

Cũng vào năm 1946 một kỹ-sư người Pháp tên là Tuillier được Cao-ủy-phủ Ủy-nhiệm thành-lập hội «Thân-Hữu Pháp-Việt Đông dương». Ông Tuillier mời các nhà trí-thức Pháp-Việt tới nhóm họp ở Tòa Đô - Sảnh để thảo-luận điều-lệ và bầu ban chấp-hành. Nhưng số người đến họp phần - đông là những phần-tử dân-chủ. Thế rồi điều-lệ bị sửa đổi bộn-bàng, ban chấp - hành được bầu lên hầu-hết không tán thành chánh - sách của Cao-ủy-phủ. Tuillier thất - bại vì thấy mình cô - độc trong ban chấp-hành được bầu lên. Ông thua buồn, chỉ thè rồi rút lui có trật-tự.

Ông Courteneuve, một vị kỹ-sư khác được công-cử lên làm Hội - Trưởng. Ban Chấp - Hành mới đổi luôn danh-tính của Hội mà đặt là Hội Pháp - Việt, một chi-nhánh của Hội France Việt-nam do ông Justin Godart lãnh đạo đương công-khai hoạt-động ở Pháp.

Chi - nhánh Saigon biên thư qua Ba Lê xin gia-nhập và được chấp-thuận cấp - kỳ. Thế là Hội Pháp-Việt thành-lập công - khai và hợp - pháp, cùng với Đảng

Xã-Hội, Hội Nhân - Quyền hoạt-động mạnh-mẽ đề phụng - sự công-lý chống lại cường - quyền và bạo-lực.

★

Ông Courteneuve đã lớn tuổi, vẻ mặt khác - khổ mà lòng dạ thẳng ngay, yêu công - lý hơn thân mình, coi nhân - loại hơn nhà mình. Ông đương làm với Hãng Denis Frères thấy sự có mặt của mình trong một hãng tư-bản là trái - ngược với lý-tưởng bình-sinh nên ông làm đơn từ-chức để sống trong cảnh túng-thiếu, nghèo-nàn.

Ông là một trong những người đã ký tên dưới bản kiến nghị đòi độc-lập cho Việt-Nam nói ở chương trên. Ông làm Hội - Trưởng hội Nhân - Quyền nay kiêm luôn hội trưởng Hội Pháp-Việt. Ông đã can - đảm yêu cầu hủy bỏ chế độ «Nam kỳ quốc», hủy bỏ «Hội đồng Nam kỳ», rút Cao - ủy D'Argenlieu về Pháp và chấm dứt chiến tranh ở Đông-Dương. Ông xin gia nhập đảng Xã-Hội, viết báo Justice với bút hiệu Homo.

Homo tiếng la - tinh nghĩa là người. Ông là một người có đầy đủ đức tánh của con người, một người trọng nghĩa, khinh tài, một hoa thơm của vườn hoa nhân loại. Đứng trước một

cuộc chiến tranh như bản mà ông cho là một cuộc huynh-đệ tương tàn, ông đã hy-sinh tất cả để mong bắc lại cây cầu đương sụp đổ. Nhưng ông đã làm việc nhiều quá, quá với sức chịu đựng của tuổi già. Ông đau rồi đau nặng, vô năm nhà thương Đồn-Đất rồi ông chết luôn ở đó.

Ông chết ngày 15 tháng 2 năm 1947. Đám táng ông, người Việt đi đưa đông hơn người Pháp. Tới đi gần quan tài hử thấy mùi thối thúi bay ra càng rõ thêm cảnh nghèo túng của gia đình ông không đủ tiền mua được một chiếc hòm tốt cho kẻ quá cố.

Hiện nay hài cốt ông còn nằm trong nghĩa-địa Đô-Thành, dưới những lớp đất mát mẻ của nước Việt - Nam mà ông đã thương yêu và phục - vụ hết mình. Ông Jacques Courteneuve đã sống đời sống cao đẹp của một người. Con người đó tôi nhắc tới ở đây với cả một tấm lòng thương tiếc.

★

Ông Courteneuve có một người bạn cũng già như ông nhưng mạnh hơn ông, không kin đao trăm-lạng như ông nhưng cũng cao-thượng và nhiệt-thành như ông.

Người đó là giáo-sư Prétou đã

từng đào-luyện nhiều lớp thanh niên ở các trường Trung-học miền Nam, vẫn được tiếng là người tốt.

Nhưng con người tốt đó dưới chế-độ thực-dân chỉ có thể tốt một cách vừa phải thôi. Phải chờ cho đến khi toàn dân Việt Nam đứng dậy đòi độc-lập, ông mới thấy rõ chỗ đứng của ông là không thể về phe thực - dân - xâm - lược trái với lòng yêu-chuộng công-lý và hòa-bình của ông. Ông đã gia-nhập đảng Xã - Hội từ lâu, có ký tên vào bản kiến - nghị, bị lính Tây chặn đường muốn đánh ông nhưng ông đã thuyết-phục được họ và yên-ôn về nhà. Trong mỗi kỳ nhóm họp Đảng Xã - Hội ông là người luôn luôn bình-vực những ý-kiến tiến-bộ nhứt. Ông có tài hùng-biện, có tính dễ-dãi, cởi mở, nhiệt - thành và lạc quan. Ông về Pháp nghỉ phép trở qua vào lúc ông Courteneuve tạ thế. Trước ông đã làm hội - trưởng hội Nhân - quyền, nay ông lại được giao lãnh chức - vụ đó. Đồng thời anh em cũng mời ông lãnh luôn chức Hội-trưởng Hội Pháp - Việt thế cho ông Courte-neuve.

Ông đã can - thiệp cho nhiều vụ vi - phạm nhân - quyền hoặc thương-tồn đến tình hữu-nghị Pháp-Việt.

Lối đầu năm 1947, hai nhà

tri-thức kháng-chiến bị quân đội Cao-Đài bắt là anh Hoàng-xuân-Bình, em ruột ông Hoàng-xuân-Hãn và anh kỹ-sư Trương-công-Phùng.

Tôi nghe tin đó lật - đặt cho ông hay thì ông liền kêu nài với Cao-ủy-phủ buộc phải bảo đảm sanh mạng cho hai người tù binh theo cách đối xử của những nước văn minh nghĩa là không thủ tiêu và cũng không ngược đãi. Cao ủy phủ phải chấp thuận ý kiến của ông, ra lệnh cho quân đội Pháp phải lãnh hai anh, đưa về Khám lớn Saigon, cho các anh được hưởng một chế độ đặc biệt trước khi đem các anh ra trước tòa. Ra tòa cũng được xử rất nhẹ, sau khi được trả tự do hai anh có lời cảm ơn ông Prétou thì ông nói một cách tự-nhiên : « Đó là nhiệm-vụ của tôi. »

Một lần khác ông nghe tin ở Nha-trang quân-đội Pháp yết thị sẽ đem bốn người tù Việt-Nam ra bắn nếu hai người thân binh bị bắt cóc không được trả về. Ông lập tức can thiệp với những lý lẽ như sau :

« Tôi không tán thành những

sự bắt cóc như thế và đồng ý rằng những thủ phạm sẽ bị truy nã và trừng trị nghiêm nhặt. Nhưng bắt người khác phải chịu tội thế cho họ là một việc làm vô nhân đạo, chỉ có bọn Phát-xít Đức mới làm được. Nước Pháp văn minh không nên bắt chước những lễ lối dã man của Phát-Xít ».

Thế mà ông đã thành công. Cao-ủy-phủ buộc lòng phải ra lệnh không cho bắn con tin theo như đã yết-thị.

Đành rằng công việc làm của ông Prétou không nhân đạo hóa được toàn di ện cuộc chiến tranh như bản ở Việt-Nam, nhưng ông đã làm dịu bớt được phần nào những cảm thù uất-hận do chiến cuộc gây nên. Ông đã cứu vãn được phần nào tình hữu-nghị giữa hai dân tộc.

Vì ông hoạt động hăng quá nên nhà cầm quyền Pháp bắt buộc ông phải về hưu-tri trước thời hạn.

Trước đây ông có viết cho tôi một bức thư trong đó có một đoạn như sau :

« Chúng ta đã cố gắng hợp tác với nhau để gây thắng lợi cho

những lý tưởng công bằng, bác-ái, để hàn gắn lại tình huynh-đệ giữa hai dân tộc Việt-Pháp... Những nỗ lực đó, chúng ta sẽ ghi vào lịch sử hai nước bằng những hàng chữ đẹp để không dẫm máu nhưng vẫn biết kính trọng những giòng máu đã chảy ra... »

Bàn tay trong sạch của ông Prétou và của những người Pháp như ông tôi đã siết chặt và thấy lòng ru ng động với những tình cảm mặn nồng, tha thiết chen lộn với một niềm tin tưởng về sự tốt đẹp của loài người.

(còn nữa)



★ THẬT TUYỆT

Trong một rạp hát (chưa có máy lạnh) ở lò hạng nhất có ba nữ khán giả ngồi kế cận một ông khách lạ.

Không chịu được sự nóng bức, cả ba bà đều quạt thành phạch mà vẫn không khỏi mồ hôi toát ra như tắm.

Bà thứ nhất than :

— Tôi mồ hôi đầu khó chịu lạ.

Bà thứ hai :

— Tôi thì mồ hôi... dẫm.

Bà thứ ba :

— Tôi thì mồ hôi... muỗi.

Ông khách liền vội vàng thêm :

— Ô thật là đáng tiếc, giá có sẵn mớ rau ở đây thì ba bà làm được một đĩa rau sà lách trộn tuyệt ngon...

★ ĐƯỜNG BÁN KÍNH

Giờ hình học, thầy giáo hỏi trò Minh :

— Anh cho biết đường bán kính của hình tròn là gì ?

Trò Minh :

— Dạ, đường bán kính là đường... chung quanh chợ Bến Thành ạ.

Thầy giáo ngắt lời :

— Tôi nhắc lại đường bán kính là đường gì ?

Trò Minh vẫn giữ vững « lập trường » :

— Đường bán kính là đường chung quanh chợ Bến Thành vì ba con làm nghề bán kính (kiến) vẫn bán ở đấy ạ.



**MỘT VĂN Hào PHI-
CÔNG ĐƯỢC THANH-
NIÊN THẾ GIỚI YÊU
CHUỘNG NGÀY NÀY**

Saint- Exupéry

(1900 - 1944)

TRƯỜNG-hợp Saint-Exupéry là một trường-hợp hy-hữu trong văn-học Pháp. Lúc sinh-thời, Saint-Exupéry được thiên-hạ gọi là « một tiểu-thuyết gia » thì Saint-Exupéry coi đó là một vinh-hạnh ; ông nghĩ rằng độc-giả vì cảm-tình riêng với ông mà tôn ông lên địa-vị ấy, chứ thật ra ông chưa xứng-dáng, vì ông chỉ mới là một sĩ-quan phi-công.

Ai ngờ bây giờ, 15 năm sau ngày ông mất tích, người ta không những sấp Saint-Exupéry vào hàng những văn-gia tiếng-tâm nhất của nước Pháp, mà người ta còn gọi ông là « một nhà đạo-

đức ». Và do đó, phần lớn tiểu-thuyết của Saint-Exupéry được đem vào loại sách giáo - khoa triết-học (phần Đạo-đức học) trong chương-trình giáo-dục, và cuộc đời của Saint-Exupéry được coi là *cuộc đời mẫu mực* cho thanh-niên. Saint - Exupéry sống được có 44 tuổi. Ông mất tích giữa lúc trận-chiến II đang dang dở ! Giữa lúc thiên-tài của ông bắt đầu chuyển qua địa-hạt khác, mà địa-hạt này lại hứa-hẹn một sự-nghiệp rực-rỡ hơn nhiều !



★ **NG.-KHẮC-THIỆU**

Saint-Exupéry tên thật là Antoine-Marie-Royer de Saint-Exupéry, sinh ở Lyon (Pháp) ngày 29 tháng 6 năm 1900 trong một gia-đình quyền-quý ; con thứ ba trong 5 anh em : hai người chị, một đứa em trai và một đứa em gái. Bồ-côi cha lúc 4 tuổi. Từ đó năm chị em đại quây-quần đùm bọc lấy nhau. Saint-Exupéry phải binh vực hai người chị và hai đứa em để chống trả với bọn trẻ con hàng xóm hay gây sự. Còn hai người chị thì mềm mỏng, âu yếm săn-sóc em út, hay kể chuyện thần-tiên cho em nghe. Nhờ vậy mà Saint-Exupéry sớm có những năng-khiếu đặc-biệt. Hoàn-cảnh côi cút tạo cho Saint-Exupéry những tính bướng-bỉnh, gan lý, ngỗ nghịch. Và thừa hưởng ở hai người chị tính mơ mộng, đa cảm, thâm-trầm và tỷ-mỷ, yêu-mến thú-vật ; cho nên mới 6 tuổi đầu Saint-Exupéry đã biết làm thơ. Thường thường giữa khuya cậu bé Saint-Exupéry đánh thức cả nhà dậy nghe cậu ngâm thơ.

Khi đã lớn, Saint-Exupéry hay phân nân : « Tôi sinh ở Lyon chỉ là một sự tình cờ, chứ tôi đâu phải là người Lyon ». Câu

nói này tiên-đoán được cả cuộc đời của ông. Giang sơn xứ sở của Saint-Exupéry còn mệnh - mông bát ngát hơn nhiều...

Khi Saint - Exupéry đi học, không bạn bè nào dám chọc ghẹo ông, đầu ông có cái mũi nhọn « pic-bec ». Ai cũng gớm cái tính liều lĩnh và sức khoẻ của ông. Một hôm bị thầy giáo phạt oan, bắt ông quỳ gối, hai tay nắm hai quyền tự vị dang thẳng ra. Được một lát không chịu nổi, ông ném mạnh hai quyền sách vào giữa lớp, đứng dậy mạnh dạn bước ra rồi đóng sầm cửa lại.

Học xong ban Tú-tài, ông thi vào trường Hàng-Hải. Nhưng qua được kỳ thi viết, Saint-Exupéry hồng vấn - đáp. Hồng về Pháp văn. Con người về sau đã làm rạng rỡ cho tiếng Pháp mà bài Pháp-văn có 7/20.

Đến khi được gọi đi quân-dịch, ông xung vào ngành huấn-luyện trong một xưởng sửa chữa phi-cơ. Rồi sau ông được chuyển qua ngành Phi công. Thế là người ta đã đặt Saint-Exupéry vào đúng chỗ ngồi của ông. Saint-Exupéry không thể là một anh lính lục-

chiến đê trườn, đê lét ngoài trận mạc. Ông phải bay cao. Đời ông là đời cánh chim đại bàng; thế-giới của ông là chín tầng mây, là bầu trời thăm thăm đầy sao kia...

Trong thời gian huấn luyện, tính liêu lĩnh, can đảm và thông-minh của ông khiến người ta chú-ý đặc biệt đến ông. Nhưng tuy can đảm có thừa mà kinh nghiệm không có mấy nên ông đã bị nạn : ông bị thương nặng. Buộc phải nghỉ-ngơi. Năm đó ông mới 25 tuổi. Ông quay qua viết văn. Một tạp chí chịu đăng tác-phẩm đầu tiên của ông : chuyện MANON. Từ đó ai cũng tưởng ông quay hẳn về văn-ngệ. Nhưng năm sau ông làm phi-công trên con đường Toulouse-Dakar. Năm 1927 ông làm Quản đốc cho hãng tàu bay ở Cap-Juby sát biên-giới Maroc thuộc Tây-Ban-Nha.

Rồi ông làm phi-công trên con đường băng qua sa-mạc SAHARA. Ông đã tìm đê tài trong các chuyến bay của ông. Hễ có thì giờ là ông vội ghi chép ngay những kỷ-niệm, những cảm-xúc của ông, nhờ đó tư tưởng của ông càng ngày càng phong phú, càng ngày càng mới lạ. Không

bao lâu cuốn COURRIER SUD ra đời (1928) và được dịch ra năm thứ tiếng, được quay thành phim. Về phương-diện nghệ-thuật cuốn này còn nhiều thiếu sót. Dàn chuyện thì lỏng lẻo, xếp đặt rời rạc ; trang thì thật tuyệt mà trang thì tầm thường. Nhưng nói chung thì cuốn này đã ảnh-hưởng sâu-xa đến người đọc, vì sách đã toát ra cho người đọc một sức-sống nội tâm rất dồi-dào : đồn dập những kỷ-niệm cũ, những ý-nghĩ sống trong đời phi công của ông. Saint-Exupéry còn say sưa trong lối trình bày những thắc-mắc, những suy-nghĩ của một thanh-niên mới bước vào đời, đang tần ngần trước bao nhiêu vấn-đề như ái-tình, tôn-giáo, gia-đình, xã-hội... Trước Saint-Exupéry chưa có một nhà văn nào có một tác phẩm tương-tự, cho nên cuốn *Courrier Sud* mang một sắc thái riêng biệt, mới mẻ, ai đọc cũng say-sưa, bị lôi cuốn trong một sức hấp dẫn kỳ lạ. Tuy thế tác-phẩm này về sau ít ai nhắc đến, vì những tác phẩm sau của Saint-Exupéry đã làm lu mờ nó bằng những ánh sáng chói-chang hơn.

Ít năm sau Saint-Exupéry đời

qua làm việc ở vùng khác. Từ Châu Phi đời qua Châu Mỹ. Ông phụ-trách những chuyến bay đêm. Công việc này rất nhiều nguy-hiêm và có lắm bất ngờ. Nhưng Saint-Exupéry không lấy đó làm ngại. Mà trái lại, 28 tuổi đầu ai mà chẳng thích những cảm xúc mới lạ, những gặp gỡ bất ngờ !

Nhờ đó, năm 1931, *VOL DE NUIT* ra đời (Văn Hào André Gide đề tựa). Cuốn này chiếm được giải thưởng *FÉMINA* và liền đó được dịch ra 12 thứ tiếng. Người Mỹ quay thành phim và người Ý diễn thành kịch.

Cuốn này ra đời nhằm lúc thế-giới đang xao xuyến trong cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Hàng ngàn người bị phá sản và cả Âu châu đang bi quan. Nhưng trong *Vol de Nuit*, Saint-Exupéry đã phơi bày cho người đọc những tư tưởng ham sống mãnh-liệt : thiết tha tin-tưởng nơi nghị-lực, nơi giá trị tinh thần của con người. Hai đức tính đó coi như căn bản để nâng đỡ con người và như thỏi cho con người một luồng sinh khí vô cùng tươi mát. Và do đó Saint-Exupéry được hoan-nghênh nhiệt-

liệt. Từ đó về sau Saint-Exupéry sống nhộn-nhip. Nhộn-nhip trong cuộc sống bên ngoài và nhộn-nhip trong tinh thần. Phụ-nữ lúc bấy giờ coi Saint-Exupéry như nhân-vật điển-hình của người đàn ông lý-tưởng. Nhưng Saint-Exupéry không nghĩ thế. Ông ghét những cái a-dua xu-thời lắm. Bởi vì Saint-Exupéry không những là một nhà văn, một thi-sĩ, mà còn là một triết-nhân, một nhà phát-minh. Cho nên ông coi thường phụ-nữ mà lại thích trầm-ngâm trước cốc café trong một quán vắng, với vài ba người bạn để bàn về triết-lý, về khoa học...

Saint-Exupéry vẫn không ngừng bay. Những chuyến bay của ông càng ngày càng hiem-nghèo. Ông đã thành một viên phi-công dò đường (Pilote d'Essai). Khi bay đến Saint Raphael, chiếc phi cơ cồ lỗ của ông đâm đầu xuống biển. Nhờ một phép mầu nhiệm nào đó, Saint-Exupéry tuy thoát chết, nhưng không khỏi bị ngạt gần tắt hơi.

Nhưng Saint-Exupéry vẫn bay. Ông nói : "Tuy bay giữa không gian bát ngát bao la như thế, nhưng hình như luôn luôn có

những cánh tay của tử-thần vươn ra chực nắm tôi lại". Những hiểm nghèo mà ông đã trải qua, đối với chúng ta, nếu không có vẻ huyền-hoặc như chuyện thần thoại, thì cũng có vẻ huyền-hoang như chuyện người đi xa mới về. Nhưng Saint-Exupéry đã trải qua thật. Saint-Exupéry bao giờ cũng thành thật, thành thật với mình, với người.

Saint-Exupéry vốn hoạt-động. Ông cần đến vũ-trụ, cần đến không gian và ông lại bay để nối liền đường PARIS—SAIGON (1935). Nhưng ông lại bị tai nạn. Saint-Exupéry thoát chết. Hai năm sau ông lại bay để nối liền đường New-York với Terre-de-feu. Chiếc tàu bay của ông lại bị tan tành ở Guatémala. Một lần nữa ông thoát chết (nhưng bị thương nặng), Tiếng tăm của ông nhờ đó lại vang lên hơn bao giờ hết.

Và ông vẫn tiếp tục sáng tác mạnh mẽ hơn. Ông cũng tiếp tục ghi những kỷ-niệm, những suy nghĩ của ông. Đến năm 1936 cuốn sách thứ ba của ông ra đời. Cuốn *Terre des hommes*. Cuốn

này chiếm được giải thưởng tiêu thuyết hay nhất trong năm của Hàn - lâm - viện Pháp, và được dịch ra mười thứ tiếng.

So với hai quyển trước, quyển này vượt xa. Một câu trong sách là một tư-tưởng thâm-trầm, chứa đựng trong lối văn đầy nhạc điệu. Dư luận coi đó là « một tác phẩm cao siêu ». Ai đọc cuốn đó cũng có cảm tưởng như lạc vào thế giới tư tưởng của người ĐÀN ÔNG đẹp và mạnh. Đẹp để trong hành động và mạnh mẽ trong tư tưởng. Những kỷ niệm trong sách không màu mè bay bướm như những kỷ niệm son trẻ của mối tình đầu của thuở đôi mươi. Đẹp để ở đây hùng vĩ như vùng thái dương quyển rú và thu hút như đỉnh núi phủ tuyết... Người đọc đi vào tác phẩm này cảm thấy ngây ngất như được uống một cốc rượu sau khi đứng hàng buổi ở ngoài mra lạnh. Những hình ảnh trong sách cũng hết sức tế nhị, có vẻ phối-phối nhẹ nhàng.

Đến khi Saint-Exupéry được bình phục, thì giấc mơ hoạt động của ông cũng được phục hồi theo.

Năm 1936 ông cùng với người bạn tâm huyết, *Henri Guillaumet* qua New-York để thử bay con đường băng qua Bắc-Đại-Tây-Dương. Có kết quả. Rồi Saint-Exupéry trở về Châu Âu: năm này chiến tranh bùng nổ khắp nơi. Nước Pháp khai chiến với Đức. Saint-Exupéry xung vào đội thám thính, Ông lại có dịp làm giàu kiến thức và sống với nguy hiểm. Nhưng đến năm 1940 Pháp đầu hàng Đức. Saint-Exupéry phải giải ngũ. Hết công việc và hết tiền. Saint-Exupéry đâu có chịu ngồi yên được. Ông đi Nữu nước. Đến đây ông cảm thấy lẻ loi, Người Mỹ bắt đầu coi thường người Pháp (vì người Pháp đã chiến bại) Kiêu dân Pháp sống ở đây đã không thấy nhục — nhục vong quốc mà còn trở lại công kích, xỉ vả 40 triệu dân Pháp đang sống làm than dưới bàn tay Hitler. Saint-Exupéry cho xuất bản cuốn *FLIGHT TO ARRAS* (tức cuốn *PILOTE DE GUERRE*) Trong cuốn này ông ghi lại những kỷ niệm trong thời gian ông chiến đấu chống Đức. Cũng những ý nghĩ mạnh mẽ cao đẹp, những cảm-xúc sôi-nổi, thiết-tha của ông cùng với bạn đồng đội. Nhờ có

cuốn này ông đã phục hồi được địa vị người Pháp trong lòng người Mỹ. Người Mỹ không còn nghi-ngờ sức chiến đấu của người Pháp nữa. Saint-Exupéry vẫn không ngừng tranh đấu bằng ngòi bút ở Mỹ. Ông viết báo, diễn-thuyết. Trong tác phẩm *LET-TRE À UN OTAGE* — được coi là một « kiệt-tác văn-nghệ » của ông — ông bày tỏ tâm sự của ông, nỗi lòng căm-phẫn của ông đối với kiêu dân Pháp thờ ơ với tổ quốc lâm nguy. Ông còn bày tỏ nỗi lòng thiết tha của ông đối với quê hương xứ sở. Ông nhớ đến con ông, nhớ đến những đứa trẻ đau khổ vì chiến tranh, ông mới viết một cuốn truyện thần tiên cho trẻ con.

Đến khi thế trận có chiều thay đổi, ông trở về Pháp, cố vận-động để được trở lại làm phi-công. Nhưng chính phủ lấy cớ ông có tuổi và nhiều lần bị thương mà từ chối. Ông càng vận động thêm. Sau Chính phủ phải cho ông vào làm Huấn-luyện viên ngành Không quân. Công việc này không làm ông thỏa mãn. Sau ông phải vận-động để vào ngành Phi công chiến đấu. Chính phủ

cho ông vào cơ 2/23 (cơ cũ của ông mới được thành lập lại). Ông được giữ trật Thiếu Tá Không Quân. Ông đã bay đi thám thính 17 lần. Ông đã vượt qua tất cả tai nạn, thoát khỏi những trận tấn công và săn đuổi của phi cơ Đức. Bao giờ ông cũng trở về bình yên. Nhưng lần bay thám thính miền đông nam nước Pháp sáng ngày 31 tháng 7 năm 1944 ông không trở về nữa. Không rõ phi cơ ông hư hỏng hay bị quân Đức hạ.

Thiếu-tá phi-công Saint-Exupéry sau đó không bao giờ trở về nữa. Tuy tác phẩm sau cùng của ông, cuốn *LA CITADELLE* còn đang dở dang, nhưng cũng đánh dấu cho sự chuyển hướng tốt-đẹp của ông. Trong tác-phẩm này, tư tưởng của ông bắt đầu thiên về luân-lý, nghiêng về chiều Thượng-Đế, vươn tới Thượng-Đế... thì ông đã về với Thượng-đế rồi.

Đời của Saint-Exupéry đã là một tác-phẩm vĩ-đại rồi. Cuộc sống của ông kiêu hùng, dõng-dào những ý nghĩa cao đẹp. Ông đã biết chịu khó suy nghĩ theo chiều hướng riêng của mình, biết xét đoán và biết tìm một lối sống

thích đáng. Ông biết chọn cái Khô cái Nguy để sống cho ra người ĐÀN ÔNG, không thà sống yên-lành để mai một với cỏ cây. Cho nên trong tác-phẩm của Saint-Exupéry, tưởng tượng chiếm một địa vị khiêm nhường, còn bao nhiêu là những kinh nghiệm, những suy tư rút từ trong cuộc sống mãnh liệt của ông. Người đọc sẽ tuyệt vọng, nếu muốn tìm qua tác phẩm của Saint-Exupéry những câu chuyện đề tiêu khiển, đề quên lãng đời sống bên ngoài. Bởi vì tác-phẩm của Saint-Exupéry không phải là những tác-phẩm đề giải trí như loại của Alexandre Dumas, hoặc của Peter Cheney... Đi sâu vào tác-phẩm của Saint-Exupéry người ta tưởng như đi sâu vào bề cả tư-tưởng. Tư-tưởng của ông thâm-trầm, thiết-tha và lời cuốn một cách kỳ diệu. Saint-Exupéry thiết tha với xung quanh, với đồng loại. Một câu văn của Saint-Exupéry đã là một tư-tưởng cao đẹp, một hình ảnh thi-vị trong sáng. Chỉ những người thích suy nghĩ, thích hoạt động mới ngày ngất mỗi khi đi sâu vào thế-giới tư-tưởng Saint-Exupéry. Càng đọc càng say sưa. Cố nhiên tác-phẩm của Saint

Exupéry không thích hợp với những người nhẹ dạ, lười suy nghĩ.

Trong tư tưởng, Saint-Exupéry thừa nhận con người có một giá-trị cao quý. Giá-trị này không căn cứ vào những ý-tưởng siêu-hình viển vông mà căn cứ ở nơi đời sống tinh thần của con người. Cái căn-bản giá-trị đó là TÌNH THƯƠNG. Tình thương đối với xung quanh, với đồng loại. Chính tình thương này mới tạo cho con người đủ sức mạnh. Con người như thế mới có nhân vị. Nhân-vị theo Saint-Exupéry không ràng buộc vào quan niệm linh hồn như chúng ta tưởng, mà ràng buộc vào tình đồng loại, tình Đoàn-Thề, tình Bằng Hữu. Cho nên Nhân-vị có nghĩa khi con người ràng buộc với nhau trong tình thương, trong tinh thần trách nhiệm. 'Tôi không còn hy-vọng tự mình thoát ra khỏi cô-đơn. Một viên đá không hy-vọng gì khác hơn là đá. Nhưng chồng chất lên nhau đá hoá ra một đền

thờ... Bởi thế nên tôi đứng riêng ra ngoài mọi đoàn thể, tôi không có nghĩa gì và không thỏa mãn được tôi...'

Saint-Exupéry sống có 44 tuổi nhưng sự nghiệp của ông đã sống muôn đời. Địa-vị của ông trong quân-đội mới là một viên Thiếu-tá Không-quân, nhưng địa-vị của ông trong văn-đàn ngang hàng với những người anh cả của học-giới như André Gide, André Malraux, Jean Paul Sartre... đời sống và văn-nghiệp của Saint-Exupéry 10 năm về trước không những là tấm gương sáng cho thanh niên Pháp, mà là bài học chung cho người. Con người ĐÀN ÔNG trong muôn thuở. Cho nên người Pháp gọi Saint-Exupéry là một CON NGƯỜI VĨ-ĐẠI. Tóm tắt sự-nghiệp của Saint-Exupéry, J. ROY đã nói : 'SAINT-EXUPÉRY ĐÃ MỞ RỘNG CỬA TRỜI CHO TA...'

PHO TƯỢNG

của

Bà Chứa

(Viết theo lời ông Pang trên chuyến về Bình - Định)

BÊN sườn núi cheo leo bên kia dãy Trường Sơn, có một làng nho nhỏ của đồng bào thiểu số.

Tự sáu đời, làng Thái vẫn sống trong cảnh thanh bình.

Và ở làng « Mỹ nữ » này, từ bao lâu rồi người ta chẳng biết đến hay nghĩ đến chiến tranh, máu đổ, tang khó... Họạ hoản thính thoảng chỉ có đám xác, mà theo tục lệ nghìn đời thì chết tức là về ; chẳng có gì phải khóc than, cứ vật trâu bò ra rồi tha hồ mà đánh chén.

Trong làng « Mỹ Nữ » (vì thiếu nữ ở đây đẹp xinh tuyệt trần nổi tiếng khắp vùng) có một gã sống với nghề nắn chén bát. Gã tên là Tzinh, thói cứ gọi gã là Vinh cho tiện. Vinh rất khéo tay, chén bát do anh nắn rất đẹp

★ NGUYỄN-ANG-CA

chẳng kém người miền xuôi vẫn mình làm bằng máy móc chút nào. Chiều ấy, tiếng cồng đã ngân lên báo hiệu chiều tà...

Cảnh chiều tà tại làng « Mỹ Nữ », rất vui. Kia, mấy cô thiếu nữ đi lấy nước suối trong vựa về. Có cô đội nước trên đầu, có cô vắn mình hơn bắt chước Nàng Khạ, gánh nước trên vai. Gánh nước nhanh và tiện hơn vì đội chỉ có được một tỉnh, trái lại gánh sẽ được hai. Khạ đẹp lắm. Có lần về chợ, Nàng Khạ đã khiến cho mấy chàng trai miền xuôi phải... đau ma!

Hễ nghe tiếng cồng, lần nào cũng như lần nào, Vinh ra đứng trước cửa đón Khạ. Đàn trẻ chạy đuổi lợn, bò về chuồng và

mấy anh làm rẫy cũng đã quây đồ nghề về nhà.

Khạ bao giờ cũng chậm bước về sau.

Nếu khi đi ngang qua nhà Vinh Khạ ngó ngay mặt Vinh đó là ám hiệu : « Chiều nay đôi ta sẽ gặp nhau ở cuối vườn ». Bằng nếu Khạ ngó sang lưng đôi nhìn thác lủ, là ngụ ý « Đừng đợi em, không rảnh ».

Đôi bạn Vinh Khạ, yêu nhau từ lâu. Mỗi tình của đôi lứa, ông bà Khinh, cha mẹ của nàng Khạ hay rõ nhưng vì Vinh quá nghèo chưa đủ tiền mua lợn, nếp, ruợu để rước Khạ về đó thôi.

Đêm tối hiện về, Vinh Khạ say sưa nắm tay nhau ngồi trên phiến đá cuối vườn để mặc cho đôi tim rung động.

Thì cũng những câu nói ngây ngô :

— Vinh yêu Khạ không ?

— Yêu tề người chớ lại.

— Vinh có tiền đủ chưa ?

— Sấp đủ.

— Khạ yêu Vinh nhiều quá.

— Nhiều dẫu lên không ?

— Nhiều lắm lắm.

— Vinh !

— Khạ !

Vội họ, những lời mộc mạc ấy là những vần thơ bất hủ mà mỗi lần ngân lên là hai cõi lòng Khạ Vinh đều ngây ngất, say sưa.

Vinh đã bán hết chén bát của

chàng. Được lời nhiều nhờ phiên chợ này đông, Vinh chưa vội về toan đến hàng người Huệ Kiều mua tượng Khạ mới chiếc lược, thì có tiếng gọi :

— Này bác thợ.

Vinh quay lại. Một ông lão quê vùng Bắc Việt tuổi ngót tứ tuần vui vẻ mời Vinh vào nhà. Nhà Ông ta ở cạnh chợ, ông chỉ ở một mình với tên tiêu bực.

— Bác nhìn xem. Vinh ngạc nhiên quá khi thấy chén bát của mình hầu hết đều ở đây. Nghĩ là ông lão Bắc Việt này đã mua chén bát của Vinh nhiều nhưt.

Ông lão mời Vinh ngồi và mời Vinh hút thuốc lão.

— Này Bác Thợ — ông lão nói — tôi rất mộ tài bác nên tôi muốn cậy bác một chuyện.

— Vâng, cụ cứ nói. Vinh đáp.

— Không dẫu gì bác tôi ưa mua đồ cổ lắm nên tôi mới lần lợ đi tìm kiếm đồ cổ tích. Cách đây một trăng, nhân đào đất để trồng kiền tôi có tìm được một pho tượng.

Ông lão vô buồng khệ nệ bụng ra một pho tượng bằng đất sét trắng. Pho tượng tạc hình một thiếu nữ thật đẹp, cao lối 7 tấc. Ông lão chỉ cho Vinh xem rồi nói tiếp :

— Rủi thay lưới cước của tôi chạm bể hết nửa lưng của pho tượng. Tôi tiếc quá, muốn nhờ

bác kiểm màu đất thứ này sửa pho tượng lại cho tôi được lành lặn. Bác có thể làm được không? Tôi sẽ đền đáp xứng đáng.

Vinh mừng rỡ hết sức. Dịp đầu may mắn, chàng sẽ có tiền đủ mua đồ sinh lễ để cưới Khả. Lễ tức nhiên, Vinh nhận lời và hí hửng ôm pho tượng về.

Đến nhà, trời đã tối. Vinh ăn qua loa cho no bụng rồi dỡ tờ giấy bọc ngoài xem lại pho tượng. Dưới ánh đèn mờ mờ, Vinh sửng sờ ngắm pho tượng. Hình một thiếu nữ đương xuân chỉ khoác trên thân ngà một mảnh xiêm y mỏng, nàng có một thân thể đều đặn, hai đùi dài, nhũ bộ nổi, ngón tay nhỏ, mũi cao, miệng tươi...

— Ô, nàng đẹp quá. Vinh thấy lòng mình rạo rức. Chàng đưa tay vuốt nhẹ tấm thân người thiếu nữ, mắt mơ màng. Chàng tự hỏi: «Pho tượng này của ai? Nàng là ai mà đẹp quá, vẻ đẹp quyến rũ?»

Thế rồi Vinh lấy đất nhồi, nắn, chàng đề tâm cố sửa lại tấm lưng ong của pho tượng mà vì vô tình lưỡi cuốc của ông lão miền xuôi đã làm nát hết nửa bên.

Công việc sửa chữa chưa xong thì đã hết nửa đêm. Một mối quá, Vinh gục dưới chân pho tượng ngủ.

Bỗng đâu có tiếng ai gọi:

— Chàng Vinh! Chàng Vinh.

Giật mình tỉnh giấc, Vinh bàng hoàng. Chàng quá sợ hãi đánh bò cạp.

— Chàng Vinh! Chàng Vinh.

Vinh toan la lên. Hãi hùng chưa, pho tượng ấy hóa ra một thiếu nữ bằng xương bằng thịt, đẹp tuyệt trần, đẹp như tiên nữ. Nàng dơ tay nắm lấy tay Vinh. Vinh ngoan ngoãn theo nàng bước ra ngoài. Con trăng tàn treo lơ lửng trên trời thanh. Gió hiu hiu thổi, sương rơi lạnh lẽo mà thiếu nữ thì chỉ có một mảnh vải che thân mỏng manh. Đất Vinh ra bên con sông, cạnh ngôi đền cổ, thiếu nữ bảo Vinh ngồi xuống. Nàng nhìn Vinh, dịu dàng bảo:

— Chàng Vinh có biết ta là ai chăng? Ta là My Ê, hoàng hậu xứ Chiêm-Thành, ta chết gần 700 năm rồi. Nơi sông này, trên ngọn đồi kia trước là giang san Chiêm-Thành đây. Vì muốn giữ tròn trinh tiết ta tự vẫn ở con sông này trong lúc vạn quân xâm lược đang dày xéo lên giang san của đồng bào ta.

Thiếu nữ kể đến đây nước mắt khóc:

— Chàng Vinh ơi, ta chết với mối cam hôn vong gia thất thổ thì làm sao ta quên được mối hận thiên thu ấy. Gia đình ta tan nát, Đất nước ta tan nát và hiện giờ đây dân tộc Chiêm Thành gần hoàn toàn tiêu diệt!

Trời ơi đau đớn cho ta chưa! Vinh ơi, khi ta chết có một thanh niên Chiêm Quốc tạc tượng ta để thờ, nào ngờ đầu phong ba lặn đạn, ta lại lọt về tay người Việt-Nam, một dân tộc đã dày xéo Đất Nước ta, đã tiêu diệt giống nòi ta. Lẽ nào ta lại để thân ta lọt vào tay kẻ thù. Vậy ta nhờ chàng khi hoàn thành việc sửa chữa nhờ đem ta đến đây mà thả ta trôi theo giòng nước... Ta chẳng muốn lọt vào tay kẻ thù chàng biết chưa? Nhớ nhé, ơn chàng ta sẽ chẳng bao giờ quên.

Giọng My Ê đều đều, buồn rười rượi như một bản đàn thất quốc, ai oán nào nùng mà từ xưa đến nay Vinh chưa hề được nghe.

Khi My Ê cùng Vinh về đến nhà thì trời đã sáng.

Nàng nhìn Vinh cười rồi biến mất, Vinh bàng hoàng tỉnh lại nhưng mùi hương mỹ nhân còn tỏa ngát trong phòng, tro lại chỉ còn có pho tượng.

Trọn ngày đó, Vinh cố tâm sửa chữa pho tượng. Bàn tay chàng làm việc không ngưng. Tượng thiếu nữ như mỉm cười nhìn chàng khuyến-khích. Bỗng có tiếng kẹt cửa. Khả bước vào

nàng nói trong nước mắt:

— Tại sao đêm rồi tôi đợi anh mà anh không đến?

Khả bỗng nhìn thấy pho tượng. Khả nhủ mày căm tức. Vinh toan giải nghĩa cho Khả nghe, nhưng Khả đã vừa chạy ra vừa khóc.

Đến nửa đêm hôm đó. Công việc đã hoàn thành, Vinh sung sướng quá, đứng nhìn pho tượng với bao vẻ say sưa. Chàng ra sau múc nước rửa hai tay dính đầy đất của mình.

Bỗng nghe tiếng đập phá trên nhà, Vinh bỗng hoảng chạy lên. Trời! Khả tay cầm búa đập nát cả pho tượng rồi!

Vinh thấy mình có thể chết ngất đi được. Chàng nghẹn ngào... ứa nước mắt. Khả đến trước mặt chàng, quì gối xuống, mặt tái xanh:

— Vinh, sao vậy? Em yêu anh quá, em không muốn anh yêu ai hơn em hết mà.

Vinh gỡ tay Khả ra, rồi chạy biến mất vào màn đêm chẳng nói một lời.

Sáng hôm sau dân làng Mỹ Nữ tìm thấy xác Vinh bên con sông, cạnh ngôi đền cổ. Vinh chết, miệng ứa đọng máu tươi, như uất ức ngậm hờn...



Không Minh

★ NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo P. T. số 27)

LỖ-LÚC VỚI TÔN QUYỀN

VỀ việc lập kế cự Tào Công, bắt đầu do Lỗ Túc xướng lên. Thời bấy giờ, Chu Du đi sứ Phiên Dương, Túc khuyên Tôn Quyền gọi Du về.

Khi Chu Du đi sứ Phiên Dương về đã thăm đồng tâm với Lỗ Túc. Vì vậy hai người góp sức mới nên công lớn.

Chính Tôn-Quyền hội quần thần hỏi kế, chỉ có Chu Du bỏ cả ý kiến cầu hòa của hội nghị, một mình hiến kế kháng cự.

Đó là lời quá khen Chu Du. Thực ra Lỗ Túc đã có mưu từ trước.

Ta phải đặt Lỗ Túc là người có công đầu.

(Lời luận này của Bùi Trung.

Chứ không phải hoàn toàn đúng cả. Lỗ Túc sở dĩ bấy giờ được đứng vào bậc thứ nhất, có công chủ trương cự Tào Tháo là vì Chu Du phải đi sứ Phiên-Dương còn vắng mặt. Thực ra, Du đã có ý kháng cự Tào Tháo từ vụ Tào Tháo bắt giữ con tin.

Chắc rằng Lỗ Túc đã thông-cảm với Chu-Du từ lâu nên gặp vào đại sự, Túc thấy mình quá ư lẻ loi trong chủ trương cự chiến, phải nói với Tôn Quyền gọi Du về để bảo vệ vững vàng lập thuyết của mình.

Nói tóm lại, trong việc đại thắng Tào Tháo, Lỗ Túc, và Chu Du đều có công lớn cả).

Muốn biết rõ hơn, ta hãy xem cái tâm sự của Lỗ Túc trong cảnh .

ĐỘC-HỒ QUẦN-HỒ

Đầy nhắc lại, bấy giờ Quyền gặp vào hồi Tào Công muốn hỏi đến Giang Đông.

Tôn Quyền liền họp hội nghị các tướng. Người nào cũng khuyên nên nghênh-tiếp Tào Tháo. Riêng Lỗ Túc ngồi lặng không nói câu nào. Khi Quyền đứng lên dứt áo ra về, Lỗ Túc theo tới nhà. Tôn Quyền biết ý cầm tay Lỗ Túc nói :

— Khanh muốn gì ?

Túc đáp :

— Xét những người bàn nghị, người nào cũng làm lẫn tướng quân. Không thể mưu đồ việc lớn. Nay như Túc tôi có thể đón Tào. Còn tướng quân thì không sao được.

— Lời Khanh nói thế là sao ?

— Nay Túc tôi đón Tháo,

Tháo vẫn cho Túc tôi ngồi lương-đáng như xưa. Thăng phẩm trật ngôi thứ, không đến nỗi mất địa vị, cũng có độc-xa để cưới, cũng có lợi-tốt theo hầu, cũng được giao-du chốn sĩ-lâm, đời đời làm quan mà không đến nỗi mất chân quận. Còn như tướng quân đón Tào Tháo, thì tướng quân định muốn về đâu để tìm kế an-toàn ? Xin tướng quân định lại kế lớn đừng nghe lời nghị-luận của chúng nhân.

Nghe lời Lỗ Túc, Quyền cảm-kích nói :

— Mọi người trì-nghị làm tiêu tán cả nguyện vọng của ta. Nay Khanh khoáng-trương kế lớn, thật hợp ý ta, quả trời đã đem Khanh tới cho ta.

(Về đoạn này, sách Ngụy-Thư và Cửu Châu Xuân Thu đều

chép: Tào Công đánh Kinh Châu, Tôn Quyền cả sợ. Bản tâm Lỗ Túc muốn khuyên Quyền kháng cự Tào, bèn dùng lời nói khích, bảo Quyền:

— Tào Công thật là một địch thủ ghê-gớm. Vừa thôn tính Viên-Thịệu binh mã rất là sắc bén, nhân thừa cái uy chiến thắng, mà đánh một nước tang loạn bối rối, tất thế nào cũng được. Chi bằng ta quay binh lại giúp Tháo, rồi đem gia đình tướng quân về Nghiệp-Quận. Trái lại, ta sẽ bị nguy.

Tôn Quyền nghe nói cả giận, muốn chém Túc. Túc lại nói:

— Nay việc đã gấp. Nếu tướng quân không bằng lòng thì tôi mưu đồ kế khác. Như vậy sao tướng quân không đem quân giúp Lưu Bị. Đã tắt tướng quân muốn chém tôi?

Quyền lấy làm phải liền cho Chu Du giúp Lưu Bị.

Ngô - Thư và Giang - Biểu truyện đều chép: Lỗ Túc một khi yết kiến Quyền, nói ngay đến việc cự địch Tào Tháo và luận bàn kế lược để-vương. Khi Lưu-

Biểu chết lại xin đi sứ xem xét tình hình, không duyên có gì lại lấy lời du-thuyết khích Quyền. Và lại vào thời ấy, rất nhiều người khuyên Quyền hàng Tào. Vậy mà Quyền chỉ muốn chém Lỗ Túc thôi ư?

Lời nói trên về Lỗ Túc khích Quyền thật là vô lý).

Không-Minh với Tôn-Quyền.

Bấy giờ Chư Cát Lượng đến Đông Ngô vào yết kiến Tôn Quyền.

Lượng bảo Quyền rằng:

— Nay khắp nơi đại loạn, Tướng quân khởi binh đã chiếm được Giang Đông. Lưu - Dục-Châu cũng thu quân ở HÁN NAM cùng Tào Tháo tranh thiên hạ. Nay Tháo đã bình định được nhiều bọn đối cự, vừa rồi lại phá Kinh Châu, uy danh chấn động bốn bể. Người anh hùng không còn nơi dụng võ. Vì vậy Lưu-Dục-Châu phải chạy.

(còn nữa)

DƯỚI CHÂN THƯỢNG ĐẾ

Hồn vọng tưởng từng đêm về Thượng-Đế

Dưới chân ngài, con trả áo thư-sinh

Tuổi đôi mươi trong ý nguyện trưởng thành

Nét ngà ngọc còn phong tư-tướng mới.

Dưới Thượng Đế con cúi đầu khẩn vái

Cho hoa đời nở trọn giữa bàn tay.

Bước đầu tiên còn vụng dại, thơ ngây

Mắt xanh biếc trong niềm vui tin tưởng.

Quá non dại nên phải nhiều lo lắng

Lòng thiết-tha về Thượng Đế vô biên.

Xin được vui trong khung cảnh im lìm

Với đám trẻ tóc thơm mùi khét nắng

Rời thời gian, vẫn cuộc đời phẳng lặng

Vẫn tâm tình đơn giản đến vô tư.

Tiếng é-a lời trẻ vọng mơ hồ:

Nguồn an ủi thực vô vàn cao quý.

Dưới chân ngài, con cúi đầu, Thượng Đế

Buổi vào đời, con dâng tuổi hai mươi

Tình cho đi, sẽ không dám hỏi đời.

NHƯ-LAN

(Gia-định)

những áng thơ hay

Nơi mục này, mỗi kỳ, thi-sĩ THẨM-THỆ-HÀ sẽ giới-thiệu một bài thơ đặc-sắc của một thi-nhân đã nổi tiếng hoặc một bài thơ đầy màu sắc và truyền-cảm của một tài-thơ vừa chớm nở nhưng đã biểu-lộ ít nhiều hứa hẹn & tương-lai.

Bạn THẨM-THỆ-HÀ sẽ phân tích nghệ-thuật bài thơ — về hình-thức lẫn nội-dung — để các bạn yêu thơ cùng thưởng thức nguồn cảm-hứng tế-nhị và phong-phú của thi-nhân; đồng thời giúp cho các bạn trẻ mới tập làm thơ tinh-tường thêm tinh-hoa thi-nghệ.

P. T.

— Em ơi ! nhẹ cuốn bức rèm tơ,
 Tìm thử chân mây khói tỏa mờ.
 Có bóng tình quân muôn dặm
 ruổi,
 Ngựa hồng tuôn bụi cõi xa
 mơ ?

★

★ THẨM-THỆ-HÀ

— Xa nhìn bên cõi trời mây,
 Chị ơi em thấy một cây liễu
 buồn.

— Bên rừng em hãy lặng nhìn
 theo
 Có phải chăng em ngựa xuống
 đèo ?

Chị ngỡ như chàng lên tiếng
 gọi
 Trên mình ngựa hí, lạc vang
 reo.

— Tên chị ai gieo giữa gió
 chiều,
 Phải chăng em hỏi tiếng chàng
 kêu ?

Trên dòng sông lặng em nhìn
 thử
 Có phải chăng người của chị
 yêu ?

— Sóng chiều đùa chiếc thuyền
 lan,
 Chị ơi con sáo gọi ngàn bên
 sông.

Ô kia bên cõi trời đông

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Ngựa ai còn ruổi dặm hồng xa
 xa.

★

— Này lặng em ơi lắng-lặng
 nhìn
 Phải chăng mình ngựa sắc
 hồng in ?

Nhẹ-nhàng em sẽ buông rèm
 xuống,
 Chị sợ trong sương bóng
 ngựa chìm.

★

— Ngựa hồng đã đến bên
 hiên :
 Chị ơi ! trên ngựa chiếc yên...
 vắng người.

THANH-TỊNH

Đây là bài thơ miêu-tả tâm-trạng nhân vật mà tác-giả đã đặc-biệt phô-diễn dưới hình-thức văn đối-thoại. Tâm-lý nhân-vật không hiển-hiện ra trong những dòng suy-tư giả-tạo hay những tràng cảm, nghi triền-miên. Ở đây, dưới ngòi bút vô cùng linh-động của Thanh-Tĩnh, tâm-lý nhân-vật biểu-hiện ra trong cử chỉ, ngôn-ngữ, và ngoại-cảnh luôn luôn chi-phối tâm-hồn để tạo ra những chuyển-biến tâm-lý mong-manh hoặc đột-biến.

Nhân-vật trong bài là hai chị em chinh-phụ, mỗi người mang

một tâm-trạng khác nhau. Chinh-phụ vốn là con nhà trâm anh dài các, tâm-hồn giàu cảm-xúc và mơ-mộng. Sự mơ-mộng đã tạo cho nàng một sức tu-ởng-tượng đời-dào. Lần thứ nhất, trông thấy đám bụi tung bay xa xa, nàng đã ngỡ trong đám bụi có bóng ngựa hồng của chồng nàng, bóng ngựa hồng mà chàng đã cỡi lên đường ra chiến-trận. Lần thứ nhì, nghe tiếng gió xao-động ngàn cây và tiếng con nọan lạc bầy kêu sương, nàng ngỡ có tiếng ngựa xuống đèo và tiếng của chàng kêu. Lần thứ ba, nghe tiếng con sáo gọi ngàn bên sông, nàng lại tưởng tiếng chàng gọi chính tên nàng giữa gió chiều, trên dòng sông lặng.

Mới đọc qua mấy đoạn thơ trên, ta tưởng như Thanh-Tĩnh đã diễn tả tâm lý chinh-phụ một cách quá giả tạo. Nhưng xét kỹ, ta thấy sự tưởng tượng của nàng rất hợp lý. Với một tâm hồn giàu tình cảm, giàu mơ-mộng, nàng đã sống trong cảnh chờ đợi đã đến giai đoạn mỏi mòn. Những biến chuyển của ngoại vật — dù nhỏ nhặt đến đâu — cũng chi phối được tâm

hồn nàng, khiến cho nàng tạo ra những niềm hy-vọng, rồi từ hy-vọng đến tưởng tượng, nàng hướng tất cả mộng hồn về người nàng mong đợi, nhớ nhung.

Đối với những chuyển biến tâm lý của chinh-phụ, ta thấy ngoại cảnh đã đóng một vai trò quan trọng. Có thấy con đường trước mặt chạy thẳng đến chân mây, nàng mới đặt hy-vọng thứ nhất vào con đường ấy, rồi nàng tưởng tượng... Có thấy cánh rừng bên kia đường, nàng mới đặt hy vọng thứ nhì vào nơi ấy, rồi nàng tưởng tượng... Có thấy dòng sông lặng lẽ bên này đường, nàng mới đặt hy vọng thứ ba vào chốn này, rồi nàng tưởng tượng... Những ngoại cảnh ấy hiện ra trước mắt ta lần lượt qua từng nét vẽ phác họa của một họa sĩ tài hoa, để cuối cùng tạo thành một bức tranh vô cùng đẹp đẽ và nên thơ.

Thế là ba lần hy-vọng, ba lần nàng thất vọng liên tiếp. Trong khi không còn ngoại cảnh nào để cho nàng đặt hy vọng nữa, bỗng người em thốt lên: *Ô kìa! bên cội trời đông,*

Ngựa ai còn rubi dậm hồng xa xa...

Trái với chị giàu mơ mộng, người em luôn luôn ngoan ngoãn và lúc nào cũng thật tế. Lần thứ nhất, nghe chị bảo nhìn ra cội trời mây, để tìm bóng ngựa hồng, người em đã ngoan ngoãn vâng lời, và với tâm hồn bình tĩnh và thực tế, nàng không thấy bóng ngựa hồng đâu cả. Nhưng để an ủi chị, để tỏ rằng mình thông cảm với nỗi đau buồn và cô đơn của chị, nàng đã mượn « **cây liễu buồn** » để tượng trưng cho kẻ vọng phu. Lần thứ nhì, nàng ngoan ngoãn vâng lời chị, nhìn qua bên rừng và nàng đã nhận chân được thật tế: không có tiếng chàng gọi, không có tiếng ngựa hí, lạc reo đâu cả, mà chỉ có tiếng gió rung cây, và tiếng con nhạn lạc bầy kêu thương thảm-thiết. Lần thứ ba, nàng lại ngoan ngoãn vâng lời chị nhìn ra dòng sông, và nhận thấy không có tiếng ai gọi cả, mà chỉ có tiếng con sáo gọi ngàn.

Thanh-Tĩnh tả hai tâm trạng tương phản nhau và phân tách rất đúng tâm lý của chị cũng như của em. Người em ngoan ngoãn và thật tế như vậy, nên

lần này tia hy vọng mà nàng gieo vào lòng chị không phải là do sự tưởng tượng mơ hồ. Em ngạc nhiên mà chị lại càng ngạc nhiên hơn. Một sự mâu-thuẫn đột ngột diễn ra trong tâm lý của chinh phụ và nàng thời hộp bảo em:

*Này lặng em ơi, lặng-lặng nhìn
Phải chăng mình ngựa sắc hồng in?
Nhẹ-nhàng em sẽ buông rèm xuống,
Chị sợ trong sương bóng ngựa chìm.*

Qua phút ngạc-nhiên, chinh-phụ lại hy-vọng nhưng lần này thì nàng dè-dặt hơn, sợ hy-vọng lại tan biến đi như bao lần trước. Giờ phút mới trang-nghiêm làm sao! Hình ảnh bóng ngựa hồng lại hiện ra trong tâm não, nàng bảo em hãy « **lặng-lặng nhìn** », sợ rằng một tiếng động nhẹ cũng có thể làm cho hy-vọng tiêu-tan chẳng? Dè-dặt hơn nữa, nàng bảo em hãy « **nhẹ - nhàng buông rèm xuống** ». Nàng đã thất-vọng quá nhiều nên lần này nàng không dám đặt cả hy-vọng vào bóng ngựa đằng xa. Nàng sợ rằng bóng ngựa ấy biết đâu chẳng là bóng ngựa của chàng kỵ-mã nào đó lướt qua rồi chìm mất trong sương chiều...

Nhưng người em ngoan, ngoan ấy lần này không vâng lời chị. Nàng không buông rèm xuống, vì nàng cảm-thông với tâm-trạng mâu-thuẫn của chị. Nàng vẫn lặng-lặng nhìn ra cửa, nàng ghen-ngào thốt ra một sự thật đau lòng:

*Ngựa hồng đã đến bên hiên,
Chị ơi! trên ngựa chiếc yên vắng
người.*

Tác giả không nói đến chinh-phụ nhưng ta có thể hiểu rằng chàng đã táng thân ngoài chiến-địa.

★

Qua những điều nhận-xét trên, ta nhận thấy Thanh-Tĩnh có ngòi bút tả cảnh và tả tình rất thần-diệu. Khi tả tình thì hiện ra cảnh; khi tả cảnh thì hàm-súc được tình. Cảnh và tình ở đây hòa-hợp tương-xưng với nhau.

Một đặc-điểm khác là tác-giả biết phối-hợp nhạc điệu của thơ Tàu và thơ Ta để diễn-đạt sự chuyển-điệu trong ngôn-ngữ nhân-vật, vừa tạo cho bài thơ một âm hưởng nhịp-nhàng.

Có thể nói bài « **Mòn mỏi** » hoàn-toàn về cả ba phương diện: **Từ, Điệu, Pháp**.

Một tài-liệu mới lạ

chưa hề được khám-phá

trong Văn-Học-Si-Việt-Nam

«Truyện THÚY-KIỀU»

của NGUYỄN-DU

Khác hẳn

«Vương THÚY-KIỀU Truyện»

của TÀU như thế nào ?

VƯƠNG THÚY-KIỀU là một nhân vật lịch-sử trong thời Minh Triều Kháng Nhựt chiến-tranh (Đời Vua Gia-Tĩnh, 1522-1566), chứ không phải một nhân vật tiểu-thuyết.

(Tài liệu trong quyển «LỊCH ĐẠI DANH NHÂN DẤT SỰ» của NAM-CUNG-BÁC xuất-bản ở Hương-Cảng, 1955).



Nhơn xem quyển sách «LỊCH-ĐẠI DANH-NHÂN DẤT-SỰ» của ông NAM-CUNG-BÁC xuất bản năm 1955 ở Hương-Cảng, thấy có một bài nói về Vương-Thủy-Kiều và Minh triều kháng Nhật chiến tranh, tài liệu sưu tầm để viết bài ấy — theo Ông Nam-Cung-Bác — một phần do sử-liệu, một phần do quyển «VƯƠNG - THỦY - KIỀU TRUYỆN» mà Ông Nam-Cung-Bác có, thấy cốt truyện có liên-quan đến Truyện Kim-Vân-Kiều mà cụ Nguyễn-Du đã viết thành một kiệt-tác bất hủ, xin dịch để công hiến bạn đọc.

★ BẠCH-THỦY

Đ Ờ I GIA-TĨNH triều Minh (1522 — 1566), người Nhật - Bồn thường đến cướp bóc ba tỉnh duyên-hải Trung Hoa : Giang-Tô, Chiếc-Giang và Phước - Kiến. Danh tướng trong lịch-sử kháng Nhựt của Trung-Quốc là THÍCH - KẾ - QUANG đã lập được công to trong lúc bấy giờ. Căn cứ theo sử nhà Minh : Đại-qui-mô xâm-lược của người Nhựt-Bồn, khởi thi năm Nhâm - Dần, niên hiệu GIA-TĨNH thứ 31, đến năm Nhâm-Tý, niên hiệu Gia-Tĩnh

thứ 41 mới bình loạn (theo bảng niên-giám trong Từ-Nguyên, thì năm Gia-Tĩnh thứ 31 là năm Nhâm-Tý (1552) và năm Gia-Tĩnh thứ 41 là năm Nhâm-Tuất (1562), đồng thời xin chú-thích), trước sau cộng 10 năm. Thích-Kế-Quang là danh tướng bình Nhựt thời hậu ; chỉ ư vào trước sau năm Gia-Tĩnh thứ 35 (Bính Thìn — 1556) là thời kỳ giặc toàn thịnh, bộ hạ của NGHIÊM-SUNG, tể tướng thời bấy giờ, là Triệu-Văn-Hoa và HỒ-TÔN-HIỂN, đốc binh chinh chiến, mấy phen thất bại, sau nhờ một phụ-nữ bình nạn giặc lùn, định an vùng Giang-Chiếc.

Người phụ-nữ giúp Triệu-Văn-Hoa và Hồ-Tôn-Hiến lập công, xuất thân là một kỹ-nữ ở Kim-Lăng (Nam-Kinh), tên VƯƠNG THỦY - KIỀU, định kế bình loạn, nhưng chính nàng lại tạo ngộ một kết cuộc của một màn bi kịch.

Theo truyện «Vương-Thủy-Kiều» mà tôi (Nam-Cung-Bác) có, viết rằng : THỦY-KIỀU vốn người Lâm-Tri, thuộc tỉnh Sơn-Đông, ấu thời bị bán vào thanh-lâu, theo họ mẹ nuôi (tú bà) là Mã thị, lớn lên nàng đẹp và thông minh, được người trong thanh lâu thưởng thức, chuyển bán đến

Giang Nam (Vùng thuộc các tỉnh ở phía Nam Dương-Tử-Giang, gồm : Chiéc-Giang, Phước-Kiến, Giang-Tây, Hồ-Nam, Giang-Tô, An-Huy và Hồ-Bắc), nhập tịch Kim-Lăng (Nam-Kinh) và được dạy thuần thực những bản ca hát miền Ngô (Vùng Giang-Nam) và đàn tỳ bà. Đương thời, Nam-Kinh là lưu-đô, văn vật Giang-Nam đều tập trung tại đây, hai bên bờ sông Tần-Hoài, kỹ-viện rất thịnh đạt, danh tiếng nàng Kiều cũng rất nổi trong giới Bình-Khang. Nhưng cá tánh Thúy-Kiều, lại không a-dua, không thích phờng trọc phú, nàng bị tú bà ghét, song lại muốn ép gả nàng cho phú-thương. Phong trào lúc ấy, hễ danh kỹ thì phải được gả cho văn-nhơn mới là vinh hạnh, còn lấy thương gia là cùng đường. Thúy-Kiều không muốn là hầu-thiếp của thương-gia, nên lập-kế liên lạc với một phú ông, nhờ người này bỏ tiền ra chuộc nàng khỏi thanh lâu, rồi nàng lên đản con hầu tên LỤC-CHÂU trốn đến Gia - Hưng (huyện lỵ gần sông TIỀN-ĐUỜNG, thuộc phủ Gia - Hưng, tỉnh Chiéc-Giang), đơn độc nêu cờ kiêu-diễm.

Lúc ấy, có một người ở tỉnh An-Huy, tên LA-LONG-VĂN, đến Gia-Hưng du - ngoạn, mướn Thúy-Kiều diễm - lệ, chẳng tiếc tiền bạc, cưới Thúy - Kiêu luôn cả Lục-Châu. La-Long-Văn nổi tiếng hào - hiệp, sau trở thành người tâm - phúc của Nghiêm-Thế-Phiên là con của Tề-trưởng. NGHIÊM-SUNG.

La-Long-Văn là người có dã-tâm, lại rất giàu có, ứng-dụng vô số tiền tài để kết giao với quan lại, vì vậy, nên được theo hầu dưới trướng của Nghiêm-Sung; đồng thời, đối với những khách giang-hồ, chàng chẳng nề hạ mình giao-du.

Trong lúc LA-LONG-VĂN và VƯƠNG-THÚY-KIỀU ăn ở chẳng bao lâu, một lần, có một vị hòa thượng ở chùa Hồ-Bào thuộc Hàng-Châu, tên TỪ-HẢI, nhơn trốn-tránh một vụ nợ-nần về cờ-bạc, chạy vô nhà của Văn xin ăn. TỪ - HẢI pháp - danh MINH-SƠN hòa-thượng, nhưng một khi vị hòa-thượng này đi ra khỏi chùa, thích mặc y - phục thường-tục; chàng có sức mạnh, giọng nói to, bầm tánh giang-hồ hào-hiệp, La-Long-Văn cho là bực kỳ tài, ưu-ái lễ tiếp, chẳng

những giúp tiền trả nợ cho Từ, mà còn mời chàng về ở chung, lại tặng nàng Lục - Châu cho chàng ; Từ Hải không một lời cảm tạ, ở chung với La-Long-Văn được một tháng, bỗng một ngày, Từ nói với La rằng : Mảnh đất này không phải là chỗ đặc-y của chúng ta, đại-trượng-phu không thể u-buồn nương-náu lâu dưới bệ của người, tôi muốn đi lập-thân, anh cũng nên nỗ-lực, ngày sau như được phú quý, ta chớ quên nhau. Từ nói rồi đi luôn, không biết tông-tích đâu nữa.

Sau lại, La - Long - Văn vào kinh, vào phủ của Nghiêm Sung, theo phò Nghiêm - Thế - Phiên, thành người tâm - phúc. Còn VƯƠNG - THÚY - KIỀU vẫn cùng Lục-Châu ở lại Gia-Hưng, bế môn tạ-khách.

Năm GIA - TỊNH thứ 33 (Giáp - Dần — 1554), có giặc lùn (Nhật-Bồn), xâm chiếm tỉnh Chiéc - Giang, nhập Giang - Tô, triều - đình trước ra lệnh cho Trương Kinh, tòng-đốc quân-sự vùng Giang-Nam, qua năm sau, ăn thứ nhứt được thắng lợi, Nghiêm Sung ganh - tỵ công lao của Trương, mượn cờ giết tướng

này, Nghiêm Sung lại bảo - cử người tâm-phúc của mình là HỒ-TÔN - HIẾN kế Trương làm tòng-đốc và Công-Bộ Thượng-Thơ là Triệu - Văn - Hoa (cũng người trong phe đảng của Nghiêm), với chức Thái Tử Thái-Bảo đến Giang-Nam thị-sát quân-vụ, La-Long-Văn cũng theo bọn này xuống miền Nam.

Vào lối năm Gia-Tĩnh thứ 34-35 (1555 - 1556), quân Minh thường bại trận, Gia-Hưng cũng mất, tuần-vũ NGUYỄN-NGẠC bị bao vây tại Đồng Hương (một huyện gần sông TIỀN-ĐUỜNG, thuộc phủ Gia-Hưng, tỉnh Chiéc Giang), HỒ-TÔN-HIẾN chỉ có thể tự thủ, chẳng dám ra ứng chiến, VƯƠNG-THÚY-KIỀU nương - náu tại Gia-Hưng, cũng bị bọn giặc lùn cướp bắt.

Nhưng sau khi Thúy - Kiêu bị sanh cầm, nàng lại gặp một sự phát triển ngoài ý tưởng - tượng : Thủ-lãnh của bọn giặc lùn ở miền Tây Chiéc Giang, không ai khác hơn là người gặp gỡ năm xưa ở Gia-Hưng tên TỪ-HẢI.

Từ Hải vốn một nhơn-vật giang-hồ, từng làm hòa-thượng ở Hàng-Châu, sau lại làm cướp biển và kết-nạp một bọn người tại

Châu-Son (thuộc huyện Định-Hải, tỉnh Chiếc-Giang) và đến xin đầu giặc Nhựt-Bồn, trở nên một đạo quân chủ-lực của Nhựt, xâm chiếm Trung-Hoa.

TỪ - HẢI gặp VƯƠNG - THÚY - KIỀU, tuy vắng mặt nhiều năm, nhưng tình lưu-luyến xưa không phai nhạt. Mặc dầu xưa kia Từ ăn ở với nàng Lục-Châu, song dạ lại thầm yêu Thúy Kiều, nay trong một lúc, tình cờ có cơ-hội được tái-ngộ giai-nhân, lẽ tự nhiên Từ mừng rỡ vô hạn, liền lập Kiều làm phu-nhơn tại doanh trại, bảo tất cả hầu thiếp ra bái yết nàng.

Về sau, Thúy-Kiều được Từ chuyên sủng, bởi Từ cho Kiều là bạn cùng chung hoạn nạn, nên các việc quân cơ đại sự, Từ đều thương nghị với nàng, Trái lại, THÚY-KIỀU rất không bằng lòng việc Từ-Hải phò tá Nhựt-Bồn, nhiều loạn tổ quốc, nàng thường hay khuyên giải và chỉ trích Từ về việc này. Nhưng quan niệm của Từ thì cho rằng : Đại - trượng - phu cần phải dọc ngang bờ cõi, chẳng quản việc mượn binh ngoại xâm. Vì vậy, tuy Thúy-Kiều được Từ sủng hạnh, song nàng thường u buồn

không vui, ngoài mặt bàn tính quân cơ với Từ, thật tế, nàng lại muốn cho quân lùn mau thất bại.

Lúc ấy, quân lùn tại vùng Chiếc-Giang, ngoài Từ-Hải, còn có đạo binh của TRẦN-ĐÔNG, cũng rất hùng mạnh, thứ nữa, có hai đạo binh của VƯƠNG - TRỰC và MA-DIỆP, nhưng thực lực kém hơn Từ và Trần.

Tổng - đốc HỒ-TÔN-HIẾN thấy quân lực Từ-Hải mạnh nhứt, lại bao vây Đổng - Hương rất khấn cấp, liền tập-trung quân-lực đối phó với quân Từ, và cũng cho người đến chiêu Từ hàng, hứa cho lộc hậu ; Từ Hải thấy quân lực mình chiếm ưu thế, chẳng chịu hàng, lại còn muốn trăm lai xứ. Thúy Kiều nghe tin, cực lực cản ngăn, lại còn khuyên Từ làm lễ tiếp sứ giả và đưa về, nhờ vậy, tin VƯƠNG-THÚY-KIỀU là phu-nhơn của TỪ-HẢI, mới truyền đến doanh trại của quân Minh.

Trong lúc này, LA-LONG-VĂN nhơn theo TRIỆU-VĂN-HOÀ thị sát quân lực tại Giang Nam, nghe biết tin thủ lãnh của quân Nhật là Từ-Hải, bạn cố giao của mình, liền đến yết kiến

HỒ-TÔN-HIẾN, tình nguyện vào doanh trại của Từ để thám thính hư thiệt và nếu có cơ hội, sẽ khuyên Từ qui hàng, được Hồ chấp thuận. La-Long-Văn liền cải trang y phục lang du khi xưa, trực chỉ doanh trại họ Từ.

TỪ-HẢI nghe có cố-nhơn đến viếng, đặc biệt hoan nghinh, thết tiệc tiếp tân tại đại bản dinh. Từ-Hải cũng đoán được phần nào ý định của La-Long-Văn, nên qua vài tuần rượu, liền hỏi thẳng cố-nhân phải chăng vì HỒ-TÔN-HIẾN đến làm thuyết khách ?

La-Long-Văn trả lời rất khéo rằng : Chàng không làm thuyết khách cho Hồ Tôn Hiến mà là muốn làm trung thần cho cố nhơn; liền đó, La giả tạo cơ mật, báo cáo với Từ Hải rằng : Một thủ lãnh khác của quân lùn là VƯƠNG TRỰC đã bí mật đầu hàng Hồ Tôn Hiến, nếu Từ chẳng kịp thời theo đầu hàng, sợ bị tai họa.

Từ Hải tin bạn, nhưng không tức khắc bàn định việc lớn, chàng dẫn La Long Văn vô hậu đường, gọi THÚY KIỀU và Lục Châu ra bái yết Long Văn. Long Văn nhìn thấy bạn lòng năm xưa, rất xúc cảm, nhưng

chàng duy trì nỗi sự cảm động, chẳng một lời nhắc đến việc xưa. Từ Hải trong lúc đặc ý, chẳng quên lời hứa : "Phú quý bất vong" năm xưa, chấp nhận cố hữu, chờ khi bình định Giang Nam, sẽ thưởng cao quan hậu-tước cho La.

La-Long-Văn lại bàn sơ chút ít tình thế, ẩn ý khuyên Từ qui hàng ; Vương-Thúy-Kiều cũng xen vô khuyên giải, Từ Hải chỉ ăn nhậu, bắt sang chuyện khác. Tiệc xong, La-Long-Văn thấy kể mình không thành, cáo lui, chàng chỉ có liếc mắt với Kiều ngỏ ý nhờ nàng khuyên Từ qui hàng thôi.

THÚY KIỀU bị kẹt trong vòng mâu-thuần, nàng yêu TỪ HẢI, nhưng lại cũng yêu LA-LONG-VĂN và nàng thương nhứt là quốc-gia của nàng.

Sau khi tan tiệc, Thúy Kiều kéo tay Từ Hải trần thuyết sự lợi hại cho Từ nghe, lấy tình cảm để lay động chàng ; nàng bảo Từ Hải là người Trung-Quốc, chẳng nên phò trợ giặc Nhựt, nên thừa cơ-hội này xin qui hàng Minh triều, chẳng những không mất quan-tước mà còn bảo tồn được sự phú quý.

TỪ HẢI ở trong trạng huống bàng-hoàng, chàng bảo chẳng phải không muốn qui - thuận, nhưng vì các quan to của triều đình không hiểu sự lý, ý kiến rất bất đồng, chính e khi qui hàng, một ngày kia chàng sẽ bị nhục mạ.

VƯƠNG - THÚY - KIỀU thấy ý Từ có hơi lay chuyển, khuyên chàng nên thương-lượng với La-Long-Văn, nài nỉ cương quyết xin Từ bãi binh, dẫu cho điều-kiện xin hàng không được chấp-thuận òn-thỏa, nài nỉ cũng bằng lòng theo Từ phiêu-bạc hải hồ.

TỪ-HẢI thuận tình, trở ra thương-lượng với LA-LONG-VĂN, bằng lòng trước tiên mở vòng vây cho Đồng-Hương và sau sẽ thương xác những tiền tiết qui thuận. La - Long-Văn cũng thay mặt HỒ-TÔN-HIẾN bảo-đảm với Từ rằng triều-đình sẽ trọng dụng chàng.

Liên đó, La-Long-Văn phi ngựa về doanh-trại quân Minh. Từ Hải cũng giữ lời hứa, án-binh bất-động, cho giải tòa vòng vây Đồng-Hương, chờ tin tức của La-Long-Văn.

Tuần-vũ NGUYỄN NGẠC được giải vây rất mừng, đến yết-kiến HỒ-TÔN-HIẾN và cũng chủ-trương chiêu Từ hàng, dặng tránh nạn can-qua.

La-Long-Văn kiến-nghị buộc Từ phải bắt nạp những thủ-lãnh giặc lùn là Ma-Diệp và Trần Đông làm quà qui-thuận, được HỒ-TÔN-HIẾN đồng ý.

HỒ-TÔN-HIẾN e ngại Từ phản hối, sai LA-LONG-VĂN đem châu báu, lễ vật đến tặng Từ. Từ-Hải không mất tiếng là một hảo hớn, những việc mà chàng đã hứa, tuyệt nhiên chẳng sai lời. HỒ-TÔN-HIẾN bảo chàng qui thuận trước, sau sẽ xin phong thưởng, Từ cũng ưng thuận. Liên ngay, Từ lập kế bắt Ma-Diệp và Trần Đông, báo tin cho HỒ-Tôn-Hiến, xin làm lễ qui thuận tại thành Đồng-Hương.

Đến kỳ, HỒ - TÔN - HIẾN, TRIỆU - VĂN - HOA và các nhơn viên đều tập trung tại Đồng-Hương, quân Minh cũng tập trung tại ngoại thành, việc bảo an tại nội thành do Tổng-Binh DU-ĐẠI-DO đảm trách.

TỪ-HẢI chẳng nghi kỵ HỒ-Tôn-Hiến, nên chỉ đem theo 10

người tùy tùng nhập thành, VƯƠNG - THÚY - KIỀU lại điềm trang thật đẹp và thiết tiệc tiễn đưa chàng.

Lúc ấy, Triệu-Văn-Hoa, HỒ-Tôn-Hiến và Nguyễn Ngạc đồng chủ tọa trên thính đường, La-Long-Văn dẫn Từ-Hải vào yết-kiến xin tội. Tôn - Hiến đối với Từ rất nhà-nhận, đứng lên nói rằng: Triều-đình đã tha tội cho chàng, khuyên chàng chớ được phong thưởng. Triệu-Văn - Hoa cũng ban rượu ủy-lạo.

Lệ yết-kiến xong, Từ Hải cáo từ.

Nhưng, trong nháy mắt, Triệu-Văn-Hoa bỗng hạ lệnh xuất binh, một mặt cho nã-tróc Từ - Hải, mặt khác cho đánh úp doanh trại của Nhựt; HỒ-TÔN-HIẾN tuy không muốn giết người qui hàng, song TRIỆU-VĂN-HOA không chịu. Và lại, mỗi việc đều được bố trí xong xuôi, chỉ một tiếng lệnh của Triệu-Văn-Hoa là được thi-hành ngay.

TỪ-HẢI ra khỏi thành, thấy quan binh tấp - nập, binh - khí nghiêm chỉnh, biết có biến, và thấy mấy kiện - tướng bộ-hạ của HỒ-Tôn-Hiến đã hươi dao đến xáp chiến, Từ kinh hải chẳng biết cách nào ứng-phó, chỉ đá ngã

một người, giựt dao đương cự, nhưng thế của quan binh mạnh, Từ địch không nổi, nhảy xuống sông định lặn trốn.

Cùng lúc ấy, bộ-đội của Du-Đại-Do đã tấn công doanh - trại giặc lùn, giả danh ủy - lạo nhập nội; trong nồi lửa, ngoài hiệp công, binh lính Nhựt chẳng kịp đề phòng, đại-bại chạy tứ tán. TỪ-HẢI nhảy xuống sông lặn trốn, không dè quan quân cũng đã bủa lưới dưới mặt nước, nên chàng bị bắt sống.

Bọn TRIỆU - VĂN - HOA mưu binh được giặc và được phong thưởng, đem TỪ HẢI và bọn giặc bị bắt được, đều trảm thủ cho công chúng xem.

Người rất mực chủ trương cho Từ Hải ra qui hàng là VƯƠNG THÚY KIỀU cũng bị sanh cầm. Trong lúc nài nỉ muốn cứu Từ Hải, nhưng trái lại hại chàng, vạn sự ước mong đều tiêu ra tro-bụi; nài nỉ tìm La Long Văn nhưng La tránh không cho Kiều gặp mặt.

THÚY KIỀU thề phải giết LA LONG VĂN dặng báo thù cho Từ, vì mục đích này, nài nỉ giả vờ và với các tướng Minh triều. HỒ TÔN HIẾN vốn chẳng trọng đãi Thúy Kiều, mặc

đầu sự dụ Từ Hải ra hàng là do công lớn của nàng, nhưng một khi một mục-dịch đã đạt thì sự tôn trọng cũng chẳng còn.

Trước một tiệc ăn khao thắng trận, Hồ-Tôn - Hiến bảo Thúy-Kiều ca vũ giúp vui, Thúy-Kiều vì mục-dịch muốn báo thù, nuốt lệ khứng chịu. Giọng ca miền Ngô (Giang-Nam), nhịp với điệu vũ, vang tung trước buổi tiệc, THÚY-KIỀU dâng rượu thỉnh mời các tướng tá, nhưng bóng La-Long - Vãn vẫn bật, không thấy chàng xuất hiện giữa buổi tiệc khao.

Nghệ - thuật và nhan - sắc của Thúy-Kiều trong lúc ấy, quán tuyệt miền Nam, trên từ Hồ-Tôn-Hiến, dưới chí các tướng tá, thấy đều say mê; tất cả, trong lúc tử húng, hoan ca khoái lạc, thậm chí Hồ-Tôn-Hiến cũng không tài nào kềm chế được sự nghiêm-chỉnh của chính mình, Hồ đứng lên vén tay áo và cầm giáo, tham gia thao-vũ và thường liếc mắt đưa tình với Thúy-Kiều.

Trong buổi tiệc ăn khao, huyền-náo khác thường, phải giải - tán trước giờ mãn tiệc, vì ai nấy đều quá chén. Thúy-Kiều đêm ấy bị Hồ-Tôn-Hiến lưu tại quán-dịch.

Ngày hôm sau, khi HỒ-TÔN-HIẾN tỉnh rượu, rất ăn năng sự làm đêm qua; đồng thời, Hồ cũng nghe biết thân thế của Kiều, nếu Hồ lưu-luyến nàng, tất sẽ phải mang họa về sau, bởi THÚY-KIỀU trước kia là non tình của LA-LONG-VĂN, và La-Long-Vãn lại là người rất thân với TRIỆU-VĂN-HOÀ, Hồ không vì một nữ lưu, để hư đại sự.

Hồ là người thạo việc quan trường, tuy mẫn tài sắc Thúy-Kiều, song vì tiền-đồ của cá-nhơn mình, đành ép lòng dứt bỏ Thúy Kiều.

Chẳng qua, Hồ-Tôn-Hiến tự hiểu không thể giữ được nàng Kiều, chàng lại cũng không muốn nàng lọt về tay ai khác, liền đem Kiều ban thưởng cho một đầu dục nhỏ người Nhựt, tên là VĨNH-THUẬN vừa qui hàng và bảo Vĩnh-Thuận đem Kiều xuống thuyền, đến ở CHÂU-SƠN.

Việc này làm cho THÚY-KIỀU rất đau buồn, vì trước nàng đã khuyên TỪ-HẢI qui hàng là có quan-niệm vì quốc-gia, sau lại nhân nhục ca múa trước buổi tiệc là cố ý muốn thừa dịp hạ sát LA-LONG-VĂN, đặng

báo thù cho TỪ-HẢI, bởi vì Từ bị hại, truy căn nguyên, cũng tại vì sự dụ thuyết của La-Long-Vãn

Thúy-Kiều chẳng có chút cảm tình với tên đầu dục Nhựt, nằng ung theo VĨNH-THUẬN là việc bất-dắc-dĩ, nằng cũng không muốn vì một mối tư thù, mượn tay giặc khấu quấy-nhiều tổ-quốc, nên khi cùng Vĩnh-Thuận đi ghe ra đến sông TIỀN-ĐƯỜNG, nằng nhảy xuống sông tự ải.

Trận giặc kéo dài gần 10 năm của quân Nhựt, nơi miền duyên-hải Trung-Quốc, mà chủ-lực quân của bọn giặc này lại là người Trung-Hoa và Từ-Hải lại là một yếu non quan-trọng, nếu như Triệu-Văn-Hoa và Hồ-Tôn-Hiến biết chiều dụ Từ-Hải, để chàng cầm binh chống giặc lùn, thì mấy năm sau, miền duyên-hải phía Đông-Nam Trung-Quốc, khỏi bị người Nhựt khuấy-nhiều và Du-Đại-Do và Thích - Kê-Quang là hai tướng thuộc hạ của Hồ-Tôn-Hiến khỏi phải nhọc công chinh chiến.

VƯƠNG-THÚY-KIỀU là nhân vật chánh trong vụ chiến tranh Hoa-Nhựt này, nếu không có nàng, chưa chắc LA-LONG-VĂN đã dụ-thuyết được TỪ-HẢI. Còn tỷ-nữ theo Thúy-Kiều là nàng Lục-Châu, sau theo La-Long-Vãn, về ở Kinh-Đô.

Song, La - Long - Vãn nhờ dụ giết được Từ-Hải để tiến thân, nên hậu quả không tốt, vì chàng

theo phò con Nghiêm - Sung là Nghiêm - Thế - Phiên, đến năm Gia-Tĩnh thứ 41 (1562), Nghiêm Sung bị chỉ - trích, bãi chức, Nghiêm-Thế-Phiên và La-Long-Vãn đều bị hạ ngục, đến năm Gia-Tĩnh thứ 44 (1565), cả hai đều bị trảm thủ.

BẠCH-THỦY

★

Lời tòa soạn : Những tài-liệu mới lạ về « TRUYỆN THÚY-KIỀU » đến đây chưa phải là hết. Một nhà học - giả Nhật, giáo-sư Toshio Hatakénaka, ở Đại-học đường Koshiwara, có hứa sẽ gửi đăng trong tạp-chí Phò - Thông những tài - liệu về một « Truyện Thúy-Kiều » của một nhà Văn Nhật-Bồn xuất bản cùng một thời đại với Nguyễn-Du. Giáo - sư Hatakénaka sẽ so - sánh 3 quyển « Truyện Thúy-Kiều » của Hoa, Việt, Nhựt.

Hiện nay, các bạn đã có thể nhận thấy nhiều điểm khác nhau hẳn giữa quyển « Truyện Thúy-Kiều » của Nguyễn-Du và quyển « Vương Thúy-Kiều Truyện » của Tàu do ông BẠCH-THỦY vừa dịch tóm-tắt như trên, theo quyển « Lịch Đại Danh - non Dật - sự » của Nhà Văn - sĩ Trung - Hoa : NAM CUNG BÁC.

(Tài liệu riêng của tạp - chí Phò-Thông)

N.V.

TRÁI BOM NỔ TRONG buổi bình minh

NGƯỜI THƠ XUẤT HIỆN

(Tiếp theo P. T. số 27)

★ MẶC - THU

D Û N G vào ngày mùng 6 tháng 8 năm 2.000 Tây Lịch, nghĩa là đúng 49 năm tròn sau ngày trái bom Nguyên-tử đầu tiên nổ trên thành phố Hiroshima (Nhật), tại ngay lòng Thủ Đô Việt Nam, vào một buổi sáng mùa Xuân, một trái bom khác được nổ tung ra làm kinh động khắp thế-giới.

Trái bom này có phần mãnh-liệt hơn trái bom ở Hiroshima gấp triệu lần, vì trái bom Hiroshima chỉ mới làm xoay đổi lại một chiến cuộc—mà chiến cuộc thì vẫn có thể tiếp diễn dưới hình thức một chiến cuộc khác—trái bom nổ trong lòng thủ đô

Việt-Nam thay đổi hẳn được cả nếp sống của nhân loại.

Trái bom này không gây ra một sự chết chóc cho bất cứ một sinh vật nào, kể từ con ruồi. Ngược lại, nó làm cho cây cỏ thêm tốt tươi, lá non trở búp, nụ hoa bùng nở. Hương thơm của hơi bom bốc ra thơm ngào ngạt, tản mạn khắp không khí, rồi theo gió tám hướng chuyển đi khắp nơi.

Tất cả mọi người đều đổ xô ra ngoài đường. Họ đều ngây ngất như vừa nhấp vào men rượu ngon. Mùa xuân dậu trên ngọn lá măng tơ vẫn không sáng bằng mùa Xuân về trong lòng họ.

Một nguồn nhựa mới rạt rào chảy trong huyết quản mọi người, từ đũa trẻ thơ da hồng trái đào, đến những cụ già vóc hạc, thân mai.

Mọi người đều vui một niềm vui mà lời không thể tả. Tiếng nói, giọng cười đều như có rung theo một ý nhạc nào. Bước chân rộn rã khắp nẻo đường như dồn về một đại-hội. Trái bom ấy là bản tuyên-ngôn của năm nhà thơ Việt-Nam—những nhà đại thi-hào của thế-hệ mới—sau khi đã hội ý với nhau suốt bảy ngày trời, bảy ngày cách biệt hẳn với xã-hội bên ngoài, trong một trại hoa, dưới bầu trời xanh chỉ có vòm hoa và lá. Họ không dùng những thức ăn mặn-muối thường mà sống bằng những cánh hoa, uống cũng bằng một thứ nước cất bằng men của hoa và của lá. Ngày thứ nhất, các thi-nhân hội ý với nhau về sự có mặt của loài người trên mặt đất.

Ngày thứ hai, hội-ý về mối tương-quan giữa con người và con người.

Ngày thứ ba, về ranh-giới giữa các quốc-gia và quốc-gia, biên-thùy giữa các chủng-tộc và

các tôn-giáo.

Ngày thứ tư về những nguyên nhân đã thúc đẩy loài người lao vào những cuộc chiến-tranh liên-tiếp suốt hai ngàn năm nay.

Ngày thứ năm, về bản chất tình yêu-thương và tính - thiện trong con người từ nguyên-thủy.

Ngày thứ sáu, về nhu-cầu vật-chất và nhu cầu tinh-thần của con người trước thời-đại mới.

Ngày thứ bảy về trật-tự mới, nếp sống mới của con người trước chu-kỳ lịch-sử mới.

Sau đó bản tuyên-ngôn được tạo thành và được gửi đi khắp thế-giới trong một ngày bằng mọi phương tiện tiến-bộ nhất của khoa-học viễn-thông.

Bản tuyên-ngôn đó không mang tính-chất giáo-điều, không nhuộm màu sắc chính-trị, mà tràn đầy tình Người, có-dộng như những giọt mật ẩn trong đài hoa, bằng những lời đẹp nhất của Thơ, khiến cho tất cả mọi người, bất cứ thuộc về ngôn-ngữ nào, chủng-tộc nào, già hay trẻ, trí-thức hay không trí-thức, khi đọc lên đều thấy có một tiết-tấu của Nhạc, như một bài ca.

Người ta thấy khắp mọi nẻo đường, ở thủ - đô Việt - Nam, cũng như ở Mạc-Tur-Khoa, Bá Linh, Ba-Lê, Đông-Kinh, Nữu-Uớc, Bắc-Kinh, Đòai-Loan v.v... từng đoàn trẻ thơ nắm tay nhau hát theo từng lời trong bản tuyên ngôn ấy. Chân non nhún nhảy như những bầy chim. Đứng ngoài vòng, có những ông già, bà cả vỗ tay, dậm chân làm nhịp phụ họa theo giọng hát.

Tất cả những nhạc-sỹ trừ danh nhất của thế hệ trên khắp mọi quốc-gia đều hăm hở phổ nhạc vào bản tuyên ngôn ấy. Chỉ trong có một ngày sau, hầu

hết các dân tộc trên thế-giới từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á đều đã biết hát bài ca . Bản tuyên ngôn mới của Nhân-Loại bằng chính tiếng của nước họ.

Đó là ngọn gió hồi sinh cho cây cỏ úa khô vì đại hạn, làm cho sa-mạc cháy nắng Sahara có suối chảy, có cỏ non, cây đâm bông, trở trái làm cho miền Băng-Cực có ánh nắng chan hòa.

(còn nữa)



Kỳ sau : Bản tuyên ngôn đó nói gì ?

Nếp sống mới của nhân - loại ra sao ?



✧ CẢNH SÁT VIÊN LỊCH SỰ

Thấy một người hi hục đẩy chiếc xe hơi 4 c. v. , một viên cảnh sát nhanh nhẹn chạy lại hi hục đẩy hộ và hỏi :

— Xe ông hỏng máy ?

Chủ xe cười xă giao không nói.

Đầy xong, viên cảnh sát lại hỏi :

— Xe ông hết dầu ?

Chủ xe :

— Dạ cũng không phải. Chỉ vì tôi mới lái chưa có « bực-mi » nên... thấy ông, tôi xuống đẩy về cho khỏi rắc-rối... Cảm ơn ông lắm.

NÀNG CHINH PHỤ TRÙNG
CHINH PHỤ NGÂM

(tiếp theo P.T. số 28)

ĐIỂM 3

Bài Minh của Hoa-Triều Sinh

S AU khi nàng Mạnh-Khương chết, trải hơn 1500 năm, vào đời nhà Minh (1368 — 1644), có một thi sĩ, bút hiệu là Hoa-Triều Sinh, giàu lòng thương xót cuộc loạn ly đau khổ. Sẵn tính ngạo du, chàng vung chân đi nhiều miền để tìm thi hứng. Một ngày chàng đi ngang qua gần biển đông, đến mộ nàng chinh-phụ. Chàng đứng chân, quan sát : nào cây cỏ um tùm, nào khói mây bao phủ, nào tiếng sấm xa xa vang dội hình như tiếng sấm thê lương. Chàng cảm động, viết một bài Minh, để khắc vào tấm bia dựng bên mộ :

✧ VŨ-ĐỨC-TRINH

Đất đai xưa của nước Triều-Tiên;
Biên giới cũ của nước Cô-Trúc.
Đời nhà Ân có hai hiền sĩ;
Đời nhà Tần có nàng Mạnh-Khương.
Hiền đức của nàng chi có Trời chiếu soi, thấy rõ.
Dung mạo của nàng sáng như trăng mọc.
Nàng làm nội tướng cho chàng Phạm-Thực.
Phù hợp với thời vận đến như thế.
Chàng kia sáng dạ và đẹp tướng như cây quỳnh.
Chàng phóng xe hai ngựa lên miền bắc.
Nàng kia có hương tiết như cây đỗ lan.

Nàng cho bánh xe cuốn vòng, đi về
phía tây.
Nàng đã đầm thấm mà lại cung
kính thờ chồng.
Nàng còn thông minh và quả quyết
nữa.
Nàng không thấy sách ở viện bảo
tàng.
Nàng biết riêng điều bí mật của
tinh giao kết
giao tiễn chim phượng mới
bắt đầu thổi;
sáo chạm hoa đào vẫn chưa
thay đổi.
khi Trường-Thành được xây
cát,
về ở chín châu phải xiên bạt,
tan rã:
khôi nhà, mẹ đau đớn;
khôi quê, vợ than thở.
nàng phải phụng dưỡng
mẹ chồng đã luống tuổi.
nỗ đùa với con thơ.
rau đỏ, dãi gió dầm
swong;
tần rau phiến trên
bờ khe giữa hai núi.
năng thờ mẹ chồng
khi bà còn sống;
tàng rầu rĩ đi ra đám mẹ chồng
khi bà đã chết.
đây bạch du và cây thanh dương
nàng trồng ở mộ đã già;

Hạt móc ở cây huyền đã tan mất.
Tuy thế, nàng liếc mắt xem chôn
bay;
Nàng cũng gặp cả thỏ đen nữa.
Nàng chùi nước mắt, đi lẩn quẩn
chung quanh thành.
Nàng thương cảnh, hỏi đờ.
Nàng nguyện kết bạn với lương
nhân;
Nguyễn cùng về đất tối tăm ở suối
vàng.
Hỡi ôi!
Vòng tròn này không phải là cây
khuyên;
Nét thẳng này không phải là cây
đờ.
Nàng có thể vận dụng kinh khi
thường, quyền khi biến.
Dầu bị nghiêng ngả, nàng cũng
không đổi rời.
Thuở còn sống, nàng gặp cơn lặn
đần;
Hồi đã chết, nàng đờm về quang
minh.
Chỉ nàng xúc cảm đến phần thiêng
của núi;
Lòng thành của nàng thông cảm
đến luồng sông ở bến đờ.
Trong cõi người ta có kiếp nào
như thế?
Đáy biển có mấy nổi trần ai?
Chiếc mồi nổi không bao giờ mất.
Pho tượng đá của nàng để lại vốn
còn mới.

Tiếng trong sách của nàng vì như
sông Tương với sông Nguyễn.
Tôi làm rạng rỡ cho mà nàng bằng
một bia đá
Cao chót vót ngang với núi Côn-
Luân.
Tôi tặng nàng râu chuỗi tua tua
thay vì dây cương;
Tôi cúng nàng đĩa đậu to hạt để
nàng còn hưởng mãi;
Ánh mặt trời đèn dạn soi xuống.
Làn hơi mây lớn vẫn bốc lên.
Ban đêm nàng cỡi rồng có hai sừng
với thường luồng;
Ban ngày nàng dựng cờ phướn trên
chim công với chim trạ.
Vàng hơi của mây gió chẳng lúc
nào thổi,
Đời nay và thuở xưa, che phủ
ngôi mộ này.
(Hoa-Triều Sinh bút ký).

CHƯƠNG II

Đức tính nàng
chinh.phu

những lời thơ khéo léo. Muốn
giảm bớt phần nào nỗi bi thương
của câu truyện, ông thác ra một
khúc ngâm dài do nàng chinh
phụ viết, gửi chàng chinh phu.
Trong đó ông dùng nghệ thuật
tinh vi mà nêu cao một lối sống
gwong mẩu. Gặp buổi quốc gia
lâm vào cơn gió bụi, các trật
tự trong gia đình, ngoài xã-hội
hóa đảo điên, vì tinh thần bị
khủng hoảng, ông xử dụng văn
chương để chỉnh đốn nếp luân
thường và phục hưng nền văn
hóa. Ở mọi nước, nhất là
những nước Á-Đông, người đàn
bà vẫn chiếm một chỗ rất can
hệ trong đường luân lý. Thế nên,
dưới ngòi bút tài tình của ông,
nàng chinh phụ chân thành đã
giữ trọn cả niềm trung, hiếu,
tiết, nghĩa.

Điểm 1

Nàng chinh phụ với
chữ Trung

Về chữ trung, nàng Mạnh-
Khương nói:
Giã nhà, đeo bích chiến bào,
Vút roi cầu Vị, ào ào gió thu.
(Các câu 23-24)
Trước buổi ra đi muốn dậm
để tuân lệnh nhà vua, chàng

Truyện nàng Mạnh-Khương
không những gây niềm rung cảm
bên Trung-Quốc mà còn vang
đội đến cõi Việt-Nam. Thi-sĩ
Đặng-trần-Côn, bởi quý yêu nếp
sinh hoạt với nền đức hạnh của
nàng, đã để vào miệng nàng

Phạm-Thực, chinh phụ, từ biệt mẹ già với vợ trẻ. Chàng phải đi hợp tác trong việc xây cất Vạn-Lý Trường-Thành và ngăn đón giặc ngoại xâm. Công trình ấy đòi hỏi biết bao điều vất vả, khó nhọc, biết bao nỗi nguy hiểm, gian-nan, biết bao niềm đấn đo, thắc mắc. Một chuyến chàng thấy đi, biết đâu mà dám hẹn ngày về !? Trong suốt quãng thời gian xa-vắng, chàng không biết nhờ ai gìn giữ mẹ già với vợ trẻ....

Tuy thế, chàng cũng quyết tình từ giã hai kẻ thân yêu, rời vận áo chiến, đi phụng sự tổ quốc ở cõi xa muôn trùng.

Để góp phần vào việc đền ơn nước, nàng Mạnh-Khương sửa soạn đồ hành lý cho chồng. Nàng cố trấn tĩnh, gạt ngang những giọt lệ nóng hổi chạy vòng quanh và nén những tiếng thảm thê cứ chực bật ra khỏi cổ họng. Tuy nghẹn ngào, đau khổ, nàng cũng gượng vui, để khuyến-khích chồng thi hành nhiệm-vụ. Nàng leo đèo đưa chân chồng ra tận khúc đường chia tay.

Khúc đường đó, theo nghĩa

bóng, gọi là cầu sông Vị. Chàng chinh phụ quất chiếc roi kêu đên đét, nện hai gót chân vào hông ngựa, thúc nó chạy thật nhanh, vì muốn mau tới đích.

Vị là sông rất trong ngược với Kinh là sông rất đục. Người ta thường nói: Kinh Vị, nghĩa là đục trong, xấu tốt. Vị tức là sông Vị-Thủy phát nguyên từ Đieu-Thử Sơn trong dãy núi Lũng-Hà ở địa trấn Vị-Nguyên, tỉnh Cam-Túc. Nó chảy ngang qua Lũng-Tây, Hàm-Dương và phía tây kinh đô Trường-An, rồi đổ vào sông Hoàng-Hà tại bến Phong-Lãng Đệ, ải Đồng-Quan ở biên giới tỉnh Thiểm-Tây và tỉnh Sơn-Tây.

Đời xưa, lúc ai rời khỏi kinh thành, thì họ hàng, bạn hữu đưa tới cầu sông Vị và trao tặng mấy cành liễu, tượng trưng của mối tình dài thướt tha. Ông Vương-Duy, đời Trung-Đường (756-874), có đề bài thơ tặng biệt:

*Vị Thành triều vũ áp khinh trần,
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tiêu;*

Tây xuất Dương - Quan vô cố nhân. (1)

«Thành Vị sáng sớm có trận mưa làm đẹp những làn bụi nhẹ xuống.

Quán khách trọ xem có vẻ xanh tươi vì màu liễu mới.

Trong bữa biệt ly tôi khuyên chàng uống thêm một cốc rượu nữa cho đủ ba cốc.

Bởi vì, lúc đi về phía tây mà qua khỏi ải Dương-Quan, biên thùy giữa Trung-Hoa với Tây-Vực, chàng sẽ không còn người «u».

Bài thơ này có âm vận khéo, nên về sau, hễ có cuộc chia phôi là người ta nhớ đến cầu sông Vị.

Trong lúc chàng chinh phụ quất roi, phóng ngựa, thì luồng gió thu thổi rung ngành lá ào như tiếng lòng ai rộn rã nỗi niềm yêu nước.

Sở dĩ chàng Phạm-Thực nuôi khí phách của chinh phụ và trạng phu như thế, một phần tại cũng nàng Mạnh-Khương hun đúc đêm ngày. Hóa ra, về chữ trung của chồng, nàng có thể viết:

*Chỉ làm trai: dậm nghìn, da ngựa;
Gieo Thái-Sơn nhẹ tựa hồng mao.*
(Các câu 21-22)

Đường đường là một nam nhi, chàng Phạm-Thực nuôi chí cao cả đi tòng chinh ở mãi chốn biên thùy xa muôn dặm, để gìn giữ non sông và ngăn ngừa giặc cướp, vì bọn Hung-Nô vẫn nhắm nhe tràn sang lãnh thổ Tàu.

Vả lại, chàng có gan chiến đấu anh dũng, đến nỗi, nếu cần, chàng sẵn lòng chết ở bãi chiến trường, để các bạn học thầy chàng trong dĩa ngựa thay vì vải liệm với áo quan. Chàng coi việc đó là một công danh lừng lẫy.

Đời nhà Đông-Hán (25-220) có Mã-Viện, một người vốn hoài bão chí lớn. Trước ông làm nghề chăn nuôi, sau đầu quân, giúp vua Quang-Vũ Đế (25-58) đánh dẹp giặc Vương-Mãng, rồi đi Bắc-Việt giao chiến với hai chị em Trưng-Trắc và Trưng-Nhi, rồi cuộc lâm bệnh chướng khí mà chết ở chiến-trường Man-Khê, gần tỉnh Quý-Châu lúc đánh.

(1) Bài thơ này phải ngâm theo điệu «Dương-Quan tam điệp», nghĩa là: câu thứ nhất ngâm một lần, rồi ngâm lại ba chữ cuối; câu thứ hai cũng vậy; câu thứ ba ngâm hai lần, rồi ngâm lại ba chữ cuối; câu thứ bốn cũng vậy.

nhau với những người Mèo. Sinh thời, khi ông đã lưỡng tuối, các bạn thân hay như ông xin nghỉ dưỡng lão và mệnh chung trong gia đình, ông khảng khái đáp :

Trượng phu đường mã cách khêu thi;

Ninh khê tử nhi nữ tử chi thủ hồ ?

« Kê có tinh thần nên dùng da ngựa bọc thầy;

Sao lại ửng chết ở trên tay vợ con được ? »

Chồng nàng Mạnh-Khương, vì mang trách nhiệm nặng nề, hóa ra coi bản thân nhẹ bồng. Chẳng xem sự mạng lớn lao, xem tinh mệnh nhỏ bé. Dãy Thái-Sơn với mẫu hồng mao được đem làm biểu hiệu.

Thái-Sơn là dãy núi lớn ở tỉnh Sơn-Đông về hữu ngạn Hoàng - Hà, phía đông nam

thành Tế-Nam, cao độ 1,539 thước. Hồng mao là lông chim hồng, một thứ chim thiên nga thường bay cao vòi vọi có mồng đỏ, mắt đỏ, chân đỏ, lông dài mà trắng.

Thi bá Lý - Thái - Bạch gieo vần :

*Yên-Nam tráng sĩ, Ngô-Môn hào,
Thái-Sơn nhất trích kinh hồng mao.*

« Tráng sĩ ở Yên-Nam, hào kiệt ở Ngô-Môn

Ném núi Thái nhẹ như lông hồng »

Tư-Mã-Thiên cũng nói :

Nhân cổ hữu-tử ; tử hoặc trọng u Thái-Sơn hoặc kinh u hồng mao :

« Người ta vẫn chết; nhưng chết hoặc nặng như núi Thái, hoặc nhẹ như lông hồng ».

(còn nữa)



Bác-sĩ Wood, tại trường Đại-học Colombie của Anh-quốc, vừa tuyên bố rằng nên cho bò-cái ăn giấy nhựt-trình cũ, vì trong giấy nhựt-trình có nhiều chất cellulose làm cho bò mau mập. Mưa in thì làm cho bò nhai đi nhai lại dễ dàng.

C
Ồ
V
I
Ệ
N

*Voi ngựa đá nép mình như phủ-phục
Và im lìm tro tráo những hình nhân,
Như xa xăm huyền-bí của hung thần
Bao quái tượng vươn lên hình man rợ.*

Đây là chỗ khách du nhìn bở-gỗ
Nên văn-minh phát-triển một thời qua
Phải chăng đây còn in nét đậm đà
Tinh dân-tộc nói lên từ thế-hệ...

Đây, những nét dưới vương-triều CHẾ để
Nuốt căm hờn than khóc đất Ô, Ri
Đầu quân roi, lay động bóng kinh kỳ
Guom đứng-tướng nghiêng mình ôi khuất-phục!

Hồn vong-quốc đời đời trong mai một
Chí phục-hưng tui hồ với non sông,
Đồ-Bàn đầu, nơi xương máu chất-chồng
Cơ-nghiệp báu dưới màu tro uất-hận.

Đây từ thuở Chiêm-hoàng xưa mặt vắn
Đã dâng mình dưới ngựa, xếp tàn y
Nhìn Phi-Tần, Cung-nữ bước khuyh-nguy
Và thành quách tan tành trong tui nhục!

Thôi đâu nữa giải trời mây LÂM-ẤP
Đâu trường-đồ sau mấy độ giao-chinh
Rộn bước voi, khua chiêng trống rập-rình
Tò sắc thắm cho nền cờ kiêu-hãnh.

Nghìn thu hơi ! phủ-phàng trong vắng lạnh
Đâu tiếng cười đượm thắm nét non-vu
Và đêm đêm trong sương khói tỏa mù
Còn đâu nữa khúc nhạt tình hoang-dã.

Quê hương cũ bóng ngàn năm xa lạ
Khói lam chiều xóa mặt bóng biên-cương
Núi rừng thiêng rít mạnh trong đêm trường
Như rên rĩ tiếng Mỹ-kiều vương-hậu.

Đây lưu dấu của Chiêm-Thành vong quốc
Một giống nòi ôi vắn thuở phân-ly!
Và nơi đây mãi mãi vẫn còn ghi
Thời oanh-liệt lui dần trong dĩ-vãng.

C
H
À
M

«Chém cha cái số...

...HOA ĐÀO»

Một Văn-sĩ Trung-Hoa,
ô. LƯU-TRÙNG-HƯNG,
nghiên-cứu truyện Kiều của
Nguyễn-Du, đã tìm ra được
trong quyển ấy có 32 lần tác
giả nói đến Hoa Đào.

Dưới đây là bài của ông
bạn Trung-Hoa.

P. T.

DÀO là một thứ hoa
thắm ánh tươi đẹp thơ
yếu thướt tha, tượng trưng cho
mảnh hồng nhan sống cuộc đời
thơ mộng. Trong quyển truyện,
bà viên ngoại mộng điếm hoa
đào rồi sanh ra nàng Kiều.
Cảnh đào ấy nảy trở ngổn
ngang hơi về tàn tạ. Thành thử
tạo hóa sẵn sắp đặt vận mệnh

★ LƯU-TRÙNG-HƯNG

nàng Kiều mỏng manh. Ngài
Nguyễn-Du viện ra lý thuyết đó
khéo đặt để những câu văn-
chương bóng bẩy linh hoạt ngụ
trong mỗi hoàn cảnh sự vật của
nàng Kiều và luôn cả những
vai phó trong truyện.

Tôi ra chút công mọn tìm tòi,
lượm lặt những vần thơ có
quan hệ đến chữ «Đào» để xin
hiển trình các bậc Đại nhā cùng
thưởng thức về một cuộc thanh
tao. Khi Kiều mộng Đạm-Tiên:

«Rước mừng đón hỏi dò la:

«Đào nguyên lạc lối đâu mà đến
đây?»

Nhập đề câu truyện Kim-
Trọng ngộ Kiều.

Cách tường phôi buổi êm trời,

Dưới đào nhường có bóng người
thướt tha.

SỐ HOA ĐÀO

Chàng Kim lượm được cành
kim thoa:

Lần theo tương gấm dạo quanh,
Trên đào nhác thấy một cành
kim thoa.

Mở màn cho cuộc tình duyên:
Sấn tay mở khóa động đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên
thai.

Trang hoàng trong viện sách
Kim Trọng.

Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen nổi sập, lò đào thêm
huơng.

Kiều tự sánh một đóa yêu-đào:
Vẽ chi một đóa yêu đào,
Vườn hồng, chi dám ngăn rào
chim xanh?

Sân đào của Kim-Trọng:
Nàng thì vội trở buồng thêu,

Sinh thì dạo bước sân đào vội ra,

Khi thất thân cho Mã-giám-
Sinh, Kiều ngộ lời hỏi tiếc:

Biết thân đến bước lạc-loài,
Nhi-đào thà bề cho người tình
chung!

Khi đọa đầy sa tay phạm tục:
Đào tiên đã bèn tay phàm,

Thì vin cành quít cho cam sự đời.

Viên ngoại gởi gắm thân Kiều
cho Mã-giám-Sinh:

Chút thân, yếu liễu, thơ đào,
Rắp nhà đến nổi mắc vào tôi người.

Đạm Tiên báo mộng Kiều hay:
Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dù muốn quyết trời nào đã
cho.

Tú bà an ủi nàng Kiều.
Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân, để đợi ngày đào
non.

Màn đầu tiên dập diều lá gió
cành chim.

Lầu xanh mới rủ trướng đào,
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm
người!

Khi Thúc-kỳ-Tâm tìm viếng.
Trướng tỏ giáp mặt hoa đào,
Vẽ nào chẳng mặn, nét nào chẳng
ra!

Hai đảng thanh-khi tương đầu.
Sớm đào, tối mạn lân la,

Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.

Kiều cam chịu phép gia-hình.
Phận đành, chi dám kêu oan,

Đào quen quen má, liễu tan-tác
mây.

Cuộc tình ái ảm áp của Kiều
với Thúc Sinh.

Mãng vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đã phai thắm, sen vừa nảy
xanh,

Nổi ghen giận ngấm-ngấm
của Hoạn thư, nhưng bề ngoài
tỏ vẻ.

Buồng đào khuya sớm thành thơi,

Ra vào một mực, nói cười như
không.

Khi gió thu hiu-hắc Kiều
thấy trăng mới nhớ tưởng
Thúc-Sinh.

Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vầng trăng khuyết, ba sao
giữa trời.

Kiều bị tẩm thuốc và bị bợn
Ứng-Khuyển bắt đi.

Vực ngay lên ngựa tặc thì,
Phòng đào, viện sách, bốn bề lìa
giống.

Kiều sa vào Hoạn môn bị tời
tàn khổ sở.

Xót cho đào-lý một cảnh,
Một phen mưa gió tan tành một
phen!

Khi Kiều bị lâm cảnh gió bụi
lần nữa.

Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra, rồi lại bước vào như chơi!

Từ Hải ngộ lời tâm phúc.
Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Mắt xanh chẳng để ai vào phải
không?

Lúc báo ân báo oán ngọn cờ
đào phát-phối, rực-rỡ.

Ba quân trở ngọn cờ đào,
Đạo ra vô tích, đạo vào Lâm trny.

Khi Hồ tôn Hiến ép duyên to
cùng thổ quan.

Nàng càng ử liễu, phai đào,
Trăm phần, nào có phần nào phần
tươi.

Nàng tuyệt vọng với cuộc
tình éo-le cay-nghiệt.

Duyên đâu ai dứt tơ đào?

Nợ đâu ai đã dứt vào tận tay?

Về sau chàng Kim viếng chã
cũ, nếm mùi thất-vọng.

Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió
đông.

Đến khi nàng Vân chấp mối
tình duyên và mộng thấy nàng
Kiều.

Phòng xuân trưởng rú hoa đào,
Nàng Vân nằm, bỗng chiêm bao
thấy nàng.

Chàng Kim Trọng trùng
phùng được Kiều nhưng vẫn
chưa muộn.

Quả mai ba bảy đường vừa,

Đào non sớm liễn xe tơ kịp thì:

Rốt cuộc đem đến cảnh đoàn
viên mãn mà.

Những từ sen ngộ đào tơ,

Mười lăm năm, mới bảy giờ là
đáy.

Kiều từng trải cuộc sống
long-đong mười lăm năm trời,
nhưng vẫn tươi đẹp.

Canh khuya bức gấm rú thao,

Dưới đèn tỏ rạng má đào thêm
xuân.

Một câu kết khen ngợi phẩm
chất cao cả của Kiều.

Cho hay thực nữ chí cao,

Phải người sớm mãn tời đào như
ai.



C Ừ nghĩ tới Hải tôi lại
buồn cười, cố nhịn cười
cũng không được. Anh rất nhất
khi đứng trước các cô gái đẹp
thế mà anh có thể yêu hai người
đẹp cùng trong một thời gian. Yêu
say đắm, yêu mê mết chứ không
phải yêu hời hợt, miễn cưỡng.
Thế mới lạ! Tôi thấy anh luôn
luôn khổ sở vì mối tình đầu với
cô Minh hàng xóm cũng như bản
khoản, theo đuổi cô thâu ngân
một tiệm tạp hóa lớn ở đường
Lê-Lợi.

Tôi thấy cần phải nói rõ về
tính nhất gái của anh. Anh
thường bị các bạn thân cười mũi
khi thấy anh run run trước một
cô gái, lúc đó mặt anh đỏ gay

như mặt trời mọc lúc ban mai nơi
biển cả.

Đã một lần, chúng tôi bàn nhau
“ghẹo” Hải một “mách” cần
thận, và cũng vì câu chuyện đó
mà tính nết Hải đổi hẳn.

Sau khi thảo-luận kỹ càng để
cho Hải vào trong, Thảo — bạn
tôi và cũng là bạn của Hải — dặn
dò cô Mai — người yêu của anh,
những điều cần thiết, chúng tôi
bắt đầu đóng kịch. Chúng tôi đến
nhà Hải dù anh đi chơi. Sau khi
thả bộ dọc đường Lê-Lợi, chúng
tôi đòi hướng ra bến Bạch-Đằng
hóng mát.

Đang đi chợt Thảo dừng lại
chỉ bằng đá trước mặt rồi thì
thăm vào tai Hải :

— Cậu có nhìn thấy cô gái mặc áo màu xanh nhạt ngồi một mình ở băng đá kia không? Nàng ngồi nghiêng nên chỉ thấy một phần khuôn mặt của nàng, nhưng với chiếc sống mũi dọc dừa, trông cũng hay đấy chứ. Chắc nàng phải đẹp.

Tôi gật gù tán thưởng :

— Ừ, chắc là đẹp lắm.

Thảo đề nghị :

— Người đẹp ngồi một mình ở đây chắc chỉ có một việc là chờ người yêu đấy thôi, vậy chúng mình nên đến thay chân chàng ta để nàng khỏi tủi vì chờ đợi.

Hải vội sua tay :

— Thôi thôi, làm thế mất âm đức đi.

Chúng tôi trao đổi nhanh một cái nhìn và cùng thầm nghĩ "Mất âm đức cái gì. Nói toẹt ra là sợ cho xong chuyện lại còn đạo đức giả cầy nữa". Nhưng cả hai chúng tôi cùng không nói ra và tiếp tục điễn kịch.

Thảo đánh đòn tâm lý :

— Cậu thử nghĩ xem, một người con gái đẹp đi cô đơn trong đám đông người thì không sao, nhưng ngồi cô độc nơi «thiên-thời địa lợi» cho những cuộc trao đổi yêu đương như đây thì tội

NGHIỆP cho nàng quá. Chúng ta cứ lại đi.

Nói xong Thảo kéo nhanh Hải tới chỗ cô gái ngồi. Tôi cũng rảo bước theo. Nghe tiếng động, người con gái quay lại nhìn rồi nghiêng nét mặt nhìn ra bờ sông.

Thảo nói bô bô :

— Mỗi chân quá rồi các cậu ơi. Chúng mình ngồi nghỉ tạm nơi đây một chút đã.

Chẳng đợi xem có ai đồng ý không, Thảo ngồi luôn xuống ghế và kéo Hải ngồi xuống theo. Cô gái vội kéo tà áo lên rồi ngồi nhích ra đầu ghế. Chúng tôi nháy nhau khi thấy Hải ngồi «thộn» ra như đang nghe giáo sư giảng toán.

Thảo bảo tôi :

— Này Thuận ơi, cậu còn thuốc lá không?

— Hết từ lúc nãy cơ mà, tôi trả lời Thảo.

— Nếu vậy chúng mình chạy đi kiếm xem, có hàng thuốc lá nào không đi.

Quay sang Hải anh tiếp :

— Hải ngồi chờ bọn mình một chút nhé.

Nghe thấy thế, Hải đứng dậy :

— Tôi... tôi cũng đi với.

Nhưng Thảo đã ấn tay Hải ngồi xuống rồi mỉm cười xá giao

với cô gái ngồi bên bạn anh :

— Chúng tôi xin gửi cô anh bạn tôi đây một lát, cô làm ơn giữ hộ. Chốc nữa chúng tôi quay lại sẽ xin lãnh về. Hải nó nhát lắm cơ ạ.

Nghe Thảo giới thiệu «chết người» như vậy, mặt Hải đỏ bừng lên như nhuộm phẩm.

Cô gái mỉm cười ý nhị rồi đáp lời rất tự nhiên :

— Vâng các anh cứ đi. Bạn của các anh vẫn còn nguyên vẹn.

Nghe cô gái bạo dạn nói thế, Hải càng ngượng chín người. Anh cắn chặt môi dưới, hàm bạnh ra, bàn tay nắm chặt lại như muốn đập phá cho đỡ... bức.

Không thấy Hải nói gì, cô gái lần la hỏi chuyện :

— Tôi thấy anh có vẻ không được tự nhiên trước đàn bà. Tại sao thế? Hay anh sợ?

Hải ấp úng trả lời :

— Kh... ông... không... chỉ tại mấy thằng bạn tôi nó hay trêu tôi vậy thôi cơ ạ, chứ tôi... tôi...

Cô gái chặn lời :

— Chứ anh không sợ, có phải không?

Nàng đổi giọng :

— Em tự giới thiệu đề anh được rõ, em tên là Lệ và là bạn của anh Thảo đấy.

Hải tròn tròn con mắt kinh ngạc. Anh không ngờ câu chuyện lại chuyển-hướng đột ngột đến thế.

Cô Lệ tiếp lời :

— Vâng, em là bạn của anh Thảo. Anh Thảo và anh Thuận có nói cho em hay về anh và muốn nhờ em «dậy dỗ». Nói thế anh đừng giận em và hai anh ấy vội, chứ dậy dỗ ở đây là khuyên anh cứ tự nhiên khi đứng trước một người con gái. Họ có làm gì anh đâu mà anh sợ. Nếu anh cứ rút rút, họ sẽ coi thường anh và mọi việc trên đường đời cũng sẽ chẳng được kết quả như ý muốn bắt nguồn từ những chuyện nhỏ mọn về người con gái.

Hải chăm chú nghe Lệ thuyết phục như một tín đồ thành kính nghe giảng đạo.

Khi thấy chúng tôi trở lại, Lệ đứng dậy vui vẻ nói :

— Xin trả lại hai anh anh Hải và em chắc rằng anh Hải bây giờ không giống anh Hải khi nãy đâu.

Có lẽ Lệ đã nhận xét đúng. Ngay sau hôm đó, anh đã yêu ngay cô hàng xóm xinh đẹp, nhưng cũng tình nghịch. Từ trước tới nay, thấy anh hay e lệ, cô Minh thường vẫn cười tít mắt chào hỏi anh, nếu không thấy anh

trả lời cô ta còn chạy theo gọi tên anh nữa.

Nay thì khác hẳn, sau buổi bị ông Lê « lên lớp », Hải thấy mình không nên e dè trước cô gái láng giềng xinh đẹp nữa. Anh sang bên nhà cô Minh chơi, đây là lần đầu tiên anh bước vào nhà cô hàng xóm. Thấy Hải vào, cô Minh đang ngồi xem báo vội bỏ tờ báo xuống ngược nhìn anh ra chiều ngạc nhiên.

Hải thản nhiên nói :

— Thấy khách vào chơi mà cô Minh không tiếp ư ?

Nữ chủ nhân vội mỉm cười xin lỗi mời Hải ngồi. Sau khi được biết hai ông bà già cô Minh vắng, Hải sung sướng đứng dậy không khí đầy phôi rồi lẹ làng nắm lấy tay cô Minh và nói anh :

— Minh, tôi đã yêu Minh từ lâu. Tôi mong rằng Minh sẽ làm cho tôi đau khổ thật nhiều vì mối tình đầu này. Tôi nghĩ rằng Minh cũng mến tôi từ lâu nhưng vì chưa có hoàn cảnh thuận tiện để chúng ta thổ lộ tâm tư. Giờ đây Minh nói với tôi đi, anh nói rằng Minh cũng yêu...

Nói xong Hải cũng nhận thấy

mình nói rất trôi chảy và anh cũng tự ngạc nhiên hết sức. Riêng cô Minh cũng ngạc nhiên không kém. Cô nhún đôi lông mày nhỏ một cách rất điệu, đôi môi mọng mím lại như suy nghĩ lời nói của Hải. Nàng chỉ ghé cho Hải ngồi xuống rồi đồng dạc hỏi anh như chủ khảo hỏi thí sinh vào vấn đáp :

— Anh Hải, anh nói thật với em đây chứ ?

Hải mơ màng :

— Minh không tin tôi ư ? Tôi đã yêu Minh từ lâu rồi, khi gia đình em mới dọn tới đây. Tôi đã từng mất ăn mất ngủ vì nụ cười, khoé mắt của em.

Tay Minh nắm lấy tay Hải. Anh cũng vội ử tay mình lên tay nàng.

— Anh bảo anh yêu em từ lâu vậy tại sao mọi lần cứ trông thấy em là anh lại vội rảo bước như chạy trốn ? Nhưng mà thôi, đó là chuyện đã qua rồi. Anh à, em cũng rất sung sướng được anh đề ý tới em, yêu em. Còn như anh hỏi em có yêu anh không thì em hãy... xin khát anh đã nhé vì hiện nay em... chưa nghĩ đến điều đó.

Nếu có ai dội cả một thùng nước lạnh vào người Hải vào

một buổi sáng mùa đông lạnh lẽo, rét mướt anh cũng không ớn bằng câu nói vừa rồi đó. Trả lời như vậy khác nào bảo « em không yêu anh đâu ». Như vậy « lú » rồi còn gì nữa.

Hải ấp úng hỏi lại Minh :

— Tại... tại sao lại thế hả em ? Hay là em chê anh nghèo ?

Không thấy Minh trả lời nhưng nhìn thấy nàng hơi gật anh cũng nhận thấy số phận đen đui của mình rồi.

Kề ra thì Hải cũng không giàu gì nhưng anh cũng chưa đến nỗi nghèo. Nhưng theo sự nhận xét của Minh thì anh vào « cỡ » nghèo rồi.

Kề như là đã thất vọng anh không về nhà mà đi lang thang ngoài phố cho vui bót mối sầu thiên thu. Lúc này anh mới thật thông cảm với mấy vần thơ bất hủ của thi sỹ Xuân-Diệu :

*« Yêu là chết ở trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà đã được yêu ».*

Cứ nghĩ đến chuyện thất bại anh lại thấy nhói nơi tim như bị người yêu cầm dao ngoáy vào vết thương lòng. Mắt hoa lên và một chút nữa thì vấp phải chiếc ô tô vừa phóng tới.

Két ! Két ! Tiếng phanh rít

lên. Anh chỉ còn kịp nhảy phóc lên hè và chiếc dây lưng... bị đứt đôi. Nguy hiểm ! Và cũng may làm sao !

Và cũng may làm sao khi anh nhìn thấy một tiệm tạp hóa ngay trước mặt. Anh vội chạy nhanh vào tiệm để mua một chiếc giày lưng khác, thay thế cho chiếc bị đứt đôi.

Khi ra quầy trả tiền, anh thấy một cô gái đang loay hoay viết những con số trong quyển sổ. Dù nàng đang cúi xuống, nhưng với chiếc trán trắng, thoai mái, anh cũng cho là đẹp rồi. Tự nhiên anh thấy tim mình đập mạnh như lần anh thổ lộ yêu đương cùng cô Minh.

— Một chiếc giày lưng ? Một trăm lẻ năm đồng... Ông có năm đồng lẻ chứ ?

— Ồ năm đồng lẻ thì anh có hẳn đi rồi. Anh còn có một trái tim vỡ vụn vì thất vọng và nó lại bắt đầu thồn thức...

Hải vẫn đứng yên lặng trước quầy không trả lời, vì cô chủ ngân vẫn chưa ngừng đầu lên nhìn anh. Anh muốn được nghe giọng nói trong trẻo của cô ta một lần nữa nhưng đằng sau anh còn có mấy người khách hàng đang chờ đợi tới lượt mình để

trả tiền. Anh đành trả tiền rồi bước đi mà lòng tiếc ngẩn ngơ. Chợt một ý kiến loé trong óc, anh vội quay nhanh trở lại. Anh chọn mua một chiếc giầy lừng nữa rồi lại chỗ quầy trả tiền.

Vấn giọng nói cũ cất lên mà anh đang mong đợi.

— Một chiếc giầy lừng? Một trăm lẻ năm đồng... Ông có năm đồng lẻ chứ?

Lần này thì anh không có tiền lẻ. Không có lại hóa may. Khi cô thâu ngân ngừng đầu lên thì... ôi! đôi mắt đẹp làm sao!

Trái tim Hải một lần nữa lại đập mạnh. Thế là anh đứng ngẩn người ra nhìn người đẹp quên cả trả tiền. Cô thâu ngân thấy thế vội mỉm cười e lệ.

Khi ra về, hình ảnh cô thâu ngân xinh đẹp cứ lần lần trước mắt anh. Và từ hôm sau, hôm sau nữa, anh lại tới nhà hàng. Anh mua bất cứ một thứ gì: áo sơ-mi, khăn tay, xà bông thơm, nước hoa, tất, miễn là có một thứ hàng trọng tay để anh tới quầy tiền nghe giọng nói của người đẹp. Hải mua nhiều hàng quá rồi. Nếu anh muốn, anh có thể mở một tiệm bazar nhỏ nhỏ rồi đấy. Kề cũng điên thật.

Cô Xuân — tên cô thâu ngân—

lúc đầu cũng không để ý tới ông khách quý, nhưng lâu dần, lâu dần cô cũng phải chú ý tới. Cô cười rồi cô bắt chuyện:

— Hình như Ông mua hàng về để... chơi?

Hải không biết trả lời thế nào cho xuôi đành gật đầu thú nhận. Cô thâu ngân đưa chiếc bút chì nguyền tử lên môi cắn, đôi mí mắt chớp nhanh rồi khẽ hỏi:

— Anh đã yêu một người ở đây?

Được đà Hải nói nhanh như sợ sự can đảm của mình vụt biến mất.

— Tôi đã yêu cô, Xuân ạ.

Lần này Hải tin chắc mình sẽ thành công trên trận tuyến tình ái. Anh mân mê lọ nước hoa Tabu chờ đợi tiếng lòng. Nhưng đau khổ thay cho anh. Một bản từ hình nửa đã gắn vào đúng trái tim nứt rạn.

— Em cũng biết anh yêu em, nhưng anh ạ, em đã có bạn rồi. Chỉ độ hai tháng nữa là chúng em lấy nhau.

Lần này trời có nổi cơn phong ba bão táp, đất có nứt toác ra cũng không làm anh giứt mình kinh sợ bằng lời nói đó. Thời thế là hết rồi.

Thế là:

«*Tình duyên trôi trôi trôi cả mộng,
Mộng tàn rồi hy vọng tan rồi...*»

(thơ trong Đồi Thông Hai Mộ)

Nhìn bộ mặt đầu đầu như đưa đám của anh, cô Xuân vội an ủi:

— Đừng buồn vì mối tình đặt không đúng chỗ anh ạ. Em cũng rất tiếc nhưng anh đã đến sau thì còn biết làm sao được. Thời được, em sẽ vì anh em giới thiệu cho anh một cô bán hàng đẹp nhất ở đây, đẹp hơn cả em nữa. Cô ta là bạn thân của em đấy. Anh bằng lòng chứ.

Hải chỉ lắc đầu. Anh chẳng thiết gì bây giờ nữa.

— Bây giờ chúng ta coi nhau như bạn. Khi có đám cưới em sẽ mời anh tới dự tiệc mừng của chúng em.

Hải gật đầu rồi lặng lẽ quay về. Anh còn thoáng nghe thấy tiếng thở dài của cô Xuân.

Khi về qua nhà cô Minh, thoáng thấy Ông già cô ta đang ngồi uống nước, Hải tạt vào chơi. Lâu nay anh thường sang chơi đàm luận với ông cụ về thời thế, tình hình trong nước cũng như ngoại quốc và rất được ông cụ quý mến. Cứ nghĩ tới cô XUÂN anh lại thấy vui hẳn lên và anh đã

san bớt cái vui đó cho cô Minh. Anh coi như là đã quên chuyện cũ; Minh không yêu anh nữa, anh cũng không cần. Nhưng mỗi lần thấy Minh cười với mình anh lại rộn lên một niềm vui thích. Anh lại cảm thấy mình vẫn yêu Minh và yêu hơn trước cũng như anh vẫn hằng theo đuổi cô thâu ngân xinh đẹp.

Ông già cô Minh than thở với anh:

— Đạo này khan hiếm hàng quá. Sáng nay tôi phải lùng mãi mới kiếm mua được một chiếc áo Arrow. Họ còn nói dù đắt gấp đôi cũng không có nữa,

Đang buồn vì chuyện cô Xuân nên anh cũng ừ hừ không tiếp chuyện. Cô Minh cũng nói:

— Con nghe nói nước hoa không được nhập cảng nữa nên giá cũng đắt gấp đôi đấy ba ạ.

Nhìn người yêu cũ Hải chợt nghĩ tới cái «kho» hàng của mình ở nhà. Vì cô thâu ngân mà anh đã phải dành riêng một căn phòng nhỏ để chất những hàng mua được. Bây giờ hàng khan, giá cao vọt lên, kho hàng của anh thành giá trị. Anh sẽ lời nhiều nếu anh đem bán đi và anh sẽ giàu. Giàu một cách thẳng thắn,

đang hoàng vì anh có ý định tích trữ đầu cơ đầu.

Anh chợt nghĩ tới một câu trong kinh thư có dạy rằng : « Công tâm vi thượng, công thành vi hạ » nghĩa là phải đánh cái lòng người là thượng sách rồi mới tấn công vào thành trì sau. Vì một khi đã chinh phục được lòng người rồi thì việc hạ thành rất dễ. Anh chợt hiểu thấm thía. Anh hớn hờ nói :

— Nếu vậy mời ông sang bên nhà cháu, cháu xin biếu ông mấy chiếc dùng đỡ.

Không cần chú ý tới sự ngạc nhiên của ông già cô Minh, Hải quay về cô Minh nói thêm :

— Cả cô nữa, nếu cô cần thứ nước hoa nào tôi cũng có. Nuit de Chine, Chanel, Lanvin hay Nuit de Noel chẳng hạn, tôi sẽ biếu cô một chai.

Cả hai bố con cô Minh ngạc nhiên như ở trên cung Trăng

rớt xuống. Hải vội đứng dậy mời hai người sang nhà mình.

Chỉ đồng sômi và « khu » nước hoa trong kho, anh thần nhiên nói :

— Đó, ông và cô muốn dùng thứ gì cũng có.

Ông già cô Minh thốt lên :
— Sao anh có nhiều thế ? Chà, phen này anh giàu to rồi.

Cô Minh cũng ngạc nhiên không kém. Nàng reo lên như trẻ con được mẹ đi chợ về cho quà :

— Trời, anh có nhiều nước hoa quá, lại có cả phấn nước nữa này. Em đang tìm mua mãi mà không được.

... Các bạn cũng đoán được đoán kết rồi chứ ?

« Bạn tôi đã chạy đi báo tin với cô bạn mới — cô Xuân thân ngân — anh sắp lấy vợ và vợ chồng anh sẽ mở một tiệm tạp hóa nho nhỏ bán đủ mặt hàng như nơi tiệm của cô Xuân ».



★ TOÁN GIỎI

Giờ toán, trong một lớp «bét», thầy giáo hỏi trò Năm.

— Mẹ bé cho bé hai chiếc kẹo lần đầu và lần thứ hai cho thêm ba chiếc nữa, vậy thì bé có mấy chiếc kẹo cả thầy ?

Trò Năm :

— Thưa thầy, có bốn chiếc kẹo cả thầy.

Thầy giáo trợn mắt.

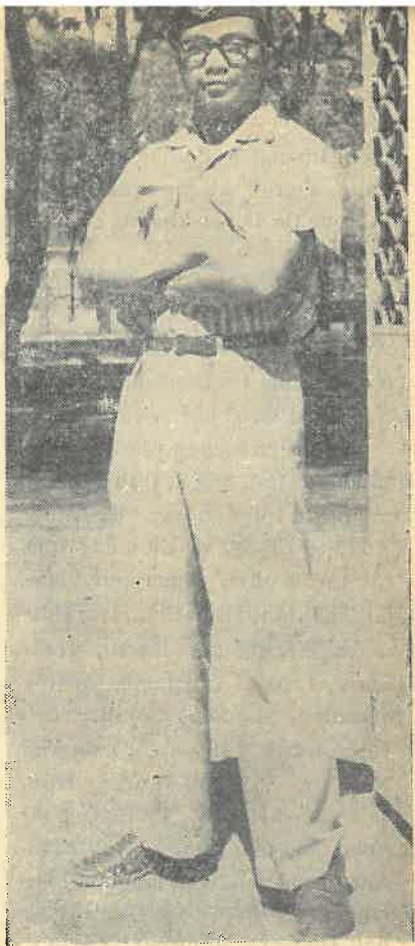
Trò Năm tiếp luôn :

— Dạ, vì bao giờ mẹ con cho con kẹo, con cũng dấu một chiếc để xin thêm một chiếc nữa là đủ.

Một giờ với SUJONO

người thanh-niên
NAM - DƯƠNG
đi du - lịch vòng-
quanh Thế - giới

★ NGUYỄN THỤ MINH



VỚI mục đích tìm hiểu và giới thiệu các nước bạn cùng gây tình thân hữu, ngày 11-2-1960 vừa qua, sau khi nhận được lời mời của ông lãnh sự Nam-Dương, chúng tôi đã đến gặp ông Sujono, người đã đi vòng quanh thế giới vừa ghé Saigon hôm 10-2-1960.

Không cần phải nói nhiều, hẳn các bạn cũng như chúng tôi khi nghe tin : « có một thanh niên nước bạn du lịch vòng quanh

thế giới vừa ghé V. N. » đều có một ấn tượng tốt đẹp, một niềm vui mừng về kết quả mà người ấy đã lượm được, chứ chưa nói đến chuyện gặp gỡ, lại càng miễn phục hơn nữa.

Ông Sujono, người Nam-Dương, năm nay vừa được 30 tuổi, tuy còn thiếu năm tháng nữa, nước

da ngăm-ngăm, đeo kiếng trắng, dáng người không cao không thấp nghĩa là vào khoảng 1 thước 75, 76 gi đó.

Sau những lời xã giao thông thường, câu chuyện đang vui-vui với tôi cùng vài người bạn Việt-Nam chúng ta đến chào mừng, ông tươi cười nói với tôi:

— Tôi đến Saigon vào lúc 4 giờ 25 chiều 10-2 ông ạ, tính từ khi rời nước tôi đến nay vừa đúng 5 năm 6 tháng, và đã viếng qua các nước như: Singapour, Mã-lai, Thái-lan, Miến-điện, Ấn, Hồi-quốc, Afganistan, Ba tư, Irak, Syrie, Liban, Jordanie, Arabie Séoudite, Somalie, Soudan, Ai-cập, Libye, Hy-lạp, Bulgarie, Nam tư, Ý, Thụy-sĩ, Áo, Đức, Lục-xâm-bảo, Bỉ, Pháp, Y-pha-nho, Bồ-đào-nha, Ái-nhĩ-lan, Anh, Hòa-lan, Đan-mạch, Phần-lan, Thụy-điện, Na-uy, Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Mễ-tây-cơ, Guate-mala, Honduras, Sinvador, Nicaragua, Costarica, Panama, Colombia, Equattor, Pérou, Bolivia, Chilie, Argentine, Uruguay, Paraguay, Brésil, Cuba, Hawaii, Nhật, Nga, Ba-lan, Tiệp, Hung, Lô, Thôn-nhĩ-kỳ, trở lại Ấn qua Thái-lan, Cao-miên và đến Việt-Nam.

— Sau thời gian ở Việt-Nam, ông còn dự tính đi nước nào khác nữa hay trở về nước thôi ạ?

— Tôi còn qua Phi-luật-tân rồi mới trở về nước.

Giữa lúc đó, ông bạn tôi sau mấy cái gật-gật đầu hỏi tiếp:

— Xin lỗi ông, ông có thể cho chúng tôi biết sơ qua về mục đích của cuộc hành trình này không ạ?

Ông Sujono vội mỉm cười, nụ cười rất đầy duyên dáng, chỉ tiếc hôm ấy không có một thiếu nữ nào người Việt chúng ta cả, để đáp lại:

— Không ngoài mục đích viếng thăm và gây cảm tình với các dân tộc trên thế giới, giữa người và người. Nhưng, người nước nào cũng đều giống nhau cả, đến đâu, tôi cũng được tiếp đón nồng hậu và giúp đỡ trên mọi phương diện trong công cuộc hành trình này của tôi.

Riêng về Việt-Nam không phải tôi nói để vị tình trước mặt các ông, chứ khi tôi vừa đến biên giới Việt-Nam thì liền được đồng bào quý ông tiếp đãi ân cần lắm, tôi có ghé vào một tiệm ăn, lúc đứng dậy trả tiền để ra đi, họ

đã từ chối, không nhận khiến tôi vô cùng cảm động.

Qua một phút trầm ngâm đầy cảm tình, tôi hỏi:

— Ông có thể cho chúng tôi biết sơ qua những chuyện hay hay, là-lạ trong cuộc hành trình của ông không? Nhất là về mặt tình cảm!

— Lúc ra đi, chúng tôi có cả thầy ba người, một người tên ABDULLAK, một người tên LAWALATA, và tôi. Cuộc đi đang vui vẻ, ầm cúng cho đến khi đặt chân tới Deustchdor thì dừng một cái, ông bạn LAWALATA của tôi, tuyên bố xin rút lui cuộc hành trình vô điều kiện để lập cuộc đời mới bên cạnh người thơ Đức quốc kiều diễm và ở luôn với nàng tại Đức. Thế là chúng tôi còn có hai, hy vọng hôm sớm có nhau, nhưng một thời gian, sau khi đến Hoa-thịnh-Đốn, ABDULLAK gặp một người đẹp Hoa-kỳ rồi cũng đành từ giã tôi để theo gương Lawalata mà ở luôn tại Mỹ với người yêu lý tưởng. Duy còn một mình tôi là còn đeo đuổi.

Tôi cười hỏi đùa:

— Ông vì quá kén chọn chứ

gi? Liệu có hứa hẹn với người đẹp Việt-Nam nào của chúng tôi không?

Ông Sujono tươi cười vội đáp:

— Tôi đâu có kén chọn cho cam. Ông nói vậy thì oan tôi quá, tôi không hy-vọng gặp người đẹp của Việt-Nam...

Chúng tôi đồng nhìn nhau cười một cách vui vẻ, lý thú. Ông Sujono lại tiếp:

— Còn mấy chuyện nữa là khi tôi đi qua sa mạc Sahara gặp bão cát, Suýt chết đói luôn ở đấy, vì bị lạc mất hướng, lại thêm lương thực đem theo tính có ba ngày thôi, đàng này mất sáu ngày chưa tìm ra, nên bị đói ngắt ruột giữa sa mạc. May thay có người trông thấy, đưa về nhà cứu giúp. Tưởng thế là qua được tai nạn, nhưng không, đến Nam Mỹ tôi lại gặp một tai nạn thứ hai nữa là giữa đường núi cheo leo, khi trèo lên một đỉnh núi thì bị núi lở, lăn nhào xuống vực sâu đến chết giấc và gãy đầu gối mặt nằm liệt ở đấy đến hai ngày sau, gặp mọi Da-Đỏ, họ liền đưa tôi về làng băng bó vết thương và cứu sống lại.

— Mạng ông thế là to lắm đấy! Tôi đùa.

Sujono vẫn nụ cười niềm nở và khả ái :

— Vàng, mạng tôi còn «to» lắm. Ông tính không tọ sao được, trong 5 năm tháng tôi xài mất 24 đôi giày cơ mà !

— Ông có thể cho biết tổng số ông đã đi hết bao nhiêu ngàn cây số không ? Và đi bằng phương tiện nào khác ngoài đi bộ không ?

— Tổng cộng là 70.000 ngàn dặm anh. Trong đó đi chân hết 15 ngàn dặm anh, 4.000 đi xe đạp, 1.000 đi bằng lừa và lạc-dà khi qua các sa-mạc, còn thì đi nhờ các xe vận tải và máy bay..

Nhận thấy câu chuyện tôi đây cũng đã khá lâu và làm mất thì giờ của ông cũng khá nhiều, nên tôi chỉ hỏi vài chuyện nữa như lưu trú ở Việt-Nam trong bao lâu và những nơi nào ông ta lưu

trú lâu nhất thì được ông cho biết ông ở lại Việt-Nam trong vòng một tuần lễ và muốn được tiếp xúc với các thanh niên Việt-Nam để tổ chức những buổi đi chơi xa cùng viếng những thắng cảnh của Việt-Nam. Còn những nơi ông lưu trú lâu nhất là ở Mỹ đến 8 tháng, ở Nga 2 tháng.

Về dự tính của ông sau khi về đến nước nhà, ông sẽ ra làm báo, viết sách, nhất là sẽ viết một cuốn sách nói về cuộc đi này của ông và hy vọng sẽ được dịch ra tiếng Đức và Mỹ để bán đi khắp thế giới...

Cuối cùng ông không quên nhờ chúng tôi chuyển lời chào mừng và cảm ơn đồng bào Việt-Nam chúng ta đã tiếp đón, giúp đỡ ông trong những ngày lưu trú tại Việt-Nam.



• HÀ TIỆN QUÁ MỨC

Một ông triệu-phú rất đổi hà-tiện, một hôm đi xe lửa ngồi toạ-hạng nhứt mà chỉ mua giấy hạng ba. Kiểm-soát-viên bắt ông trả đủ tiền giấy hạng nhứt. Ông không chịu. Hai người cãi lộn. Tức mình, kiểm-soát-viên xách va-li của ông định quăng xuống đường. Ông vội-vàng la lên :

— Ấy đừng ! Có thằng con 5 tuổi của tôi ở trong va-li.

Ngã-ngũ câu chuyện, thì ra ông sợ mua thêm một vé nữa cho con ông, nên ông dấu nó trong đồ hành-lý.

T. P.

những đêm cầu cơ

tại nhà

VICTOR HUGO

★ TÂN-PHONG

AI cũng biết rằng nhà Thi-hào Pháp, Victor Hugo, đã bị đày ra đảo Jersey của Anh-quốc, tháng 8 năm 1852, sau khi bị Pháp-Hoàng Napoléon III trục-xuất ra khỏi xứ, vì ông nhiệt-liệt phản-đối chính-sách của hoàng-đế.

Ông ở trên hòn đảo bé nhỏ và buồn bã ấy trong 18 năm, cho đến năm 1870 Napoléon III bị sụp đổ, nhà Thơ mới trở về quê hương.

Trong thời-gian bị lưu-đồ, Thi-sĩ ở thuê một căn nhà trước kia bỏ hoang, tên là *Marine Terrace*, hẻo lánh trên một cánh đồi tro-trụi, giữa chân trời mặt bể. Nơi mấy trang đầu quyển *William Shakespeare*, Thi-sĩ Victor Hugo có tả cảnh nhà đó thật là buồn-não, tiêu-diệu, như một cảnh nhà ma. Tuy nhiên, thi-sĩ ở đó rất vui-vẻ với người yêu, cô Thư-ký Juliette Drouet của ông, và thỉnh thoảng bà

Victor Hugo cũng ra đảo để thăm.. hai người, ở chung một thời-gian rồi bà lại về.

★

Tại đảo JERSEY, và sau dời sang đảo GUERNESEY, Thi-sĩ Victor Hugo chỉ có hai công việc ham-mê suốt ngày đêm : làm thơ để xuất bản, và cầu Cơ gọi hồn ma về nói chuyện.

Các tài-liệu xác-thực về những đêm cầu Cơ của Victor Hugo, ông EDOUARD HERRIOT, ở Hàn-Lâm-Viện Pháp, có tìm được rất nhiều tại Thư-khố quận Saint-Lô ở trên đảo. Các nhà văn ROGER VERCEL trong quyển « *Les îles anglo-normandes* », JEAN MISTLER trong « *Les Annales* », MAURICE LEVAILLANT trong « *Crise mystique de Victor Hugo* » đều có thuật lại rất tường tận.

Đầu tiên, hồi năm 1840, Victor Hugo đã học khoa thôi miên và có lần con trai của ông là François bị bệnh khó ngủ, ông đã dùng phép thôi-miên để cho cậu ngủ được. Năm 1847, Thi-sĩ có làm quen với một người lạ thường, tên là ALEXIS DIDIER ở Paris, đang được dân-chúng khâm phục vì chàng ta có cặp mắt « Thần-nhôn ». Một hôm Thi-sĩ

Victor Hugo gặp chàng ở nhà bà Bá-tước de Saint - Mars. Thi-sĩ đang cầm trong tay một gói đã gói kín bằng giấy dày, cột giầy nhợ thật chắc và đã gắn xi. Victor Hugo hỏi chàng :

— Anh có thần-nhôn, vậy tôi hỏi anh có vật gì trong gói này?

Alexis nghĩ một chút xíu, rồi trả lời ngay :

— Politique (Chính-trị.)

Quả nhiên, cái gói của Thi-sĩ đựng một quyển sách mà nhan đề là « Politique » !

Victor Hugo hết sức ngạc-nhiên và phục tài của Alexis Didier. Nhưng cuộc thí-nghiệm ấy, kể ra rất là tầm-thường, vì hiện nay, VIỆN THẦN-LINH-HỌC của Pháp, (Institut Métapsychique de France) đã thí-nghiệm vô số những điều xác-thực còn linh-ứng hơn nhiều. Dù sao, hồi thời Victor Hugo, cách nay hơn 100 năm thôi, một sự tiết-lộ linh-nghiệm như thế cũng đã làm cho nhà Đại Thi-sĩ Victor Hugo cảm phục vô cùng.

Thế rồi một đêm, tại phòng khách trong căn nhà của Thi-sĩ, có một cuộc cầu Cơ, trên chiếc

bàn một chân. Đó là đêm 11 tháng 9 năm 1853.

Tôi xin thuật lại đêm cầu Cơ này, mà cả gia đình Thi sĩ đều cảm động rơi nước mắt, đúng theo tài-liệu lấy trong quyển nhật-ký của Victor Hugo, và có ghi rõ trong quyển sách « *Crise mystique de Victor Hugo* » của MAURICE LEVAILLANT, và cả trong quyển « *Les tables tournantes de Jersey* » của GUSTAVE SIMON (1923).

Trước hết, chắc các bạn ai cũng đã học thuộc lòng bài thơ « *A Villequier* » của Victor Hugo, bài thơ kiệt-tác, vô cùng bi ai, vô cùng mãnh-liệt, mà đọc lên ai cũng phải xúc-động. Chắc Bạn còn nhớ bài thơ khởi đầu bằng mấy câu :

*Maintenant que Paris, ses pavés et
ses marbres,*

*Et ses brumes, ses toits, sont
bien loin de mes yeux,*

*Maintenant que je suis sous les
branches des arbres,*

*Et que je puis songer à la beauté
des cieux...*

.

v.v...

Bài thơ ấy, Thi-sĩ Victor

Hugo khóc người con gái của ông, LÉOPOLDINE HUGO chết ở Villequier, với chồng.

Hôm ấy, Victor Hugo với người yêu là cô JULIETTE DROUET, thư ký của ông, rủ nhau đi chơi trên dãy núi Pyrénées. Lúc trở về Paris, hai người nghỉ chân ở làng Soubise, gần Rochefort, trong một tiệm cà-phê. Cô Juliette Drouet thấy trên bàn nước có một tờ báo, *Le Charivari*, Cô lấy đưa cho ông coi. Bỗng dưng ông tái mặt, choáng-váng cả người rồi khóc òa lên : Juliette lấy tờ báo xem có chuyện chi, thì té ra báo ấy có đăng tin con gái của Thi-sĩ là Léopoldine và người chồng bơi thuyền trên sông Seine bị thuyền lật, cả hai đều chết chìm.

Chuyện đau đớn này đã xảy ra năm 1843. Và do đó Victor Hugo làm ra bài thơ tuyệt-tác : *A Villequier*.

10 năm sau, đúng ngày 4 tháng 9 năm 1853, ở Đảo Jersey bỗng dưng Thi-sĩ nhớ thương con gái, bồi-hồi đau xót.

Nhân tiện có một bà bạn già, Delphine de Girardin, ở Paris

vừa mới ra đảo Jersey ngày hôm trước để thăm Thi-sĩ. Bà này biết cách thức cầu Cờ, (đang thịnh - hành ở Paris) nên đề nghị tổ-chức thử một lần tại nhà Thi-sĩ. Dự cuộc, có Victor Hugo, bà Hugo, cô Juliette Drouet, hai người con của ông là Charles và François Victor, bà bạn già Delphine de Girardin.

Nhưng đêm đầu, 6-9-1853, đặt Cờ trên chiếc bàn vuông bốn chân, cầu mãi không được. Đêm sau, đi mua chiếc bàn tròn một chân tại nhà một anh thợ mộc: Cầu Cờ cũng không thành. Ba đêm sau nữa cũng không được. Bỗng đêm 11, mọi người đều kinh-ngạc. Chiếc Cờ đặt trên bàn tròn tự dưng nhúc-nhích. Chính Thi-sĩ Victor Hugo hỏi:

— Ai đây?

Có ba tiếng gõ trên mặt bàn tròn một chân, rồi Cờ chỉ từng chữ cái, ghép thành hai tiếng:

— *Fille morte* (con gái chết). Ai nấy đều tin rằng Léopoldine hiện hồn về. Nhưng người con trai của Hugo, Charles, có mặt

ở đó, liền hỏi cho chắc chắn:

— Con gái đã chết, là ai?

Cờ trả lời, một nửa bằng tiếng Pháp, một nửa bằng tiếng La-tinh:

— *Ame soror* (*Ame sceur*: hồn chị em).

Theo quyển nhật-ký của Thi-sĩ Victor Hugo, thì nghe đến đây, không những ông, mà cả mấy người trong gia-đình đều xúc cảm, rung rưng nước mắt, muốn khóc hết. Thi-sĩ Hugo cố nén lòng, để hỏi tiếp:

— *Es-tu heureuse?* (con có hạnh phúc không?)

— *Oui.* (có)

— *Où es-tu?* (con ở đâu?)

— *Lumière* (ánh-sáng)

— *Que faut-il faire pour aller à toi?* (Làm thế nào để đến gặp con?)

— *Aimer* (yêu)

Bà Girardin hỏi:

— *Qui t'envoie?* (Ai cho cháu về đây?)

— *Bon Dieu* (Thượng-Đế)

Chỉ nói có bấy nhiêu rồi hồn thiêng của con gái Thi-sĩ biến mất.

Thi-sĩ Victor Hugo gục đầu xuống bàn, khóc nức-nở.

(*Kỳ sau tiếp*)

CHA TÔI

Ô. PHAN-KHÔI

★ PHAN THỊ MỸ-KHANH

Bà PHAN - THỊ MỸ-KHANH là con gái của ông Phan-Khôi, hồi thiếu-thời được ông cưng nhất. Hiện nay bà sống nơi đồng-áng, ở thôn Kỳ-Lý, quận Tam-Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Trong bài ký-ức sau đây, bà PHAN THỊ MỸ-KHANH ghi chép lại cả một thời dĩ-vãng mà bà được sống bên cạnh ông Thân-sinh, trong đó bà nhận-xét rất vô-tư và đầy-đủ về tính-tình và nhân-cách của nhà Văn-nho ấy. Chúng tôi xin thành-thật cảm ơn bà Phan Thị Mỹ Khanh đã gởi tài liệu rất có giá-trị này cho tạp-chí PHỒ-THÔNG.

N. V.

TÔI Ô I chỉ sống gần Thầy tôi (chúng tôi quen gọi cha bằng thầy) trong quãng thời gian mười một năm thôi, nhưng trong trí tôi giờ đây còn ghi không biết bao nhiêu kỷ-niệm, là hình ảnh của người yêu kính đã lặng ngủ bên kia bờ vĩ tuyến.

Tôi bắt đầu biết thầy tôi từ năm tôi đúng sáu tuổi. Không phải là từ năm sinh tôi ra đến năm ấy, Thầy tôi không bao giờ về nhà đâu, nhưng vì tôi còn bé quá mà mỗi năm Thầy tôi chỉ về ít hôm trong dịp Tết Nguyên đán rồi lại ra đi. Trí óc non nớt của tôi lúc bấy giờ không đủ nhớ một cách vội vàng dù chỉ là hình ảnh một người cha. Vì thế, năm tôi đúng sáu tuổi, tôi mới bắt đầu sống

chung với người đã có công như núi Thái-sơn sinh ra tôi, và cũng bắt đầu từ đây, tôi biết thế nào là tình cha con, dù cái biết ấy chỉ trong phạm vi một đứa trẻ.

Năm ấy là năm 1933. Thầy tôi đương làm cho tờ *Phụ-nữ Tân-Văn* ở Saigon với Ông Bà Bà Nguyễn - đức - Nhuận. Tôi không biết rõ về công việc của Thầy tôi lúc ấy trong tòa soạn là gì nữa, trợ bút hay chủ bút tôi cũng chẳng biết phân biệt, nên chỉ dùng một động từ rất mơ hồ là « làm báo ». Thế theo lời một bức thư thầy tôi gửi về nhà, tháng sáu năm ấy ông nội tôi cho phép Mẹ tôi đem các con vào Saigon « du-lich », một chuyến. Hồi ấy chúng tôi cả thầy là bảy anh chị em nhưng chỉ đi theo Mẹ tôi có năm, còn ở lại hai. Trong số năm người con được đi chuyến ấy, có tôi. Đến đây tôi phải nói thêm rằng trong các con, cả trai lẫn gái, hình như bao giờ thầy tôi cũng thương yêu tôi nhất. Điều ấy về sau này khi lớn lên tôi mới nhận thấy, nhưng không hiểu rõ duyên cớ cho lắm. Tôi không phải bé út, vì sau tôi, còn hai đứa em nữa. Về học hành và hạnh kiểm, tôi cũng không có gì là vượt mức các anh chị em tôi. Nhưng cái điều mà người nhà quê hay nói, có lẽ đúng là tôi « hạp nhãn » với Thầy tôi.

Chúng tôi ở Saigon chơi được vài mươi ngày thì phải lo thu xếp trở về Quảng-Nam, vì ở nhà, còn có ông tôi già yếu không ai săn sóc. Trong khoảng thời gian ngắn ở Saigon, Thầy tôi đã đưa chúng tôi đi xem các nơi thắng cảnh của « Hòn ngọc Viễn-đông » thời bấy giờ, mà nay tôi còn nhớ mãi là Vườn Bách Thú và hãng Charner. Lại còn đi ăn chả cá, đi Học-môn thăm vị lương y Nguyễn-an-Cư nữa.

Mẹ tôi trở về Quảng với ba con, còn hai được ở lại với Thầy tôi : tôi và một người chị, lúc bấy giờ mới mười một tuổi. Tôi còn quên kể ở đoạn trên là trong chuyến đi ấy, Mẹ tôi dẫn vào cho Thầy tôi một người đàn bà với địa vị là nâng khăn sửa ống cho Thầy tôi những khi người sống một mình nơi đất khách. Sau này, theo tôi biết đó là do lời yêu cầu của Thầy tôi. Thế là hai chị em tôi ở lại Saigon với bà « di Sáu » mới lạ ấy. Nhưng rồi một tháng sau, di cũng cuốn gói về Quảng vì di đã không vừa ý Thầy tôi từ dung nhan cho đến lối cư xử. Nghe đâu di ấy về có tìm đến Mẹ tôi khóc lóc, trình bày sự lạnh nhạt của Thầy tôi và xin rút lui về xứ.

Thế là chỉ còn tôi và chị N. Chị tuy còn bé thế mà đã tỏ ra đảm đang như người lớn. Hồi

ấy ba cha con ở một căn nhà kế chợ Tân-Định. Nhà ở lùi vào trong, đi ra phố phải qua một cái cổng dài. Chị N. mỗi bữa đi chợ rồi về nhà tự nấu nướng lấy, thế mà cơm hôm nào cũng được Thầy tôi khen ngon. Ngày hai buổi, Thầy tôi đến tòa Báo, chị em tôi ở nhà quần quýt lấy nhau. Chỉ đêm đêm, khi Thầy tôi nằm bên cạnh bàn đèn, chị tôi thích cánh tôi, hỏi hã tôi, tôi mới rón rén đến bên, vòng tay rút rề thưa : « Thưa thầy cho con và chị N. ra phố chơi một chút ». Lần nào Thầy tôi cũng ừ một tiếng to. Cái tiếng ừ ấy, đến bây giờ tôi vẫn còn như nghe rõ bên tai, lúc nào cũng đi theo một cử động riêng biệt của Thầy tôi, hoặc đang nằm lấy hai tay vòng dưới gối cát mạnh người ngồi dậy, hoặc với tay lấy bát nước chè uống vài hớp. Thế là chúng tôi đi chơi. Nói là đi chơi phố cho oai chứ thật ra chỉ lần quần cách nhà vài chục bước rồi lại vào vì chúng tôi bấy giờ ngờ nghệch, nhà quê chửa. Có một đêm, nghe hàng phố bảo đêm Noël, chúng tôi theo họ đi quá xa một chút. Đến trước một nhà thờ, tôi cũng không biết là nhà thờ nào, chúng tôi mãi say mê nhìn muôn ánh đèn rực rỡ hình như gần cả chung quanh ngôi nhà ấy, từ dưới đất lên nóc, nên quên cả về. Lúc đã về đến

trước cửa, chúng tôi rút rề mãi, vì Thầy tôi tuy thương con nhưng nghiêm khắc lắm. May sao, Thầy tôi chỉ hỏi : « - Tại sao hai con đi lâu hơn mọi hôm ? » Tôi có lý do, trả lời ngay : « - Dạ, bữa ni Noël ». Thầy tôi « à » một tiếng. Rồi thôi. Tính Thầy tôi vẫn ít nói chuyện thân mật với con, do đó chúng tôi lúc nào cũng hình như sợ hãi khi phải tiếp xúc với người. Giọng nói của Thầy tôi lúc nào cũng to, sang sảng và oai nghiêm. Tôi ít thấy ở mọi người thốt ra một câu bông đùa, dù là với con nhỏ. Thầy tôi thẳng thắn, thường la rầy bất cứ một ai không vừa ý người, chẳng nề nang, vị tình vị nghĩa ai cả. Cái tính ấy, chính chúng tôi làm con, gặp sự bực lộ nhiều hơn cả và khi chung sống với Thầy tôi, chúng tôi có cảm tưởng mình đương bị dày ải trong một nơi khắc khổ lắm. Nhưng đó là ý nghĩ thời thơ ấu. Sau này, riêng tôi, tôi rất cảm phục Thầy tôi. Mà, than ôi, khi hồn non này biết suy xét điều hay lẽ phải thì đã không được cùng người gần gũi, và nay người đã an giấc ngàn thu, tôi còn bao giờ được thấy sự khắc khổ ấy để mà cảm phục nữa !

Ngược lại, cũng có lúc Thầy tôi dịu dàng. Một hôm tôi được người cho phép cùng đến tòa soạn

chơi. Thầy tôi làm việc phòng trên gác nên tôi cũng theo lên. Bàn Thầy tôi ngồi giữa, chung quanh có kê hai dãy bàn giấy.

Thình lình, tôi ngồi giữa sàn gác mà đi tiêu tự nhiên như ở dưới đất. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy hồi đó tôi không biết mắc cỡ và còn dại hơn trẻ con bây giờ nhiều. Tôi dại vì tôi không biết hỏi người lớn dẫn đi, vì lần đầu tiên lên trên lầu một tòa Báo, tôi cứ lỉnh quỳnh tim không ra nẻo xuống để đi tiêu-tiện. Bà chủ-nhiệm nhìn tôi mà cười xòa. Thầy tôi cũng cười mà bảo tôi: « Chà, con làm ướt nhà bà rồi! » Thế rồi thôi. Về nhà, tôi cũng không hề bị la mắng gì nữa. Có lẽ vì tại tôi còn bé quá cũng nên.

Tết năm ấy, Thầy tôi đem chúng tôi về Quảng.

Tháng mười một năm sau tức là năm 1934, cô tôi đưa tôi ra Hà-nội vì bấy giờ Thầy tôi viết cho tờ **Phụ-Nữ Thời-Đàm**. Thế là lần này, tôi lại được hưởng « đặc ân » sống với Thầy tôi tại Hà-thành hoa lệ. Khi mới ra, Thầy tôi còn ở chung một nhà với cô tôi, là Bà Lê-Dư (1), nhưng sau lại thuê riêng một gian nhà bên cạnh, cũng ở phố Hàng Bông vì có thêm anh cả tôi ở học, và một người Quảng nấu ăn cho ba cha con. Ấn Tết tại Hà-nội xong, tôi được đi học võ lòng tại trường tư thục **Hoài-Đức**. Tôi đi học như thế, lấy

làm vui, vì ở nhà không có bạn. Thầy tôi thì nghiêm nghị, anh cả tôi thì trầm tĩnh, ít nói. Cả ngày, nếu tôi không sang chơi với con cô tôi thì lại lủi thủi với chú Ba, người Quảng làm bếp nấu ăn cho thầy tôi. Thanh niên cũng ít người có tính tình như anh cả tôi. Anh ít nói, ít cười đến nỗi Thầy tôi cũng phải kêu. Nhìn anh, lắm khi cũng khó biết anh đang vui hay buồn, nhưng thật ra, anh tôi hiền lắm. Chúng tôi, đứa nào cũng mến anh vì không khi nào anh la rầy đánh mắng em. Nhưng, giữa cha con có không khí lạnh lùng, một phần cũng vì tính tình của anh. Một hôm, ăn cơm xong, Thầy tôi bảo:

— « Con sao lạ quá, nó đối với mình như người dưng. Hễ mình thấy nó ăn không được cơm thì hỏi ban sẵn sóc nó, còn nó thấy mình thế nào cũng mặc kệ! » Thế mà anh cũng chẳng nói chẳng rằng, thật đúng với cái danh hiệu « Phật » mà chúng tôi đã tặng cho anh vậy.

Trước khi tôi ra Hà-nội, Thầy tôi có kết duyên với một cô ả đào xóm Khâm Thiên, sau này thành vợ lẽ của Thầy tôi thật sự cho đến bây giờ. Thỉnh thoảng, vào buổi chiều, người thường cùng tôi đi xe tay xuống Khâm Thiên nói chuyện, nghe đàn hát

(1) Mẹ vợ Vũ-ngọc-Phan

rồi về. Cuộc tình duyên ấy cứ như thế kéo dài mãi cho đến năm 1935, Thầy tôi mới đưa đi ấy về ra mắt Mẹ tôi và gia-đình.

Tôi đương ở Hà-nội, thì vào khoảng tháng 4 năm 1934, có giấy thép ở quê nhà báo tin ông nội tôi đau nặng. Thế là Thầy tôi thu xếp về Quảng, đồng thời cũng thôi giúp cho tờ **P.N.T.Đ.** Thầy tôi về nhà được mười hôm, ông nội vì mắc bệnh ung thư khó chữa, từ trần vào ngày 12-4-1934.

Năm 1935, Thầy tôi viết cho tờ **Tràng-An** tại Huế. Lần này, tôi cũng có được ở với Thầy tôi, song chỉ trong thời gian non hai tháng, vì tôi đương học lớp tư tại quê nhà, dịp tôi ra Huế là dịp nghỉ hè. Nhà ở phố Gia-hội, thuê của vợ chồng ông chủ cũng tên Hội. Nhà ngán làm hai: bên kia, vợ chồng ông Hội và mấy ông công chức còn trẻ tuổi, bên này, Thầy tôi, di tôi và tôi. Một hôm, Thầy tôi vắng nhà, bà Hội sang rủ tôi đi chơi về một miền quê hình như An-Cự thì phải. Tôi thích quá, nói với di tôi rồi ra đi lòng hân hoan vì được dạo chơi đây đó. Nhưng chiều đến, về nhà là cả một sự sợ hãi. Thầy tôi gọi lên bên cạnh bàn đèn, bắt quì vì tội đi chơi lung lạc, không xin phép. Tôi ứa nước mắt mà không dám khóc, vừa quì vừa cúi đầu, không hề ngước mặt lên nhìn trộm Thầy tôi. Một chốc, có tiếng Thầy tôi nói như

truyền lệnh: « Thôi, Thầy tha cho đó! » Tôi đứng dậy, rón rén lủi xuống bếp.

Năm 1936, Thầy tôi sáng lập tờ **Sông-Hương**. Tôi vì đương bận theo học trường quê nhà thành ra chưa có dịp trở lại Huế mà **Sông-Hương** đã chết. Thầy tôi lại thu xếp về quê, tạm lánh cuộc đời bên tàu với nợ văn chương, sống như một kẻ ẩn-sĩ. Nhưng rồi cái chân hay đi không dừng một chỗ được, khi nó còn muốn đi nữa. Thầy tôi lại là giáo sư Việt-Văn cho trường **Chấn-Thanh** Saigon, cho đến năm 1941, khi rục rịch phong trào Nhật, người mới lại về quê nhà. Lần này bà di người Bắc của tôi sinh được em trai, đầu lòng của di mà là con thứ 9 của thầy tôi.

Từ đây, Thầy tôi bắt đầu sống gần gũi chúng tôi hơn cả. Tôi có dịp tiếp xúc người, hiểu người nhiều hơn đề ngày nay có thể ngồi viết nên trang ký ức này. Chao ôi! Tôi muốn kêu to lên rằng: « Thầy ơi, con muốn sống trở lại thời xưa cũ... »

Năm 1942, sau khi học xong lớp đệ nhị ban Trung học, tôi từ g ã ghé nhà trường vì nền kinh tế gia đình không vững nữa. Tôi tuy còn luyện tức sự học song bản tính rụt rè, lại từ lâu ươn nản trong khuôn khổ giáo dục nghiêm khắc của Thầy tôi, nên không dám tỏ bày ý kiến mình, chỉ biết cúi đầu vàng dạ xuôi mà thôi.

Một hôm, Thầy tôi bảo chúng tôi — tôi và một đứa em gái vừa đỗ Tiều học — phải học một ít Hán văn nữa. Thầy tôi nói: « Nhà ta vốn thanh bạch, Thầy chẳng có gì để lại làm vốn cho các con sau này, chỉ muốn đem một ít chữ nghĩa dạy các con thôi, vì chữ nghĩa sẽ giúp các con nhiều về sau, nhất là chữ Hán. Em tôi nghĩ gì, tôi không biết chứ riêng tôi, tôi cho đó là một dịp may hiếm có lắm và là một điều thích thú nhất vì chỉ ham học sách có của tôi. Hồi ấy tuy đã mười sáu tuổi, cái tuổi cập kê, đáng lý ra tôi phải học ăn học nói, học gói học mở, theo nề nếp con gái nhà nho giáo để rồi về làm dâu thiên hạ, trái lại tôi rất chảnh mảng vấn đề trên, mà chỉ thích xem sách, báo, tiểu-thuyết. Cả chuyện kiếm hiệp tôi cũng chẳng từ. Tôi ham mê nhiều khi quên cả công việc trong bếp, quên cả ăn nữa. Thầy tôi chẳng hề mắng tôi điều ấy. Duy có mẹ tôi và các chị thỉnh thoảng cũng «chỉnh» tôi vì cái lý do rất dễ hiểu là sợ tôi hư hỏng, sau này về nhà người ta làm dâu thì rầy rà lắm.

Vì vậy, « được lời như cỡi tấm lòng », tôi hăng hái cứ đêm đêm (Thầy tôi chỉ dạy ban đêm, ban ngày thì giờ chúng tôi bận dệt vải) ngồi một bên bộ ván, cạnh khay đèn thuốc phiện, nghe

Thầy tôi giảng giải. Phương pháp dạy của Thầy tôi rất giản dị: người viết bằng ngòi bút sắt vào những trang vở giấy tây một bài học, rồi bắt chúng tôi đọc theo và sau cùng người cắt nghĩa từ chữ rồi từ câu.

Trong khi dạy chúng tôi người chỉ dùng cái miệng còn hai tay chỉ để dùng vào cái việc cần thiết của người: lúc thì đưa mũi tiêm lên ngọn đèn, lúc thì lẩn lẩn nó nhanh thoăn thoắt trên cái mặt tầu. Nhưng lúc người quay cái đầu đọc tầu vào miệng và cái tiếng ro ro trầm buồn đang kéo dài, là tiếng nói người hoàn toàn im hẳn. Chúng tôi cũng lặng im, đợi cái phút mà từ hai lỗ mũi người bay ra hai làn khói xanh quyện vào nhau rồi tan mác trên không, người bắt đầu giảng tiếp. Các cử động của người vẫn được tôi say mê nhìn như thế trong hàng giờ và đã từ lâu lắm, nên mãi đến ngày nay có gần hai mươi năm qua, tôi vẫn hình dung được.

Đầu tiên, Thầy tôi dạy bộ «*Tân quốc văn*» của Tàu, rồi *Tam tự Kinh*, *Châu bá Lục trị gia cách ngôn*, các bài thơ Đỗ-Phủ, Lý-Bạch, Bạch cư Di... Tôi thích nhất là khi giảng nghĩa rồi, Thầy tôi bắt đầu ngâm lại toàn bài những bài thơ hay họ ấy. Không hiểu sao, tôi mê những câu:

Thục giang thủy bích Thục sơn thanh,

Thành chùa triều triều mộ mộ tình;

và:

Oan vương ngoã lãnh sương hoa trọng

Phỉ thủy khâm hàn thủy giữ cọng...

(trong bài *Trường hận ca*)
tả nỗi tâm sự của Đường minh Hoàng nhờ nàng Dương quý Phi.

Thấy chúng tôi học chăm và chóng kết quả, Thầy tôi rất bằng lòng. Nhưng tiếc thay ước

vọng của con người và chỉ nguyện của tôi nữa chừng đành bỏ dở vì lúc sau này người cai thuốc phiện và bị đau ốm luôn trong mấy tháng trời, không còn đủ sức dạy nữa. Rồi hai năm qua, vâng lời Thầy tôi, tôi xuất giá. Thế là hết. Hồi tưởng lại việc ngày xưa, tôi thấy tôi đã yếu ớt và đại đột vô cùng. Tại sao với một người cha chú trọng đến tương lai con cái như Thầy tôi — chúng tôi nghĩ thế — đã khiến chúng tôi nên rụt rè, sợ hãi khi phải trình bày một điều gì khác ý kiến người.

(*Còn nữa*)



★ HAI THỨ LƯƠNG

ÔNG THANH TRA :

Thầy dạy giỏi lắm ! có lương tâm lắm ! vậy trước khi tôi về tỉnh thầy có điều gì thắc mắc muốn trình bày với tôi không ?

THẦY GIÁO :

Thưa ông thanh tra, tôi có một điều thắc mắc về việc lương. Trong khi các thầy giáo khác được hai thứ lương thì tôi chỉ có độc một thứ.

ÔNG THANH TRA (*ngạc nhiên*) :

Sao lại hai thứ lương ?

THẦY GIÁO :

Thưa ông thanh tra, hai thứ lương ấy là lương tiền và lương tâm ạ.

ÔNG THANH TRA :

Tế thì thầy cũng có đủ cả hai thứ rồi chứ gì ? Tôi xem thầy dạy như thế là có lương tâm nhiều rồi.

THẦY GIÁO :

Vâng, nhưng tôi chỉ có độc một thứ lương tâm, còn lương tiền thì không có vì tôi dạy theo lời yêu cầu của dân làng mà thôi.

TRẦN-VIỆT-TRINH



ĐỀ KẾT-THÚC CHƯƠNG MỘT

★ NGUYỄN-VỸ

NHỮU đã nói từ lúc khởi đầu đăng loạt bài này, tôi chỉ có ý định trình bày cùng quý Bạn một chứng dẫn của thời đại vừa qua, thời đại mà tôi đã được may - mắn sống chung-đụng cùng một số các bạn làng Văn ở Bắc-Việt.

Nếu hiện nay các bạn ấy còn sống đông đủ ở Miền Nam, thì loạt bài này rất là vô ích, hoặc chưa hợp thời.

Nhưng, than ôi, một số rất đông

đã là nạn - nhân của mười năm chiến-cuộc vừa qua ! Nhiều bạn đã chết hoặc vì súng đạn, gươm đao, hoặc vì bệnh hoạn. Nhiều bạn còn sống nhưng chúng ta không sao gặp lại được nữa, vì một đường ranh máu đã rạch đôi Non Nước Lạc-Hồng.

Kẻ ngồi chép lại những ký-ức này may - mắn còn sống ở Miền Nam nước Việt, cùng với một số bạn cũ rất hiếm-hoi không quá năm bảy người.

Các bạn kia đã mất, tuy vậy, còn để lại cho Thế-hệ ngày nay một danh thơm với ít nhiều di - sản quý báu : Thơ, tiểu-thuyết, chuyện ngắn, khảo-cứu, phê-bình... Một số đông các bạn ngày nay đang thừa hưởng gia - tài văn-học ấy, muốn bảo tôi, là một kẻ sống sót, kể lại chút ít kỷ-niệm của hồi nào. Thế theo ý muốn của các bạn, và nhớ lại các bạn xưa, (20 năm, nay đã xưa rồi !) tôi cầm bút chép loạt bài này với tất cả nhiệt-thành lưu luyến của một kẻ đã ở, đã thấy, đã sống... Một kẻ làm chứng của thời đại đã qua, không hơn, không kém.

Cho nên tôi chỉ viết một quyển HỒI-KÝ, gồm toàn những ký-ức xác-thực, trong đó dù tác-giả muốn gạt bỏ cái thăng-tôi khả-ố này ra ngoài cũng không làm sao được, chính vì lẽ đây là một quyển Hồi-ký cũng như tất cả những hồi-ký của bất-cứ tác-giả nào ở bất-cứ nước nào từ xưa đến nay.

Một vài bạn đọc phê-bình rằng không nên nói đến chữ « tôi », vì chữ « tôi » là khả-ố. Nếu các bạn ấy đọc các quyển hồi-ký, các « mémoires » của hầu hết các Văn sĩ, Nữ-sĩ Ngoại-quốc và các nhân vật trong các giới khác của Âu-Mỹ và Á-Đông, — có đến hàng muôn vạn quyển, — thì chắc là các

bạn cho các tác - giả kia đều là « khả-ố » hết sao ?

Nếu vậy thì Descartes, J.J. Rousseau, Chateaubriand, Mme de Staël, Pierre Mille, Goethe, Dostoisky, Lamartine, D'Annunzio, Rabindranath Tagore, Gandhi, Nguyễn - khắc - Hiếu, v.v. « nói đốc » biết bao nhiêu ! « Khả-ố » biết bao nhiêu ! Đó là chỉ kể năm bảy người ở Âu-Á để dẫn chứng mà thôi. Trong Văn-học sử Đông-Tây kim-cổ còn hằng nghìn hàng vạn quyển « Hồi-ký về đời sống cá-nhân » của mỗi nhà Văn, nhà Thơ, nhà Chính-trị, nhà kỹ-nghệ, nhà nghệ-sĩ, nhà Thờ-Thao, Nhạc-sĩ, Bác-sĩ, Luật-sư, v.v... đọc sao cho xiết ! Và những quyển hồi-ký của « cái tôi » ấy bổ-ích xiết bao cho sự học-hỏi của đoàn hậu-sinh chúng ta ngày nay !

Hướng chi, trong quyển « Văn sĩ Thi-sĩ Tiền-Chiến », cái thăng-tôi rất tầm thường này chỉ nhắc lại một vài mẩu chuyện về đời sống của các bạn làng Văn Tiên-Chiến, kể lại một vài ký-ức riêng của nó với các Văn-sĩ Thi-sĩ kia, theo những chuyện nó biết, để các bạn càng hiểu họ hơn. Vậy mà có một vài bạn không bằng lòng cái thăng-tôi ấy. vậy thì bảo

no làm thế nào cho vừa lòng các bạn được ?

Tôi đã thú thật rằng tôi viết loạt bài « Thi-sĩ Văn-sĩ Tiền-Chiến » là theo lời yêu-cầu của một số đông bạn đọc thân-mến của *Phò-Thông Tạp-Chí* muốn biết thêm chút ít về các Văn-sĩ của thời vừa qua. Đến nay, chương Một của tập Hồi-ký này chấm dứt, tôi đã nhận được rất nhiều thư của quý Bạn bày tỏ cảm-tình. Tôi xin cảm ơn. Nhưng tôi cũng có nhận được một hai bức thư của vài bạn học-sinh chỉ trích theo như tôi đã trình bày thẳng thắn trên kia. Tôi cũng cảm ơn các bạn ấy, vì các bạn đã cho tôi cơ-hội để minh-xác một quan-điểm văn - học, chung của tất cả các văn - học-sử Thế-giới.

Nhiều bạn lại muốn tôi viết nhiều hơn, như nói cả ngày sinh tháng đẻ và quê-quán, đời tư của các văn Thi-sĩ Tiền chiến, trong đó các bạn muốn tôi nói cả về đời sống của tôi nữa. Nhưng tôi không thể làm công việc ấy được vì tôi xin nhắc lại một lần nữa : đây là một quyển *Hồi - Ký về Văn Thi-Sĩ Tiền - Chiến*, chứ không phải một quyển *Văn - Học - Sử*. Quyển « *Văn - chương và Tư*

Tưởng Việt-Nam, qua các Thời đại » đã khởi đăng được bốn năm kỳ trong tạp-chí này, đó mới là một quyển Văn - Học Sử. Trong quyển này, dĩ nhiên là tác giả sẽ hoàn-toàn đứng về phương-diện nhận xét các tính - chất của lịch-sử tiến-triển của văn-chương và tư-tưởng Việt - Nam, không có xen vào những ký-ức cá-nhân. Còn đã viết *Hồi - Ký* thì không làm công việc tham-khảo tài-liệu lịch sử được.

Văn-Sĩ Thi-Sĩ của Việt-Nam hồi Tiền - chiến còn đông lắm. Nhưng tôi chỉ nhắc đến 18 người là những người mà tôi đã hiểu biết nhiều, hoặc chơi khá thân, hoặc tiếp-xúc khá lâu. Còn nhiều bạn khác rất quen mặt, quen tên, nhưng vì ít có dịp gần-gũi, thân-thiện, nên tôi không thể nói đến.

Những anh bạn rất đáng mến như NGUYỄN - ĐỨC - QUỲNH, THÂM - TÂM, ĐÁI - ĐỨC - TUẤN (Tchya), NGUYỄN TRIỆU-LUẬT, TAM-LANG v.v... vẫn thường gặp nhau luôn, nhưng ít có dịp chơi chung với nhau, hoặc ăn chung, ngủ chung, hoặc cùng nhau trò chuyện dong-dài, lang thang đây đó, nên tôi không biết gì nhiều về các anh ấy.

Bạn học cũ của tôi ở Trung-Việt như QUÁCH-TẤN, hoặc quen biết một đôi lần như CHẾ-LAN-VIÊN, HÀN-MẶC-TỬ, tôi cũng không biết viết gì được về các anh, vì kẻ ở Bắc người ở Trung, xa-xôi muôn dặm, có được tiếp-xúc với nhau mấy khi đâu.

Một trường-hợp đặc-biệt như là anh LÊ-VĂN-SIÊU. Chúng tôi quen với nhau lâu lắm, chơi với nhau rất thân, có thể nói chúng tôi là bộ ba, vì Lê-văn-Siêu là bạn thân của TRƯƠNG-TỬU (cùng trường kỹ-nghệ Hải-phòng, và do Trương-Tửu mà tôi thân với anh,) nhưng suốt thời-gian gần gũi với nhau ở Hà-Nội Lê - văn - Siêu không hề có viết văn bao giờ. Anh không hề nói đến văn - chương. Xuất thân ở trường kỹ-nghệ Hải-Phòng, anh về Hà-Nội mở tiệm bán đồ thêu rồi anh buôn bán các thứ khác, bị lỗ lã thất - bại luôn luôn. Anh là người rất tốt, tính - tình rất hiền lành vui-vẻ, và khéo xoay-xở buôn bán, nhưng bị xui-xẻo trong các việc sinh kế, làm đâu hỏng đó, chật-vật quanh năm.

Bỗng dưng từ khi anh vào Saigon anh viết văn. Lần đầu tiên tình-cờ tôi thấy ở một tiệm sách

Saigon có bán một quyển sách về « *Văn Học Việt - Nam đời nhà Lý* » của Lê-văn-Siêu, tôi hết sức ngạc-nhiên. Đến đời tôi cứ tưởng là một Lê-văn-Siêu nào khác. Té ra chính là anh bạn Lê-văn-Siêu của tôi thật !

Thành thử, Lê - văn - Siêu là người của thời Tiền - chiến, mà lại thành ra nhà Văn của thời Hậu-chiến !



Muốn có những chứng-dẫn đầy đủ về tình-hình tổng-quát của Văn-học Việt-Nam từ 1930 đến 1945, tôi sẽ nói đến, trong mấy chương sau, một số anh em ký - giả chuyên nghề viết báo, những anh bạn mà tôi quen biết nhiều như LÊ - TRÀNG - KIỀU, THƯỢNG-SỸ, TIÊU-VIÊN NGUYỄN - ĐỨC - BÌNH, HOÀNG-TÍCH-CHU. BÙI-NGỌC-ÁI, TRẦN - HUY-LIỆU, TÔN - THẮT - BÌNH, v. v... và các ông CHỦ-BÁO. Ngoài ra, tôi sẽ nói đến các nhà Xuất-bản đối-với các nhà văn như thế nào, như NAM-KÝ, VŨ - ĐÌNH - LONG, (TÂN-DÂN) MINH-PHƯƠNG, LÊ-CƯỜNG, BẢO-NGỌC, v.v...

Quý Bạn thân-mến sẽ đọc kế-tiếp từ số sau, trong mục này :

★ CHƯƠNG HAI

1. — Đời sống tinh-thần và vật chất của các Văn-sĩ Thi-sĩ Tiên-chiến.

2. — Các nhà xuất-bản.

★ CHƯƠNG BA

1. — Các Ký-giả.

2. — Các Chủ-Báo.

★ CHƯƠNG BỐN

1. — Chút ít kinh-nghiệm trong « Làng Văn » : Phưong - diện tâm lý và phưong diện thực-tế.

★ CHƯƠNG NĂM

1. — So-sánh giá-trị của Nhà Văn Việt-Nam hồi tiền chiến và Nhà Văn ngoại-quốc.

2. — Công-chúng Việt - Nam hồi Tiên - chiến đối với các nhà Văn.

3. — Vinh và Nhục của nhà Văn Việt-Nam.

★ CHƯƠNG SÁU

Kết-luận : Dĩ-vãng, Hiện-tại và Tương-lai.



★ NHÀ THI-HÀO BỰC NHỨT CỦA THẾ-GIỚI

Thi-sĩ Gabriela d' Annunzio của nước Ý là một nhà Thơ có tiếng tăm lừng lẫy khắp Thế-giới. Điều đó, ai cũng biết. Nhưng ông là người kieu-hãnh nhất Thế-giới, và điều đó ai cũng biết. Một hôm, có một bức thư từ bên Mexique gửi đến ông, đề ngoài phong-bì chỉ có hai câu như sau đây :

Kính gửi ông Gabriela d' Annunzio,
Nhà Thi-hào bực nhất nước Ý.

Khi người phát thư đem đến ông phong thư ấy, ông từ chối, bảo :

— D' Annunzio không phải là nhà Thi-hào bực nhất của nước Ý.

Anh phát thư trở mắt ngó ông. Ông trở mắt ngó lại anh :

— D' Annunzio là nhà Thi-hào bực nhất của Thế-giới.

Rồi ông không nhận bức thư.

MỸ-HỒNG-CÚC

Vài nhận xét về Văn-Hóa và

Văn-tự Nhựt-Bôn ² (1)

★ Tsuyohi SUGIYAMA

Cử-nhơn Văn-chương, Giáo-sư Đại-học Osaka (Nhựt-Bôn)

THỬ A quý Bạn, mấy tháng trước đây tôi có đọc một quyển sách do một người Pháp viết, nhan đề là « J'ai vu vivre le Japon », và tôi đã thấy trong đó có nhiều lời khen tặng nước Nhựt, khiến tôi rất lấy làm vinh-hạnh.

Nhưng người Pháp ấy cũng không quên quan-sát với cặp mắt của một nhà phê-bình nghiêm-khắc. Ông ấy hỏi ý-kiến của một ký-giả Trung-Hoa ở Hồng Kông về nước Nhựt thì theo ông người nhà báo Trung-Hoa đã nói như sau đây : « Nước Nhựt bôn là gì ? — Là chẳng có gì cả. Hết thầy những cái gì của Nhựt bôn mà người ngoại-quốc trầm trở khen-ngợi, đều là

bất chước của ngoại-bang, nhứt là của Trung Hoa. Chữ viết của Nhựt làm cho hấp dẫn người ngoại-quốc chỉ là mượn lối viết của chữ Tàu và tráo-đổi, biến-hóa, từ Thế kỷ thứ VI, Kiến-trúc và các mỹ-thuật của Nhựt cũng không phải là của người bôn-xứ. Nói về đồ ăn, lúa gạo và tào-hủ cũng là nhập-cảng từ bên Trung-quốc qua. Còn như các tiến-bộ về cơ-khí và đời sống thực-tế của Nhựt, bôn hiện nay, chẳng qua là bắt

1) Bài này, đã diễn thuyết bằng tiếng Pháp, tại Pháp-văn đồng-minh-Hội, và bản Việt-ngữ dành riêng đăng trong tạp-chí Phổ-Thông, Việt-nam.

chức theo Âu - Mỹ mà thôi. Người ngoại - quốc tìm thấy ở Nhật các máy ảnh của Đức, các máy vô-tuyến-điện và vô số các dụng cụ bằng điện của Mỹ, rượu Whisky của Ê-cốt, rượu Vin của Pháp, Sô-cô-la của Thụy-sĩ, hết thảy đều làm dưới nhãn-hiệu Nhật, và bán với giá rẻ-rẻ bởi vì nhân-công rất hạ. Như vậy thì người Nhật có gì hay, giỏi đâu? Trước hết chỉ là một tánh tò-mò thích thú về các sự vật, khiến cho người Nhật muốn tìm hiểu mọi thứ, học-hỏi, thu-nạp, đồng-hóa. Rồi nhờ họ rất can-đảm, rất khinh ghét sự lười biếng. Tóm lại, họ là những người thợ sáng-suốt, tận-tụy, nhưng không có ý-thức về giới-hạn khả năng của họ. Lịch-sử đã chứng tỏ điều đó.»

Đó là ý-kiến không phải của một người nhà báo Trung Hoa ở Hong Kong mà là của nhiều người ngoại quốc bước chân đến Nhật-Bổn.

Tôi thành - thực nhìn nhận rằng những lời nhận-xét trên kia có chứa đựng nhiều sự thật. Nếu tôi không phải là người Nhật, tôi cũng sẽ công - kích nước Nhật như người ký - giả

Trung Hoa kia, và tôi cũng sẽ hỏi : « Nước Nhật bốn là gì? Cái gì là riêng-biệt của Nhật-bổn? Cái gì là đặc - tính của Nhật-bổn đâu? v.v... » Nhưng, bởi tôi là người Nhật, nên tôi thấy rằng ý-kiến trên kia, dù cho là xác-đáng và hấp - dẫn đi chăng nữa, cũng có hơi sai-lầm, tương-đối với ý-nghĩa của danh từ « đặc-tính ».

Đành rằng Nhật - bổn không phải một nước đã có một Lịch-sử lâu đời thắm-nhuần một nền văn-minh cổ cựu như Hy-Lạp, Ai-cập, Ấn-độ, Trung-Hoa, v. v... Nhưng nếu người ta dùng danh-từ « đặc-tính » theo nghĩa đen của nó, thì chắc chắn là người ta phải đi đến kết - luận rằng trên tất cả Thế-giới này, có dân-tộc nào là có những « đặc-tính » không?

Khi một quốc - gia tiếp - xúc với một quốc - gia khác, hùng-cường hơn và văn-minh hơn, thì lẽ dĩ-nhiên là quốc - gia kia sẽ bị ảnh-hưởng của quốc - gia này. Lịch-sử nhân - loại đã cho ta nhiều thí-dụ về hiện - tượng ấy, mà người ta có thể so-sánh như giòng nước từ trên chày trút xuống.

Nhưng cần phải biết một xứ bị ảnh - hưởng như thế sẽ cứ ở trong tình trạng lệ - thuộc mãi - chăng, mặc dầu xứ ấy đã hấp-thụ được văn-hóa bất đồng kia? Cần phải biết khi một quốc-gia đã bị sức mạnh của một giòng văn - hóa cao hơn trút ngập xuống nó, thì nó sẽ mất hết những ưu-điểm đặc tính của nó chăng?

Tôi tin rằng không. Nhưng nói thế không phải là tôi dám nói chắc rằng nước Nhật có nhiều ưu - điểm, và xứ Phù-Tang là một đất mỹ - miều của nơi Mặt Trời mọc. Tôi không nói quyết như thế.

Tôi chỉ muốn xác-nhận rằng nước Nhật-Bổn, trong những điều-kiện đặc-biệt của nó hiện nay, đã bắt-buộc phải chịu, mặc dầu nó không muốn, và còn lâu lắm, nhiều ảnh-hưởng của ngoại-bang, và Lịch-sử của nó tuy đối với cặp mắt của ngoại-quốc chỉ là lịch sử của một dân tộc hay bất chức, nhưng nó cũng đã chứng tỏ rất nhiều nỗ-lực, và nhiều sự buồn thảm, nhiều điều đại dột.

Vậy thì, các Văn-hóa ngoại bang đã để lại trong tâm nào

của Dân tộc Phù-Tang những di-tích gì về tinh thần? Và các bậc tiền-bổi của chúng tôi đã phản ứng cách nào chống lại các Văn-hóa ngoại bang?

Tôi muốn cho sáng tỏ vấn-đề này ra, đối với Văn-tự của Nhật, và đối với Văn-Hóa của Nhật. Trước hết tôi xin tìm các biến đổi đã xảy ra trong từ ngữ của Nhật, trải qua Lịch-sử của nó.

Một số người thoáng thấy rằng chữ Nhật và chữ Tàu giống hệt như nhau. Đúng rằng chữ Nhật nguyên-thủy là do nơi chữ Tàu, và lối chữ HIRAGANA và KATAKANA, tuy là riêng biệt của Nhật, và tiêu-biểu một âm-thanh, nhưng hai lối chữ ấy đã đặt ra cũng là do theo hình thức của gần năm chục chữ Hán. Nhưng phải biết rằng về phương diện từ-ngữ-học, hai thứ Văn-tự Nhật và Tàu khác nhau xa lắm.

Cứ thử một thí dụ : Tiếng Việt nói : « Tôi đọc một quyển sách » Tiếng Pháp là : « Je lis un livre ». Tiếng Nhật : « *Wata-si wa hon o yomi masu.* »

Wata-si : tôi.

Wa : tiếng đệm của *Sujet*.

Hon : quyển sách.

O : tiếng đệm *complément direct*

Yomi : đọc (Verbe Yomu chia ra.)

Masu : tiếng động-từ lễ-phép.

Như thế, trong câu tiếng Nhật : *Sujet* đứng trước, *Complément* đứng giữa, rồi sau mới đến *verbe* : (Tôi quyển sách đọc) Trong câu tiếng Tàu thì cách sắp xếp lại gần như câu tiếng Pháp, hay tiếng Việt : (Tôi đọc quyển sách). Và lại, trong câu tiếng Tàu chỉ có 3 chữ để nói : tôi đọc sách, còn trong câu tiếng Nhật phải có 6 chữ : 3 chữ gốc (*Watasi, hon, yomu*) và 3 chữ đệm (*Wa, o, masu*). Luôn luôn trong một tiếng gốc của Nhật đều có một vài tiếng đệm.

Như thế thì chữ Tàu và chữ Nhật khác nhau xa lắm.

Tuy nhiên, ảnh-hưởng của tiếng Tàu trong tiếng Nhật rất là sâu rộng, cho đến đôi khi mà phân biệt rõ ràng.

Nhà Bác-học HUMIHIKO OTAKI, Tiến-sĩ Văn-chương, tác-giả bộ Tự-điển *Genkai*, xuất bản năm 1891, đã tính ra tỷ số như sau đây :

Tiếng Nhật chính-tông gọi là YAMATO KOTABA, có

21.817 tiếng, (tức là 60, 80/o tất cả Nhật-ngữ), còn tiếng Tàu lẫn-lộn vô, gọi là *Kango* (Hán-tự) có đến 13.546 tiếng (tức là 37, 70/o), các tiếng ngoại quốc khác có 549 tiếng (tức là 1, 50/o). Ấy là tài-liệu về tỷ số hồi cuối thế-kỷ XIX. Vừa rồi, một nhà Bác-học khác, ông MINORU UMÉGAKI, năm 1944, có xuất bản một quyển sách tựa đề là « Suru tầm về các tiếng Nhật lấy của ngoại-ngữ », tính rằng có :

40 0/o Hán tự

10 0/o các ngoại-ngữ khác, trong đó 9 0/o là tiếng Ang-lê. Không cần nói, các bạn cũng biết rằng từ sau chiến-tranh thứ Hai, Nhật-bổn thất trận và bị Đồng-minh chiếm - đóng thì tiếng Mỹ nhập-tịch vào tiếng Nhật một cách mau chóng vô cùng.

Bây giờ xin nói đại-khái về 3 yếu-tố trong tiếng Nhật. Trước hết, tiếng Nhật chính-tông, gọi là YAMATO KO-TABA, có rất nhiều nghĩa, nên không có nghĩa nào xác-định cả. Ngoại-ngữ, nhất là tiếng Pháp, tiếng Anh, v.v... rất là hợp-lý, minh-bạch, phong-phú

và giảng-giải rõ-ràng, còn tiếng Nhật thì nhiều tình-cảm và so-sánh, cho nên có tính-chất tượng-trưng hơn là thực-tế. Thí dụ như trong một bài thơ *Waka*, hoặc *Haiikai*. Khi Thi-sĩ Nhật-bổn muốn tỏ tình yêu với một thiếu-nữ Nhật, trong lúc cùng nhau đi dạo mát, dưới sáng trăng, thì chàng nói với nàng : « Trăng đêm nay đẹp vô cùng ! » chớ không nói thẳng-thắn như người Pháp hay người Việt : « anh yêu em ».

Vì nói câu « trăng đẹp » như trên kia, là đã có ý nghĩa thăm-kín rằng : « Anh yêu em đến đôi anh không thể dấu được nỗi niềm vui sướng được ở gần em đêm nay, cho nên mặt Trăng mọi đêm khác thì không có gì đẹp, mà đêm nay thì anh thấy Trăng đẹp vô ngần, em ạ. »

Vì vậy, trong loại thơ *Haiikai*, hoặc *Waka*, Thi-sĩ không nói : « anh yêu em » theo lối nói thiệt-thực, mà chỉ nói tượng-trưng : « Mặt trăng đêm nay sáng đẹp vô ngần, em ơi ! »

Thưa các bạn, không phải chàng tình-nhơn Nhật-Bổn nào cũng tỏ lòng yêu đương thơ-mộng với cô tình-nhân của mình bằng lối nói xa xôi bóng-dáng như thế đâu. Nhưng trong loại thơ *Haiikai* và *Waka*, thì phải nói thế, vì loại thơ *Waka* chỉ được dùng có 31 tự-âm (Syllabes) và thơ *Haiikai* chỉ có 17 tự-âm, ngắn quá như thế nên nghệ-thuật của nhà Thơ là phải nói sao cho khéo một vài chữ bóng-bẩy tượng-trưng thôi, mà để diễn-tả được rất nhiều tình-ý.

(k) sau tiếp

* DANH NGÔN

Người ta đọc sách để giải trí, để biết tin tức, để mơ-mộng, để thoát-ly, để kích-thích, để học hỏi, người ta chỉ quên đọc sách để tự-xây-dựng.

G. TRUC.

Buồn đêm mưa

Rỉ rả ngoài sân những giọt buồn,
Màn trời giăng mắc nỗi cô đơn.
Heo may nhẹ lọt qua khe cửa,
Mang đến lòng ta nỗi nhớ buồn.

Hiu hắt đèn khuya tỏa khói mờ,
Cõi lòng cay đắng khóc trong mơ.
Nỗi sầu muôn hướng trào ngun ngút,
Lệ đọng trên mi, lắng đợi chờ.

Bên song lá rụng, hạt mưa rơi,
Như tiếng lòng ai khe thở dài.
Mảnh hồn tan nát, sầu mong nhớ,
Cầu xé lòng ta đã tả rơi.

Không gian tràn ngập hạt buồn rơi,
Như mảnh hồn ta lạc hướng đời.
Lầm lũi đi trong trời sóng gió,
Trước làn gió lạnh lệ sầu rơi.

Lá rụng làm chi! Gợi nhớ nhung,
Mưa gió làm chi! Lạnh cõi lòng.
Rả rích đêm thâu hồn đắm lệ,
Cô hồn hiu hắt lướt qua song.

Rơi rớt về đâu những giọt buồn,
In tường vắng lặng: bóng cô đơn.
Thạch sùng than thở trên trần vắng,
Hòa nhịp cùng mưa đượm nỗi hờn.

Chan chứa lòng ai lệ mấy hàng,
Đau buồn tưởng nhớ gió miên man.
Làm tê buốt lạnh thân cô lữ,
Lầm lũi trong mưa đập lá vàng.

Cõi lòng se thắt nhớ vu vơ,
Những mảnh hồn ai lắng đợi chờ.
Khi thu đem lá gieo thêm vắng,
Khi gió thu về lạnh giấc mơ.

Mưa vẫn đều rơi tằm lá vàng,
Đều hiu hiên vắng gió tung tăng,
Trời như thấp xuống buồn ghé nhĩ,
Đêm vắng canh trường lạnh chiếu chắn.

HOÀI HƯƠNG

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ✧ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 28)

Thiệt là một sự vô cùng đột-
ngột và bất thường, vì, đã có
thêm ba tháng trời nay, mỗi khi
ra ngoài, tiểu thư Thê-tư-Lãng
đều ước hẹn với Hải-Lan và đem
cô đi theo. Như tôi đã từng nói,
nhiều khi, cả tôi cũng được mời
đi. Ấy thế mà, bỗng nhưng, hôm
nay, tiểu thư phá bỏ cái lệ đó
và một mình, lón đi, bỏ rơi
chúng tôi như vậy? Tôi không
thề nào không lấy làm lạ, nhưng
tôi cố trấn-tĩnh và hỏi Hải Lan:

— Ô! Thế sao Hải Lan không

báo trước cho tôi rõ?

— Thì nào em có hay biết gì
đâu, kia chứ?... Em đang ngồi
ở ghế sofa, ở phòng bên ngoài,
bỗng, em nghe thấy tiểu thư trở
đây, rồi, đi ra... Em vội hỏi
xem tiểu thư đi đâu, tiểu thư
chẳng trả lời em, và, cũng chẳng
thêm đề ý gì đến em, và, đúng
đúng bỏ em đứng đấy, đi thẳng...

— Thế, tiểu thư có đã động gì
tới cái màn kịch mà chúng ta
vừa đóng, không?

— Không, tuyệt nhiên không. Tiều-thư cơ chừng như vợ vợi lấy cái áo ngoài, khoác lên vai, rồi đi, vợi một vẻ mặt hăm hăm giận-dữ thì phải ... Em đã nghĩ tới việc đi gọi anh, nhưng, không có thì giờ.

— À, thế sau khi anh đi xuống ruộng, thì ở trên ấy, Hải Lan làm gì ?

— Ôi, nào em còn làm gì được nữa, em chỉ thấy lòng buồn rười-rượi, và, em ngồi chờ người ra ở chiếc ghé sô-pha !..

— À, thế ra, cô cũng ngồi chờ ra, ở sô-pha, y như tôi vậy ...

Tôi vừa nói xong, thì ngoài cửa nhìn lên bức ảnh của tiều-thư Thê-tư-Lãng, treo ở trên tường, tôi mới sực nhớ ra sự hành-động mà hai người chúng tôi cần phải thi-thố ngay tức khắc: tôi liền bảo Hải Lan :

— Chúng ta phải mau mau đuổi theo tiều-thư, mới được !

Ngồi trên xe và cho xe chạy, tôi hồi tưởng lại cái lần trước, Hải Lan và tôi, cùng nhau đi tới quán rượu Mân-Côi, và sau đó mấy tháng, lần đi nào cũng có Bạch-Tần đi kèm, nhưng tới nay, thì khác hẳn, chúng tôi lại ngồi sát bên nhau, mà chẳng ai nói với ai nửa lời. Một nỗi ngượng ngùng xâm chiếm cả tâm hồn chúng tôi mà làm cho chúng tôi, cơ hồ như, hé môi ra những thẹn thùng. Hải Lan, khác

hắn lần trước, cô chẳng còn là một cô gái vui tươi, thông-minh, linh-lợi, cô không dám chính-nhãn nhìn tôi. Tất cả dáng điệu thiếu tự-nhiên đó đã đẩy tôi vào một thử-trăm-mặc rất khó chịu. Tôi cố tìm một cách gì, để đả-phá cái không khí tru-sầu, ngượng ngáp đó, mà chẳng tìm ra. Mãi sau, tôi mới gọi cô :

— Hải-Lan ?

—
Cô không đáp và cũng chẳng quay lại nhìn tôi. Tôi hỏi :

— Hải-lan đương suy nghĩ cái gì đó ?

— Tôi chẳng suy nghĩ gì cả.

Lúc đó, cô không thể không quay lại, nhìn tôi. Bốn con mắt gặp nhau. Cô hé môi cười nửa miệng, mặt bỗng ửng hồng vì thẹn, thì phải. Cô lại quay đi ngay, và chú thị nhìn về phía trước xe.

— Hải-lan ạ, không biết tôi đã làm điều gì để Hải-lan mất vui, đấy nhỉ ?

— Không, không, anh có làm gì đâu...

— Hay cái công tác này đã làm cho chúng ta quá mệt mỏi.

— Có làm gì đến nỗi mệt mỏi đâu. Em chỉ cầu mong làm sao cho tiều-thư chóng lành mạnh, có như vậy em mới yên tâm.

— Đùng đấy, và lúc đó, tình

thần của tôi mới cũng được cởi mở.

— Tại sao anh quá quan tâm về Bạch-Tần như thế nhỉ ?

— Ô kia, Hải-lan chẳng vừa mới, chỉ khi nào Bạch-Tần lành mạnh hẳn, em mới yên tâm, sao ?

Cô lại lặng thinh.

Trời vẫn mưa và mưa cả ở trong lòng chúng tôi. Tôi cảm thấy tâm hồn tôi nặng trĩu một nỗi ưu tư, sầu muộn. Tôi cố tìm không ra một lời nào, để nói, tôi đành nhận chân vào căn ga, để cho xe phóng mau lên, y như để chạy trốn ra cái cảnh tình u thảm này !



XII

Nhân tôi dự đoán rằng, thế nào Bạch-Tần cũng chỉ dò tôi quán rượu Mân-côi, để tìm lại cái lũ bạn phóng-dăng, mà nàng đã bỏ rơi trong mấy tháng trời nay. Bởi vậy, tôi lái xe về phía đó. Quả nhiên, ở bên lề đường đã có chiếc xe màu xanh đậu ở bên lề đường. Tôi bảo Hải-lan hãy ngồi đợi tôi trong xe và tôi, một mình, bước vào trong quán rượu.

Ở chung quanh quầy thu-ngân, có một số đông nam, nữ, trong đó có cả cái gã có râu mép, và đủ mặt những thanh niên, trai, gái, bạn cũ của Bạch-Tần. Tôi

đoán chắc, thế nào nàng cũng có mặt ở đó. Tôi ngồi ở một phía xa và ung dung dở thuốc lá ra hút. Một lát sau, cả bọn cất tiếng hát lên inh ỏi, rồi họ công - kênh Bạch - Tần lên khỏi đầu họ, tay nàng cầm một bôi rượu, nàng vừa gơ nó lên, vừa hô to :

— Uống đi, các bạn !

Người nào, người ấy đều rầm rập nốc cạn bôi. Tôi bèn chạy lại, bình tĩnh gọi :

— Bạch-Tần !

— Há, há, há...

Nàng lớn tiếng cả cười như phát điên, phát cuồng, rồi nàng quay lại bảo bọn kia :

— Cái anh chàng này làm như quen với tôi ?

Cả bọn đều chú thị vào tôi và coi bộ như hòa nhau để chế-diễu tôi, không nề mặt tôi một chút nào cả. Bạch-Tần đã nhảy xuống đất, nàng vừa cười ngật-ngheo, vừa tiến đến trước mặt tôi :

— Ê! cái anh người đông phương, anh cũng muốn uống một bôi rượu chẳng ? Ta đương mời khách đây, ở đây toàn là bạn thân của ta cả.

— A! Bạch-Tần, Hải-Lan đương đợi ở ngoài kia, cô ấy cùng đi với tôi đến đây, xin ra ngoài ấy nói chuyện.

Nàng cười cười, đáp :

— Hải-Lan, há, há, há, nó đương đợi gã tình-nhân của nó,

thì có, anh hãy cắt ra ngoài đó đi.

Tôi xem chừng nàng đã chệnh-choáng hơi men, thì phải; trong tình cảnh này, tôi cũng khó lòng mà giảng giải nổi một điều gì. Tôi tưởng, tốt hơn hết, là tôi phải cố diu nàng ra ngoài kia, tôi liền dang tay, ôm lấy vai nàng và nói:

— Tiều-thư bắt thần bỏ nhà đi như thế, làm cho Hải-lan sợ hãi, chẳng còn hồn, còn vía, nào nữa... Thôi xin tiều-thư hãy đi ra đây với chúng tôi đi.

Tôi có ngờ đâu, nàng đầy mạnh tôi ra, và, xẵng giọng, bảo tôi:

— Làm cái trò gì thế?

— Bạch-Tần!

— Cút đi, xéo đi, cho rảnh mắt người ta!

Nói xong, nàng đi ra phía ghế sofa, hai tay bưng lấy mặt, ngồi phịch xuống đó, đầu tóc rũ rượi.

Thế là cả bọn kia kêu ầm lên:

— Cút đi! Xéo đi! Xéo đi!

Rồi, có mấy người a lại, đẩy tôi ra lối cửa.

Tôi như một kẻ mất hồn, bước ra khỏi quán rượu và tôi chẳng hề để ý tới những người họ theo dõi tôi ở đằng sau. Không biết tại sao, trong lúc đó, tôi

chẳng nghĩ tới sự tự vệ. Mấy người đây sắp, đây ngựa tôi, tôi ngã chúi người đi, vì mất thăng bằng; họ lại bồi thêm vào đầu, vào mặt tôi, mấy quả đấm như trời giáng, tôi ngã quay ra trên mặt đất, đầy bùn, rồi tôi ngất lịm đi, bất tỉnh nhân-sự. Tôi không còn có cơ-hội nào để đánh lại họ. Ai đã-kích tôi một cách phũ-tợn như vậy? Tuy tôi chẳng rõ, nhưng tôi có thể dự-đoán, lại cái anh chàng có râu mép chứ không phải ai khác, vì tôi biết, anh ta vẫn thâm-thù tôi. Mất hẳn tri-giác, tôi cũng không biết tôi nằm quay đơ ra đó bao nhiêu lâu, nữa?

— Anh! Anh! Anh!

Tôi mơ hồ nghe rõ tiếng của Hải-Lan lay gọi tôi, và, khi thấy tôi mở mắt, hồi tỉnh lại, cô tỏ vẻ an tâm. Tôi khẽ rên rĩ kêu:

— Nhức đầu quá!

Bỗng cô kêu rú lên:

— Trời ơi! máu!

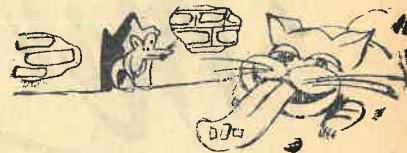
Tôi giơ tay, sờ lên đầu, tôi mới hay, tôi bị thương ở phía sau đầu và vết thương đang rơm rớm máu. Hải-Lan đỡ tôi dậy, cô lấy khăn tay lau vết máu, rồi dùng cái vải lụa quấn cổ của tôi mà buộc lại cho tôi.

(còn nữa)

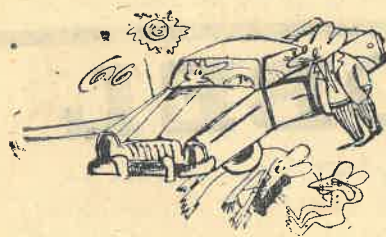
ĐỜI MỚI

dưới ngòi bút của

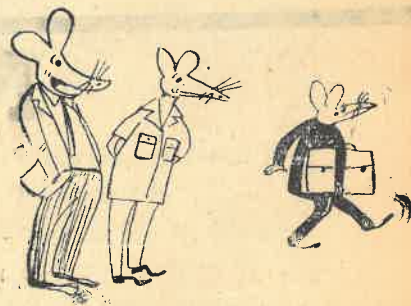
hoạ sĩ GYAO



Tôi đã nói là bắt đầu từ bây giờ chúng mình thực hiện chánh sách «Sống chung Hòa Bình» mà!



Ồ không có sao Em ạ, chúng mình chỉ cần phải con chuột thôi mà.



— Được đi dự Hội-Đồng Chuột, cu - cậu lấy le lắm!

Mình ơi!

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ NOBEL

..... LÀ GÌ ?

CẢ buổi chiều nay, bà Tú cứ bị ba chữ « giải thưởng Nobel » ám-ảnh hoài. Bà cứ lẩn vẩn trong đầu mấy câu hỏi: « giải thưởng Nobel là giải thưởng gì nhỉ? Ai đặt nó ra? Đặt ra từ hồi nào? Ý-nghĩa gì? Mục đích gì? » Đã có tính tò-mò, chuyện gì cũng muốn biết, vấn đề gì cũng muốn học-hỏi, mà lại lười biếng không đọc sách mấy khi. Bởi chưng đã có sẵn ông Tú ở bên cạnh sách, hễ có chuyện gì thắc-mắc thì bà chỉ cất giọng oanh tho-thẻ hai tiếng: « Mình ơi! » thế là không nhiều thì ít bà Tú nhà ta cũng được thỏa-mãn phần nào rồi.

Ý-y có ông chồng, cho nên bất cứ gặp câu chuyện gì ám-ảnh trí-óc của bà, là bà nheo-nheo bên tai ông Tú. Ai đời hai vợ chồng ngồi coi ci-nê, mà cứ chốc chốc bà lại hỏi nhỏ:

— Mình ơi, giải thưởng Nobel là giải thưởng gì hả Minh?

Bà nhõng-nheo y như đứa trẻ nít đòi cho được cục kẹo vậy.

Ông Tú có lẽ bực mình lắm, nhưng ông vẫn ngoan - ngoãn cười, khẽ mồm kê vào tai vợ:

— Để xem ci-nê, xong rồi chốc nữa về nhà tớ sẽ nói cho mà nghe.

— Em không ưa cái tưởng này rồi. Cả một cảnh Han Suyin về thăm nhà ông Chú ở Ma-ca-o, là giả-tạo quá lỗ, coi chán chán lầ... Tày không phải Tày mà Tàu không phải Tàu. Còn anh chàng William Holden muốn tỏ tình yêu cho nàng biết mà hét to lên: « Mais je vous aime, quoi! » thì thật là hát bội, há Minh? Thà Minh nói chuyện giải thưởng Nobel cho em nghe, em còn thích hơn.

— Ừ, nhưng để xem hết phim coi ra sao đã chớ.

Phim vừa hết, ngay trước khi đứng dậy ra về, bà Tú lại hỏi:

— Giải thưởng Nobel là giải thưởng gì, nói cho em nghe đi, Minh!

Đợi ra ngoài đường, hai vợ chồng đi bách bộ, ông Tú mới nói:

— Giải - thưởng Nobel là do ông Nobel lập ra.

— Nobel là ai, hả Minh?

— ALFRED NOBEL là một nhà bác - học về môn hóa - học, người Thụy-điển (Suède), sinh tại kinh-thành Stockholm năm 1833, chết tại San Remo năm 1896. Ông là người đã phát-minh ra cách dùng nitroglycérine làm chất nổ để chế-tạo ra

đạn. Song vì nitroglycerine nhạy lửa quá nên ông trộn thêm silice amorphe cho chất nổ bớt một đôi phần hiệu-lực. Năm 1864, trong lúc ông đang thí-nghiệm về nitroglycerine thì bị chất ấy nổ dữ-dội bất ngờ làm tiêu tan cả phòng thí-nghiệm của ông.

Cũng chính ông là người phát minh ra chất dynamite (cốt mìn) mà hiện nay cả thế-giới đều dùng. Nói tóm lại, Nobel là người đã chế ra các thuốc nổ dùng làm đạn-dược, và trong các kỹ-thuật kỹ-nghệ. Nhờ đó, ông đã có được một gia-tài 40 triệu đồng vàng Thụy-điển. (couronnes).

— Làm giàu nhờ bán chất nổ ?

— Ủ. Nhưng trước khi chết năm 1896, Nobel có để lại một di-chức tặng hết số của kết-xù ấy cho chính-phủ Thụy-điển để lập ra 5 giải-thưởng Quốc-Tế hàng năm. Đó là nguyên-thủy của 5 giải-thưởng Nobel.

— 5 giải-thưởng về các môn gì, hả Minh ?

— Theo di-chức, thì ông Nobel muốn cứ mỗi năm chính-

phủ lấy món tiền huê lợi khai-thác của số vốn 40 triệu đồng couronnes ấy mà tặng thưởng « các vị ân-nhân của nhân-loại ». Món tiền lợi-tức hàng năm được chia ra 5 phần đồng-đều, tặng các nhà bác-học nào trên Thế-giới mà được thành công những phát-minh quan trọng trên các địa-hạt văn-hóa :

1) lý-hóa học, 2) sinh-lý học, 3) Y học, 4) cho nhà Văn-Sĩ nào trên Thế-giới viết được một tác-phẩm có lý-tưởng cao-siêu, 5) cho một nhân-vật nào trên Thế-giới hoạt-động có hiệu-quả nhất cho Hòa-Bình nhân-loại.

Tóm lại, mỗi năm có 5 giải-thưởng Nobel : lý-hóa học, sinh-lý học, y học, văn-chương, Hòa-bình.

— Ai đứng ra trao tặng các giải-thưởng ấy ?

— Về vật-lý học và hóa-học, thì do HÀN - LÂM - VIỆN KHOA HỌC THUY - ĐIỂN quyết định. Về sinh lý học và y-học thì do Y - VIỆN CAROLIN ở Stockholm quyết-định; về Văn-chương thì do HÀN - LÂM - VIỆN VĂN - HỌC THUY - ĐIỂN; về công-tác

Hòa-bình thì do một Ủy-ban giám-khảo gồm có 5 hội-viên của QUỐC-HỘI xứ NA-UY (Storting norvégien) định-đoạt.
— Xứ Na-Uy là xứ nào ? ở đâu ?

— Na-Uy, (Norvège) là xứ láng giềng của Thụy-điển (Suède) và cùng một hệ-thống văn-hóa với Thụy-điển.

— Từ lúc mới thành lập giải Nobel cho đến ngày nay, đã được mấy lần tặng giải, hả Minh ?

— Giải Nobel được lập từ năm 1896, nhưng 5 năm sau, khởi đầu từ 1901 mới tặng các giải thưởng đầu tiên, và từ đó tiếp-tục đều-đều mỗi năm cho đến ngày nay. Chỉ trừ ra 4 năm chiến-tranh, từ 1940 đến 1943, Thụy-điển bị Hitler chiếm cứ, nên trong 4 năm ấy không có giải-thưởng về cả 5 ngành.

— Tổng-cộng từ 1901 đến 1959, là 58 năm, đã bao nhiêu người được giải thưởng Nobel, hả mình ?

— Tất cả 300 người.

— Mình kể tên của 300 người ấy cho em nghe đi.

— Kể sao cho xiết, vì có nhiều người không có tiếng-tâm

mấy. Nhưng chúng ta có thể biết những bậc vỹ-nhân Thế-giới đã được giải quốc-tế Nobel như :

VỀ VẬT-LÝ HỌC (Physique)

Năm 1930, ÔNG VÃ BÀ P. CURIE (Pháp)

- 1909 (MARCONI (Ý)
- 1909 (F. BRAUN (Đức)
- 1921, EINSTEIN (Đức)
- 1928, O. RICHARDSON (Anh)
- 1929, L. DE BROGLIE (Pháp)
- 1930, CHANDRASEKHA. RA VENKATA RAMAN (Ấn-độ)
- 1936, ANDERSON (Mỹ)
- 1939, LAWRENCE (Mỹ)
- 1949, YUKAWA (Nhật-bổn)
- 1930, POWELL (Anh)

VỀ HÓA HỌC (Chimie)

- 1901, VAN'T HOFF (Hà-lan)
- 1902, FISHER (Đức)

- 1908, RUTHERFORD (Anh)
 - 1911, BÀ MARIE CURIE (Pháp)
 - 1913, WERNER (Đức)
 - 1923, PREGL (Áo : Autriche)
 - 1926, SVEDBERG (Thụy-điển).
 - 1932, LANGMUIR (Mỹ)
 - 1935, JULIOT - CURIE (Pháp).
 - 1939, KUHN (Đức).
 - 1944, HEVESY (Hung-gia-lợi)
 - 1946, STANLEY (Mỹ)
 - 1950, DIELS (Đức),
 - 1952, SYNGE (Anh)
- V. v...

**Về Sinh-vật-học
và Y-học**

- 1901, VON BEHRING (Đức)
- 1904, PAVLOV (Nga)
- 1905, KOCH (Đức)
- 1906, KAMON Y CAJAL (Y-pha-nho)
- 1907, LAVERAN (Pháp)
- 1908, METCHNIKOFF (Nga)

- 1923, MACLEOD (Gia-nã-Đại)
 - 1929, HOPKINS (Anh)
 - 1933, MORGAN (Mỹ)
 - 1945, FLEMING (Anh)
 - 1952, WAKESMAN (Mỹ)
- v.v...

Về Văn-Chương

- 1901, Thi-sĩ SULLY PRUD. HOMME (Pháp)
- 1907, Văn - sĩ KIPLING (Anh)
- 1911, Văn - sĩ MAETERLINCK (Bỉ)
- 1912, Văn - sĩ HAUPTMANN (Đức)
- 1913, Thi-sĩ R. TAGORE (Ấn-độ)
- 1916, Văn-sĩ R. ROLLAND (Pháp)
- 1921, Văn - sĩ ANATOLE FRANCE (Pháp)
- 1923, Văn-sĩ YEATS (Ireland, Ái-nhĩ-lan)
- 1925, Văn-sĩ G. B. SHAW (Anh)
- 1928 Triết - học H. BERGSON (Pháp)

- 1930, Văn-sĩ LASAINCIR LEWIS (Mỹ)
- 1933, Văn - sĩ BOUNINE (NGA)
- 1935, Thi-sĩ PIRANDELLO (Ý)
- 1936 Văn-Sĩ O'NEILL (Mỹ)
- 1937, Văn-Sĩ MARTIN DU GARD (Pháp)
- 1938, Nữ-Sĩ Pearl Puck (Mỹ)
- 1944, Thi-Sĩ JENSEN (Đan-Mạch)
- 1947, { Văn-Sĩ ALBERT CAMUS (Pháp)
Văn - Sĩ ANDRÉ GIDE (Pháp)
- 1948, Văn-Sĩ W. FAULKNER (Mỹ)
- 1950, Văn-Sĩ RUSSELL (Anh)
- 1952, Văn-Sĩ F. MAURIAC (Pháp)
- 1956, Thi-Sĩ JUAN JIMÉNEZ (Y-pha-nho), (Espagne)
- 1958, Văn-Sĩ PASTERNAK (Nga)
- 1959, Thi-Sĩ QUASIMODO (Ý) v.v. . .

Về Công-tác Hòa-bình

- 1906 T. ROOSEVELT (Mỹ)



BORIS PASTERNAK
(Nobel 1958)

- 1910, Bureau international permanent de la paix, & Berne (Thụy-Sĩ)
 - 1917, Comité international de la Croix Rouge, & Genève (Thụy.Sĩ)
 - 1920, Tổng - Thống WILSON (Mỹ)
 - 1925, Thủ-Tướng CHAMBERLAIN (Anh)
 - 1926, Thủ-Tướng BRIAND (Pháp)
 - 1927, Thủ - tướng STRESMANN (Đức)
 - 1930, F. KELLOGG (Mỹ)
 - 1952, JOUHAUX (Pháp)
- v.v. . .

Đó là kẻ đại-khái những người có tiếng tăm lừng-lẫy trên Thế-giới trong số 300 người đã được giải Nobel.

— Họ có xứng - đáng không, hả mình ?

— Dĩ-nhiên là xứng - đáng, vì giải Nobel tuy là do một tư-nhân, một nhà bác-học & Thụy-diễn, đặt ra, nhưng nó đã thành giải - thưởng quốc-tế và nó là một vinh-dự đặc - biệt, cho nên nó phải được trao tặng những nhà Bác-học, Văn - sĩ, Thi - sĩ,

hay chính - khách nào mà công tác có ảnh - hưởng tốt đẹp và sâu xa nhất đối với Văn - Hóa, Khoa-học, và Hòa Bình của Nhân loại.

— Mình nói cho em nghe một vài bài thơ của vài nhà Thi - sĩ ngoại-quốc được giải Nobel mới nhất, đi Minh ?

— Thí-dụ ?

— Thí-dụ như cái ông Thi-sĩ gì người Ý - đại - loại, trúng giải Nobel năm 1959 đó.

— Hồi năm ngoái hả ?... Thi-sĩ Quasimodo ?

— Ừ, Mình nói sơ qua tiểu-sử của ông cho em nghe đã.

— SALVATORE QUASIMODO, người nước Ý, sinh tại thành - phố Syracuse, năm nay 59 tuổi. Hồi còn trẻ, ông làm sở Trắc-địa và được đi nhiều tỉnh. Sau cùng ông từ chức, về ở Milan, học thêm các ngoại-ngữ, nghiên - cứu về Văn-học và trở thành giáo-sư Văn-chương Ý tại viện Quốc - gia âm-nhạc Milan. Hiện nay ông vẫn còn làm giáo-sư ở đó.

— Em thích nghe một bài thơ của Quasimodo.

Ông Tú gãi đầu, gãi tai, nghĩ một phút, rồi bảo :

— Anh tạm dịch một bài thơ mới nhất của Quasimodo, ngắn nhất và... hay nhất nhé.

— Vàng.

— Bài thơ nhan đề theo tiếng La-tinh :

ANTIQUUS HIBERNUS

(Mùa Đông thượng-cổ)

Dục - vọng của những bàn tay người trong-suốt

Trong bóng tối của ngọn lửa đỏ buốt,

Những bàn tay chuyên thạo, bằng gỗ cây sên, hay cây hoa hồng,

Và quen thuộc với cái chết lạnh-làng, của muôn thuở mùa đông.

Chúng đi tìm hạt lúa, các con chim,

Rời đó đây tuyết phủ im-lìm.

Những danh - từ cũng như thế

Một chút-ít mặt trời, một hào-quang tuyết-thế

Rời thì sương mù, cỏ cây

Và cả chúng ta, ngấp không khi buổi sớm-mai.

Mình hiểu không ?

— Em hồng hiểu gì hết.

— Đây là Thi-sĩ làm nổi bật hai đối tượng : Bóng tối và ánh sáng, lửa và tuyết, mặt trời và sương mù, chữ và ý.

Mình hiểu không ?
— Không.

— Đại ý đoạn trên nói về ngọn lửa ấm trong lò sưởi, mùa Đông trong nhà, rồi ra ngoài là tuyết phủ. Đoạn dưới nói Thơ cũng thế : các danh từ rục-rờ chút ít ánh thiều-quang, rồi thì mù-mịt... tuyết sương... v.v... Bà Tú cười, lắc đầu :

— Em cũng mù - mịt, không thấy ánh mặt trời đâu trong bài thơ đó cả ! Thôi mình dịch một bài thơ khác của cái ông Thi-sĩ gì, người Ét-pa-nhôn, được giải Nobel năm 1956 đó.

— Thi-sĩ JUAN RAMON JIMÉNEZ ?

— Ừ. Mình cho em nghe bài của cái ông Thi-sĩ đó đi.



Thi-sĩ Ét-pa-gnôn J. JIMENEZ (Nobel 1956)

— Anh lấy một bài, cũng
ngắn nhất của Jiménez, nhan
đề là

TRỜI

Ta gần như quên người
Hơi vòm trời.
Do ánh sáng bao trùm lồng-lộng,
Như một kiếp đời
Phù - lưu ảo mộng.
Trần - gian nhìn người
Chẳng buồn suy nghĩ.
Đời mắt môi-mặt biếng-lười,
Thờ ơ tẻ - ti !
Người hiện ra trong tiếng nói
Vô vị, vô hương
Và trong lòng một môi
Của khách tha phương
Trong chiều tà nắng rơi
Trên mặt hồ gương
Non nước chấp cờ

* DANH NGÔN

Không phải với lưỡi kiếm mà tôi đã chinh-phục được thế-giới,
song chính là với cái đầu chứa những gì tôi đã thu thập trong
khi đọc sách.

NAPOLÉON

Trong giấc mơ vương,

Đó là Thi-sĩ nói với « ông
Trời » cao-tít mù kia-kia, Minh
thấy không ?

Bà Tú cười :

— Mấy ông Thi-sĩ mơ-mộng
cao xa quá, em chịu thôi... Bây
giờ Minh ăn hột vịt lộn không ?

— Ăn.

— Minh nằm võng coi sách đi,
để em đi luộc hột vịt lộn ăn nhá !

Bà Tú âu-yếm đặt một nụ
hôn trên vòm trán ông Tú và
một nụ hôn trên môi ông, rồi
đi luộc 5 hột vịt lộn...

Diệu Huyền

Sách Báo mới

* BẠN DÂN

Chúng tôi được tin ông NGUYỄN-VĂN-HAY, Giám-đốc
Trung-Tâm Tu nghiệp Trung và Cao cấp Công an Cảnh sát
Việt Nam, cho biết ông vừa được cấp trên ủy thác kiêm nhiệm
phụ trách xuất bản tập san tên là BẠN DÂN, một cơ quan ngôn
luận, thông tin và tu nghiệp của ngành Công an Cảnh sát Việt
nam Cộng Hòa. Tôn chỉ BẠN DÂN là phát huy kỷ luật chuyên
môn, xây dựng tác phong đạo đức cho nhân viên các cấp và
gây tình thân hữu đoàn kết giữa dân chúng và ngành Công
an Cảnh sát, theo chủ trương « Công an Cảnh sát là Bạn Dân ».

Tập san Bạn Dân số 1 sẽ phát hành trong thượng tuần
tháng 3 dương-lịch này.

Chúng tôi trân trọng cầu chúc BẠN DÂN thành công rực
rỡ trong nhiệm vụ.

* 龍齋詩集 (LONG TRAI THI TẬP).

作者：李文雄 (Tác giả LÝ VĂN HÙNG)

Một tập thơ Tàu, toàn thơ chữ nhỏ, bởi tác-giả, ông Lý
văn Hùng là một nhà học giả Trung Hoa vừa là một Thi-sĩ. Ông
ở Việt nam lâu ngày, yêu nước Việt, yêu Lịch-sử và Văn-chương
Việt, và mến người Việt, cho nên tập thơ của ông có rất nhiều
bài về các nhân vật và thắng cảnh Việt nam : Đền Hùng-Vương,
Núi Hương-tích, Đền Ngọc-Sơn, Chùa Một cột, Trưng-Nữ-Vương,
Hồ Tĩnh-Tâm, Huyền-Trần Công Chúa, Ngũ-Hành-Sơn, Võ-Tánh ;
Lê-văn-Duyệt Hà-Tiên Tiên-sơn tự, v.v... Hầu hết là thơ tứ tuyệt,
nhiều bài hay.

Ngoài ra, Thi sĩ Lý-văn-Hùng còn dịch ra thơ Tàu nhiều bài thơ Việt nam của Nguyễn Du, Nguyễn công Trứ, Hồ xuân Hương, Ng. đình Chiểu, Bà Huyện thanh Quan, Cao Bá Quát, v.v... các bản dịch đều sát ý, sát nghĩa, có giá trị đặc biệt. Như bài thơ cái Đu của Hồ xuân Hương, nhà thơ Trung Hoa dịch rất khéo, như sau đây :

八	男	四	遊	
柱	搖	幅	春	
倩	鶴	紅	當	
誰	膝	裳	惜	
妙	頻	飄	春	打
妙	頻	忽	不	鞦
陳	叩	展	再	韃
一	女	雨	杵	
雙	挺	行	拔	
作	蜂	玉	空	
戲	腰	腿	時	胡
美	款	震	孔	春
旁	款	顫	沒	香
人	親	伸	痕	

Chúng tôi xin thành thật khen Thi sĩ Lý-văn-Hùng. Sách dày 86 trang. In giấy tốt. Có bán tại nhà in Cawa, Cholon, giá 20 đồng.

★ La plaine aux Cerfs et la Princesse de Jade, của THÁI-VĂN-KIỀM.

Trích trong Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises — Nouvelle série — Tome XXXIV — No 4.

Một tập sách nghiên-cứu rất tường-tận trên phương-diện Lịch-sử và Địa-dư, về cuộc định-cư của các vị tiên-phong Việt nam hồi đầu thế-kỷ XVII tại đất « Đòng-Nai ». Trong sách có kể câu chuyện rất lý-thú của Công Chúa NGỌC-KHOA, con gái của Chúa SÀI-VƯỞNG, và vợ vua Chăm PO ROMÉ và Công Chúa NGỌC-VẠN, chị ruột của Ngọc-Khoa, và vợ vua Cao-miền CHÊI CHETTA II.

Thơ

LÊN RUỘT

★ ĐIỀU HUYỀN ★

HY-VỌNG TRÚNG VÉ SỐ

Chúa nhứt vừa rồi, tôi dạo chơi Một bác phu xe rách tả-toi,
 Qua phố Bô - Na, người là Rán mua hai vé, xé hai nơi,
 người ! Nhìn tôi, bác bảo : « Nghèo xơ-
 Thiên hạ chen nhau mua vé số, xác,
 Các cô vừa bán lại vừa cười, Tôi chỉ cầu may, thử vận chơi».

★
 Tôi hỏi một bà : « Bà, bà ơi ! Tôi thấy một cô bên-lên cười,
 Mua chi hai - chục vé một Kề tai một cậu : « Anh, anh ơi,
 hơi ? » Mua tờ vé số, may ra trúng,
 Bà cười : « Đâu phải tôi dư bạc. Mới lấy được nhau, để sống
 Bỏ vốn mua may, mong kiếm đời. »
 lời »

Tôi thấy một ông ngoài sáu
mười

Bảo cô bán vé : « Xé giùm tôi
Nhờ hên cô, nếu tôi mà trúng,
Trả hết nợ nần, còn chia đôi ! »

Nhưng cô bán vé mỉa-mai cười :
« Nợ nần tôi cũng lắm, ông ơi !
Nếu ông trúng số ông chuồn mất,
Tôi biết ông đâu, đến kiếm lời ! »

Tôi gặp một anh đội nón cời
Nói-năn thăm-thiết, lệ tuôn rơi :
« Lạy trời trúng số tôi trang-
trái,
Nợ thúc bên hông, thật tội đời ! »

« Tôi nợ lu-bù, các bạn ơi,
Họ đưa Thầy kiện bỏ tù tôi.
Phen này không trúng vài ba
vạn,

Thì chỉ còn đi tự-tử thôi ! »

Tôi gặp bạn tôi nhón miệng
cười :

« Bỏ mua vé số ? — Tôi mua rồi,

Tiền lương không đủ xài, bỏ Ạ,
Mua số còn mong một trúng
mười ! »

Mỗi tháng cầu may, vái lạy
Trời,

Mà sao trật mãi, hỡi Trời ôi !

Vì nghèo nên phải đeo theo
số,

Đeo mãi bao giờ sạch túi thôi !

Diêu Huyền



Truyện dài của cô VÂN-NGA
(Tiếp theo P.T. số 28)

— Ừ phải, anh nói đúng lắm.
Em rất cảm ơn anh.

Thanh bẹo vào má tôi và bảo :
— Đó là anh muốn giữ tình
yêu của đôi ta : trước sao, sau
vậy mà thôi.

Thanh bế tôi đi một khoảng
xa. Tôi nằm trong tay chàng như
nằm trong một giấc mộng đẹp.
Khi thấy rặng cây sau nhà, tôi
liền kêu hết đau chân rồi, chàng
liền đỡ tôi đứng xuống đất.

— Anh có mệt không ?
— Sao thấy không có mệt, và
nếu đường xa gặp đôi, càng tốt.
— Anh có biết con Bầy nó

nói với em làm sao không ?
— Con Bầy nào ?
— Con gái bác Ba, em của
anh Thuận đó.

— Người ta là vai chị, tại sao
kêu bằng nó ?

— À, vì hồi đó tới giờ nói
chuyện kêu nhau bằng mấy, tao
quen rồi. Nó nói hai đứa mình
đi đâu cũng... có cặp, coi kỳ quá.
Mà cũng lạ, vắng mặt anh đâu
đó một chút là em lại thấy buồn
buồn, nhớ nhớ làm sao ấy. Cái
thứ trai với gái yêu nhau rồi đều
vậy hết tron há anh ? Dòm thấy
mặt nhau có no béo gì đâu, mà
nếu không được vậy là cả ngày
như tưởng chết rồi vậy. Vậy mà
nói xa nhau làm sao được ?

— Không ai muốn xa nhau
hết, nhưng nghịch cảnh đưa đẩy
đến khiến cho phải chia tay nhau
thì cũng phải ráng mà chịu.
Chùng ấy, ta chỉ có một cách là
mãi mãi ôm ấp hình ảnh người
yêu trong tâm khảm để không bao
giờ rời bỏ phần đối với nhau.

— Anh đừng sợ em đổi lòng,
chỉ lo anh rời đây tham đó bỏ
đăng thôi.

— Ghen rồi sao ?
— Không phải ghen bóng, gió!
Nhưng đàn ông hay thay dạ, đổi
lòng, chứ đàn-bà ít có ai không
trọn lòng chung thủy.

Thanh hỏi bốn :

— Thí dụ anh có vậy thì em làm sao ?

— Đừng bao giờ gặp mặt em trở lại, và em sẽ thù oán anh muôn đời. Khi đã nhận làm vợ anh, tất cả của em là của anh cũng như tất cả của anh là của em, không còn chia sẻ được cho ai nữa...

Thanh lều lều tôi :

— Ngộ dữ a ! Mới nói chơi một chút, mặt đã đỏ hăm hăm rồi...

Tôi giờ tay phát vào vai chàng, chàng né tránh và chạy vào con đường mòn bên rặng tre. Tôi để chàng đi trước, còn tôi thủng thỉnh bước theo sau về nhà.

★

Tối hôm ấy, có một không khí mờ-mờ, giữa bọn trẻ chiếm đa số trong nhà, trong khi tôi đi vắng, Thành, Hành làm gà, vịt để nấu cỗ. Máy anh Hậu, Cua, Thức và em Năm tôi lo quét dọn, trang hoàng nhà cửa. Bà Phán Ba, mẹ của hai người bạn gái của tôi, thấy làm lãng-xãng, liền hỏi :

— Gì vậy, tụi bây ?

Thành và Hạnh cười cười mà không dám nói.

— Ủa, bữa nay tụi nhỏ làm gì mà bí mặt vậy kia ?

Anh Chim Xanh liền nói nhỏ :

— Bác ơi, tụi nó tổ chức đám cưới của Thanh và Vân đó. Bác đừng rí răng gì hết nha bác.

Bà Phán Ba bật cười và bỏ đi. Về phần chị Năm, anh Tám Càng đã nói trước rồi và thêm ý kiến vào :

— Kệ tụi nhỏ làm sao thì làm, không chừng tụi nó có lý. Thời buổi loạn-lạc, khe-khắc với tụi nó làm gì ...

Khi má tôi ở nhà bà nội về, thấy có bánh trái ê-hề liền nói :

— Chưa hết Tết mà mấy đứa nhỏ ở nhà siêng dư he ! Tính làm lớn chuyện gì đó ?

Ca Vang, có dự trù trước, liền nói :

— Bữa nay ăn mừng cho Thanh đã được bác nhận gã chị Vân. Chúng cháu muốn làm một buổi lễ kỷ-niệm cho đôi bên nhớ mãi ngày này. Bác cho phép vậy.

— Hai đứa nó đi bộ về tới chưa ?

— Dạ về rồi. Anh Thanh đâu, bác hỏi kia.

Thanh bước ra :

— Bác kêu chi ạ ?

Ca Vang sửa lời ngay :

— Phải gọi bằng má. Còn bác, cháu gì nữa chớ.

(Còn nữa)

BẠN ĐỌC VIẾT

★ Công - Giáo (Religio Catholica)

(của ông Văn - Long, Saigon)

... Trong *Phổ-Thông* số 28 (15-2-1960), nơi mục « *Đáp bạn bốn phương* », trang 122, có giải-thích hai chữ « *CÔNG-GIÁO* » như sau : « Hai chữ *CÔNG - GIÁO* được đặt ra trong thời Pháp-thuộc, vì Gia-tô-giáo là công - giáo của nước Pháp ».

Công - giáo của nước Pháp ?

Thật ra, đạo Chúa Giêsu Kitô là đạo chung cho nhân loại, bất phân dân-tộc giai-cấp. Hai chữ *CÔNG-GIÁO* là phiên-dịch, hai chữ latin *Religio Catholica*. Và tính-từ latin *Catholica* do tiếng Hy-lạp *katholikos*, có nghĩa là phổ-biến, chung cho mọi người. Vậy Công-giáo có nghĩa là đạo chung cho tất cả mọi người.

Chúng tôi gửi đến Ông những dòng này, không ngoài mục-đích góp ý-kiến với bạn đọc bốn phương...

★ Cầu Cơ

(của ông Lương-trọng-Minh, 18/22 Trương-tấn-Bửu, Saigon)

... Câu chuyện « *Cầu Cơ* » trong *Phổ-Thông* số 28 nhắc tới liên tưởng đến câu chuyện « *Cầu Cơ* » của Ông Thân sinh tôi hồi còn ở vùng kháng chiến chống Pháp —

Ông Thân-sinh tôi là cụ Lương-trọng-Hối (hiện nay là Niên trưởng Quốc Hội nhiệm kỳ II)

Thuở còn ở chiến khu, giặc Pháp tấn công gần đến huyện nhà (huyện Quế-Sơn thuộc tỉnh Quảng Nam).

Thầy tôi (ông thân sinh) bèn cầu Cơ (ở Quảng Nam thường gọi là Cầu Tiên) để xem thử quân nhà có yên không và năm nào thì đình chiến —

Lúc ấy, Cơ hiện về cho 6 chữ « **Quế Sơn vững như Bàn-Thạch** » Thật thế, từ đó trở đi Quân Pháp không tấn công đến huyện Quế Sơn lần nào cả cho đến ngày đình chiến. Cơ lại còn cho biết đúng năm đình chiến nữa.

Lúc ấy, tin « *Quế Sơn vững như Bàn Thạch* » và tin « *Đình chiến* » mà Cơ cho biết, đã loan rộng trong tỉnh Quảng Nam, và đã làm cho nhân tâm yên tĩnh — Lúc ấy, Ông Trần-đình-Tri làm chủ tịch hành chánh tỉnh Quảng Nam (Việt Minh) viết thư gởi cho Thầy tôi để chỉnh khéo, trong thư có câu :

« *Cụ cầu Cơ, gây hoang mang trong dân chúng, làm yếu lòng kháng chiến của « Nhân-Dân »* »

Thầy tôi không viết thư trả lời. Ông chỉ nói với tôi : « Đó là vấn-đề tự do tín-ngưỡng, ai cảm được tao ».

Lúc ấy, chúng tôi hầu Cơ để xin thơ chứ không xin họa thơ như ông. Cho nên chỉ đọc những câu thần chú, đọc nhiều lần cho đến khi nào Tiên hiện về. Có khi toàn thân Thầy tôi run lấy-bấy, có khi cầu mãi không lên. Tôi còn nhớ 4 câu thần-chú sa đây, (chữ Hán) :

« *Ba-lan nhứt vọng Động-đình-thu
Nguyệt-kiến cô phong thủy thượng phù
Thân đạo Thần - Tiên bất khả tiếp
Tâm thù hồ thử cọng du du* »

Đọc đi đọc lại như tụng kinh, không khí huyền diệu trang nghiêm lâng lâng bay tỏa ra không trung. Chúng tôi cảm giác như hồn ma quanh quần đầu đây, đôi lúc nghe mà rợn gáy vì phải đọc nhiều lần giữa hương trầm nghi-ngút.

Thưa Ông, còn một điều tại sao Cơ không ứng nữa mà nằm chết một chỗ. Như trong bài ông viết chỉ ứng đến Hồ-Xuân-Hương mà thôi. Còn cầu hương-hồn cụ Nguyễn-Du và Tú-Xương thì chịu — không thành công cho nên phải đành chấm dứt cuộc cầu Cơ.

Thưa ông theo chỗ chúng tôi thường nhận xét, thì lẽ có những cái gì *Ô-ước* phát tiết ra, Tiên không hiện về, như bài thơ của Nư-sĩ họ Hồ có vài câu vài chữ « *Ô-ước* » nên các hồn thiêng của các Thi-sĩ khác không hiện về được nữa...

Những người ăn thịt chó mà cầu Cơ, thì Cơ cũng không thành. Hoặc đang cầu Cơ mà nói tục-tiểu, hoặc đàn bà con gái đang lúc có kinh-nguyệt mà cầu Cơ thì không khi nào Cơ linh-ứng nữa.

Theo như chúng tôi kinh nghiệm, Cầu Cơ mãi thì thấy rằng trí nhớ bị sút kém, sức khỏe bị hao mòn, cho nên tôi xin đề nghị là chỉ thỉnh-thoảng thôi.

Đó là những điều hiểu biết thô thiên xin góp bàn với Ông cho vui và đó cũng là sự thật huyền bí mà những nhà « *Thần-linh-học* » mới cảm thông nói...



QUẢNG-CÁO :

TÌM ĐỌC : THI PHẨM
PHAN-PHỤNG-VĂN

Một thi phẩm dệt bằng nước mắt của một nàng thôn nữ khư khư ôm khối chung tình để rời chịu phũ-phàng suốt 15 năm lỵ loạn.

ĐÁP BẠN

BỐN

PHƯƠNG

DIỆU-HUYEN
và BẠCH-YẾN



★ Bạn An-Tâm, Trần-hưng-Đạo, Huế.

Thành-thật cảm ơn thịnh tình của bạn, và của các bạn đối với chúng tôi.

P. T. đăng tất cả các bài có giá - trị về học-vấn. Với các tác-giả ở xa, tiền nhuận-bút gửi bằng bưu-phiếu.

★ Bạn Nguyễn-Sửu. KBC 3196.

1.— Chúng tôi chưa hề nghe ai nói câu: « Tiếng Việt-Nam chỉ nói với những người biết cảm và không nói với những người biết nghĩ » (?) Câu chữ Pháp chua vào: « ... *parle avec qui sent, ne parle pas avec qui pense* », cũng hoàn-toàn sai-lầm.

2.— Câu la-tinh mà Galilée đã thốt ra trước tòa án buộc tội ông về ý-kiến của ông nói quả đất xoay tròn, là:

Eppur, si muove

(Nó vẫn cứ xoay)

Dịch ra Pháp văn: *Et pourtant, elle tourne.*

★ Cậu Trần-văn-Nhiệm, Nhatrang

Thống-chế De Lattre de Tassigny có tham-dự vào mặt trận chiến-đấu giải-phóng nước Pháp, hồi 1944. Năm 1945, ông đại-điện nước Pháp ký Hiệp-ước đầu-hàng vô điều-kiện của nước Đức.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ Bạn Kiều-trung-Phương, Duy-Tân, Huế

Bạn có hồn thơ dồi-dào, và bạn cố gắng lắm đấy, nhưng mấy bài thơ ấy chưa đăng được.

★ Một bạn đọc ở Huế

— Sức học trung-bình của đại đa số thanh-niên các nước tân-tiến như Anh, Đức, Mỹ, Pháp, Nga, v.v... là bằng tú tài. Nếu bạn có ở Paris, London, hay Rome, Berlin, Bonn, v.v... bạn sẽ không ngạc-nhiên tý nào khi thấy những tài xế taxi, những chị « vú em », những người ở, và thợ-thuyền, buôn-bán, dân quê, có trình-độ văn-hóa phổ-thông, tương-đương với Trung-học đệ-nhị, hay đệ nhứt cấp.

★ Thi-sĩ Juan Mormonson, Saigon.

Bài thơ của bạn:

A lawsuit for a mag cover photo » Humorously dedicated to Miss D. H. c/o The Phổ-Thông Digest, sẽ đăng sau khi vụ ấy xử xong, để khỏi mang tiếng. Hai câu thơ sau cùng thú-vị vô kể:

... Too dear is that woman of Namky!

How much did the whole game cost the male yankee?

Thành thật cảm ơn thịnh-tình nồng-hậu của bạn.

★ Bạn Văn-Giang, Đồi trà Blao

Đã trao thư ông và bài thơ đến anh Thiệu-Sơn rồi. Đồng-y đổi chữ « *lượt* » thay cho chữ « *nuột* » trong bài « *Đại-Hội Chuột* ». Xin thành thật cảm ơn.

★ Nhấn ông Bạch Thủy.

Xin ông cho biết địa-chỉ rõ-ràng. Đa tạ.

★ Bạn Trần-hữu-Dur.

Thành thật cảm ơn bức thư. Tác-giả « *Ngang trái* » chỉ thỉnh thoảng mới ghé thăm tòa báo. Tác-giả bài « *Đừng khóc* » ký tên *Hoàng-Hương-Trang*, là một bạn ở Huế, không phải Thu-Trang.

★ Em Ng. đức Hoàng, Huế

— Những chữ *Tunisie, Maroc, Algérie*, chính là tên các nước ấy. Tiếng Pháp vẫn thông-dụng tại các cựu thuộc-địa Pháp ở Bắc-Phi, vì nó tiện lợi hơn chữ A-rập.

Đây là tên thiệt của mấy nước em hỏi:

— Ấn-độ	=	Hindoustan
Ba Tư	=	Iran.
Mã - Lai	=	Malaya
Miền điện	=	Burma
Cao - miên	=	Khmer
Ai - Lao	=	Lao.
Nhật	=	Japan
Hung gia Lợi	=	Magyar
Hòa Lan	=	Hollande
Đức	=	Deutsches Reich
Anh	=	England
Ecosse	=	Scotland
Na - Uy	=	Norge (Pháp = Norvège)
Thụy điển	=	Sverige (Pháp = Suède)
Y-pha-nho	=	Espana (Pháp = Espagne)
v.v. . .		

★ Ô. Ng. Tâm, sở dụng cụ, khu Công chánh Nha-Trang

— Theo chỗ hiểu biết hẹp-hòi của chúng tôi thì bộ Y-HOC của Cụ HẢI - THƯỢNG LÂN - ÔNG biên soạn theo các sách thuốc xưa của Tàu, và châm chế thêm thuốc Nam của Cụ Lân-ÔNG, còn bộ Y-học Toàn-thư của Cụ NGUYỄN - AN - NHÂN xuất bản ở Bắc năm 1941-42, thì chép theo sách của Cụ Lân-ÔNG và có thêm chút ít phương thuốc mới. Hiện giờ chúng tôi không thấy bán ở các hiệu sách Saigon.

☆ Bạn Huyền-Linh KBC 4041.

Bạn lựa bài nào bạn cho là hay nhất, gửi lại chúng tôi, xin hoan-ngheh. Nhưng không hứa trước là sẽ đăng trong số nào, vì bài lai-cáo của các bạn gửi về Tòa soạn còn nhiều quá, sẽ lựa đăng dần.

★ Bà Lê thị Ngọc - Ánh, Bình Dương.

Vua Quang - Trung có 2 vợ. Bà vợ trước, lấy hồi còn ở Bình-Định, họ Vũ, sau được tôn làm VŨ HOÀNG - HẬU, ở kinh-dô Phú-Xuân, (Huế). Bà vợ hai, là Ngọc Hân Công Chúa, con gái thứ 21 của Vua Lê-Hiến-Tôn, được tôn làm LÊ HOÀNG - HẬU.

☆ Ông Dân - Sinh, Giáo - sư, Saigon.

Người Pháp, dịch quyển Kiều ra thơ Pháp, tên là RENÉ CRAYSSAC, trước kia, vào khoảng 1936-37 có làm công-sứ tỉnh Vĩnh Yên, Bắc-Việt.

☆ Cô Diệu - Hiền, Tổng - thống - phủ.

Theo Y-khoa Âu-tây. sức nặng của mình đúng với số lẻ bề cao của mình, tức là sức khỏe đầy đủ.

Thí dụ, cô cao 1m50 mà nặng 50 kí, hoặc cao 1m54 mà nặng 54 kí, tức là sức khỏe dồi-dào — Nếu cao 1m54 mà cân nặng 60 kí, hoặc 49 kí, thì triệu-chứng không tốt đó : hoặc mập quá, hoặc yếu quá.

Cô cao 1,53, thì cô nên giữ cân thường mức 53 kí, là không lo bệnh-hoạn. Sức khoẻ được thăng bằng. Cô không nên uống nhiều café noir.

★ Cô Bạch-Lan, nhà thương Từ-Dũ, Saigon

Bà Từ-Dũ là mẹ vua Tự-Đức, vợ vua Thiệu-Trị, người tỉnh Gò-Công. Bà không có thành-tích gì, hoặc công trạng gì lớn lao, nhưng bà là một Bà mẹ gương mẫu đối với con. Bà đã cương quyết phản đối chánh sách nhượng 6 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp — Một hôm, vua Tự-Đức qua làng Kim-Lương để săn-bắn, chiều bị trời mưa dông, vua về thành không được, đành phải ở lại Kim-Lương. Bà Từ Dũ thức suốt đêm lo ngại. Sáng hôm sau vua về, lật-dật vào chầu Mẹ. Bà quỳ mặt vô vách, không thèm ngó vua, và để sẵn một roi mây trên bàn. Vua Tự-Đức hiểu ý Mẹ giận, muốn đánh đòn nhưng vì ngài là vua nên bà Từ Dũ để roi đó làm tượng-trưng cho sự trừng phạt nghiêm-khắc. Vua Tự-Đức liền cúi sụp xuống lạy Mẹ, để xin chịu tội.

Khi vua Tự-Đức ký hiệp-ước Patenotre nhượng đất Nam-Kỳ cho Pháp, bà Từ-Dũ bỏ ăn mấy ngày, bụng rèm không tiếp vua.

Chức của Bà là Từ-Dũ Thái-Hoàng Thái-Hậu.

★ Ông Trần-văn-Giảng, Cần Thơ.

Thưa ông, chữ Fall, tiếng Mỹ, còn có nghĩa là mùa Thu. Nhưng chỉ riêng người Mỹ thì nói Fall là mùa Thu, chớ người Anh vẫn nói Autumn. Thí-dụ người Mỹ nói : As fall is coming, khi mùa Thu đến, còn người Anh vẫn nói : Autumn is coming.

★ Em Hà-đức-Tâm, Phan-dinh-Phùng, Saigon.

1.— Chơi tem quốc-tế là một lối chơi riêng của những người thích sưu-tầm tem.

2.— Chúng tôi không được biết ông Ngọc-Son.

**TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ
DƯƠNG LỊCH**

✧ Ông Phan tương Dao — Nha trang

— Ngày 21-10 âm lịch năm Tân Tỵ = Mardi 9-12-1941 D.L.

— Ngày 15-6 âm lịch năm Canh Thìn = Vendredi 19-7-

1940 D.L.

✧ Ông Lê viết Nhương — k.b.c 3318

Ngày 27 tháng chạp năm Dần tức ngày Thứ tư 15 2-1938 D.L.

✧ Ông Tôn thất Cư — Vĩnh Điện — Quảng Nam

— Ngày 1-3-1934 D. L nhằm ngày 16 tháng Giêng âm lịch năm Giáp Tuất, tháng Bính Dần, ngày Tân Mùi.

— Ngày 27-12-1935 nhằm ngày mồng 2 tháng Chạp âm lịch năm Ất Hợi, tháng Kỷ Sửu, ngày Đinh Sửu.

✧ Ông Hà thanh Tú — Nha trang.

— Ngày 1-6 âm lịch năm Mậu Dần, giờ Dần, là ngày Thứ Ba 28-6-1938 D.L. Ngày Tân Mão, tháng Kỷ Mùi (lời 4 hay 5 giờ sáng).

✧ Ông Nguyễn văn Sau — Quảng Trị.

Ngày 15-5-1937 nhằm ngày mồng 6 tháng 4 âm lịch năm Đinh Sửu, tháng Ất tị, ngày Nhâm Thìn.

✧ Ông Từ Khanh — Saigon.

Ngày 29-5 âm lịch năm Đinh Sửu, tháng Bính Ngọ, ngày At vị nhằm ngày Thứ tư 7-7-1937.

✧ Bạn Ngọc Ly — Đà Nẵng

Ngày 20-7-1930 D.L hồi 02 giờ đến 04 giờ sáng nhằm ngày 25 tháng 6 năm Canh Ngọ, tháng Quý Mùi, ngày Tân Mùi, giờ Dần.

✧ Bạn Lê Thành — Phan Rang.

Ngày 25-5-1931 là ngày mồng 9 tháng 4 âm lịch năm Tân Mùi, tháng Quý Tỵ, ngày Canh Thìn.

XỖ SỐ KIẾN - THIẾT

LOẠI ĐẶC - BIỆT

Thanh - niên bảo - vệ hương - thôn

Phát - hành 4 kỳ :

Loại I	mở ngày	10-5-1960
— II	—	24-5-1960
— III	—	7-6-1960
— IV	—	21-6-1960

Mỗi vé giá 10\$